

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5406 /BTC-PC

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

V/v xin ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 10/12/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026).

Ngày 31/12/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký ban hành Quyết định số 2835/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17).

Ngày 15/02/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đã ký ban hành Quyết định số 307/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó đã cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm số 64/2025/QH15, Bộ Tài chính đã thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng Hồ sơ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Để đảm bảo Nghị định có hiệu lực cùng thời điểm Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

(Hồ sơ gửi kèm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (ii) Dự thảo Nghị định của Chính phủ; (iii) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (iv) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước

quốc tế có liên quan đến dự thảo; (v) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PC (03b)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO
Gửi BTP thẩm định

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 4, Điều 5, Điều 9, khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 24 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Đơn vị lực lượng vũ trang.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Doanh nghiệp nhà nước.
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực nhà nước.
- Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

**HÀNH VI GÂY LÃNG PHÍ VÀ HÀNH VI VI PHẠM TRONG TỔ CHỨC
THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ**



Điều 3. Nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí

1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi gắn với hậu quả lãng phí.

2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.

Điều 4. Hành vi gây lãng phí

1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các hành vi được quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và các hành vi khác quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, bao gồm:

a) Ấn định thuế không dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan, gây lãng phí;

b) Xác định không đúng căn cứ tính thu thuế, áp dụng không đúng quy định về ưu đãi thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra, gây lãng phí;

c) Thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, xóa tiền thuế nợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện theo quy định, gây lãng phí;

d) Không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, gây lãng phí.

3. Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, bao gồm:

a) Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí;

b) Bố trí số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị vượt mức quy định;

c) Tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, gây lãng phí;

d) Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức không căn cứ vào năng lực của công chức, nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây lãng phí;

đ) Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;

e) Tuyển dụng viên chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào nhu cầu thực tế, vị trí việc làm, quỹ tiền lương và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập, gây lãng phí;

g) Đào tạo, bồi dưỡng không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực;

h) Giao biên chế không phù hợp với quy định pháp luật về căn cứ xác định biên chế công chức, gây lãng phí;

i) Áp dụng chính sách tuyển chọn, thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không đúng quy định của pháp luật, gây lãng phí;

k) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí;

l) Ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, gây lãng phí;

m) Ký hợp đồng làm việc với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật, gây lãng phí.

4. Hành vi cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.

5. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng, bao gồm:

a) Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định gây ra hạn hán, thiếu nước;

b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không đảm bảo điều kiện về năng lực dẫn đến đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai..

Điều 5. Xác định hậu quả của hành vi gây lãng phí

1. Hành vi liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Gây thất thoát ngân sách nước, tài sản công, làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực do không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Hành vi trong quản lý, sử dụng tài chính công quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Làm tăng chi ngân sách nhà nước;

b) Làm giảm thu ngân sách nhà nước;

c) Tiền thuế nợ không bị cưỡng chế nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, nguồn vốn của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư;

b) Làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các hành vi quy định tại các điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng;

d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản công, tài nguyên quốc gia;

đ) Kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt.

4. Hành vi trong đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại điểm d, e, g, h, i và k khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, giao vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (vượt diện tích đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; vượt số lượng, mức giá đối với xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản công khác mà pháp luật quy định về số lượng, mức giá);

b) Tài sản công bị hư hỏng, thất thoát, hao hụt vượt định mức theo quy định;

c) Phát sinh chi phí bảo quản, bảo vệ, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa do không xử lý kịp thời đối với tài sản công không sử dụng được;

d) Phát sinh chi phí xử lý, khôi phục, bồi thường thiệt hại;

đ) Tài sản công là trụ sở làm việc không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Hành vi trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí phục hồi tài nguyên, năng lượng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm hoặc bị mất đi;

b) Thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước;

c) Làm tăng tổng mức kinh phí giải phóng mặt bằng so với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt do thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt xuất phát từ nguyên nhân chủ quan;

d) Gây thất thoát tài nguyên, năng lượng;

đ) Phát sinh kinh phí xử lý, khôi phục cơ sở dữ liệu số do quản lý, sử dụng trái quy định;

e) Đất không được trả lại theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Phát sinh các chi phí xử lý phân kết cấu xây dựng hình thành trên đất;

h) Đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai.

6. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, phá dỡ và các chi phí khác để xử lý phân kết cấu xây dựng hình thành từ dự án;

b) Làm tăng phần vốn nhà nước tham gia hoặc phát sinh các nghĩa vụ tài chính khác của Nhà nước;

c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng theo quy định tại hợp đồng dự án, quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.

7. Hành vi trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Thất thoát, mất vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Thất thoát phần lợi nhuận phải nộp vào ngân sách nhà nước do trích lập các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cấp có thẩm quyền ban hành.

8. Hành vi trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm tăng chi ngân sách nhà nước.

9. Hành vi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi để xảy ra hành vi quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoặc phân công phụ trách gắn với hậu quả quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này và hành vi quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

Điều 6. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí

Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí là các nhóm hành vi quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, trong đó bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:

1. Hành vi vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không ban hành hoặc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn quy định;

b) Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Hành vi vi phạm trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành:

a) Không tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được ban hành;

b) Tổ chức thực hiện không đầy đủ, không đúng nội dung, không đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Không phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung, yêu cầu của báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Báo cáo không trung thực, không chính xác về kết quả, số liệu về tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hành vi vi phạm về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không cập nhật hoặc cập nhật thông tin không đầy đủ, không đúng thời hạn vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Cập nhật thông tin không chính xác, không trung thực.

5. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung và hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không thực hiện công khai thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Công khai không đúng thời hạn, hình thức, không đầy đủ nội dung phải công khai theo quy định.

6. Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

7. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

8. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp hồ sơ, tài liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra;

b) Không bố trí người có trách nhiệm làm việc, không tham gia làm việc hoặc trì hoãn làm việc với cơ quan kiểm tra mà không có lý do chính đáng;

c) Cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;

d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên Đoàn kiểm tra;

đ) Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định, yêu cầu, kết luận kiểm tra;

e) Thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra.

9. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và quy định pháp luật có liên quan.

10. Hành vi vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân theo quy định của pháp luật về tố cáo, tố tụng hình sự.

11. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không ban hành hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Không triển khai hoặc triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này.

Chương III

NGÀY TOÀN DÂN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 7. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức hằng năm vào ngày 31 tháng 5, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bảo đảm tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.
2. Ưu tiên triển khai thực hiện trên môi trường điện tử.
3. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc tổ chức thực hiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 9. Nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân, tiết kiệm chống lãng phí

1. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức với các hoạt động sau:

a) Tuyên truyền, khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội;

b) Phổ biến quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí gắn với đời sống của nhân dân, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Phát động phong trào, cuộc thi để tiếp nhận và lan tỏa các sáng kiến, giải pháp về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân;

d) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức dưới các hình thức sau đây:

a) Phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;

b) Các hình thức tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật;

c) Ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức truyền thông khác để lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí;

d) Hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

1. Trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

a) Hằng năm, Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước;

b) Trên cơ sở hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn về nội dung,

hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi mình quản lý.

2. Trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Cơ quan báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, các sáng kiến, giải pháp hiệu quả, gương người tốt, việc tốt trong tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 11. Kinh phí tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kinh phí tổ chức các hoạt động của Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách để triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương IV

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 12. Trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí để xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được phê duyệt, các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

3. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục tiêu, yêu cầu và phạm vi thực hiện phù hợp với Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức;

b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; lộ trình, thời hạn thực hiện; sản phẩm, kết quả đầu ra dự kiến;

c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; cơ chế phối hợp trong tổ chức thực hiện;

d) Nguồn lực và phương thức bảo đảm thực hiện;

đ) Chế độ theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn xây dựng, tổng hợp, theo dõi tình hình ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Việc triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, lộ trình và phân công trách nhiệm trong Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã ban hành;

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan;

c) Phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về kết quả triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí trong trường hợp cần thiết.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Điều 14. Trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

1. Trước ngày 31 tháng 12, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm được Quốc hội thông qua; Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; dự kiến nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của năm sau.

2. Trước ngày 31 tháng 12, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và thực tế của địa phương để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của năm sau.

3. Căn cứ yêu cầu của công tác tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương quyết định việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan mình; chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí đã xây dựng;

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí các nội dung, biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí để bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đề ra;

c) Xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Ban hành Thông tư hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01 tháng 10 hằng năm;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương V

CÔNG KHAI TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 16. Hình thức công khai

1. Hình thức công khai thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lựa chọn hình thức công khai phù hợp với nội dung công khai, đối tượng công khai; tổ chức thực hiện việc công khai trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý. Trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc về hình thức công khai thì áp dụng theo quy định của pháp luật đó.

Điều 17. Thời điểm công khai

1. Việc công khai các nội dung theo quy định tại Điều 14 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác, bảo đảm quyền tiếp cận, giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thời điểm công khai được xác định như sau:

a) Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;

b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;

c) Kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý;

d) Thời điểm công khai nội dung thông tin thuộc lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp nội dung công khai được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế được công khai theo thời hạn áp dụng đối với nội dung công khai ban đầu.

4. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc không đảm bảo thực hiện công khai thông tin theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này thì thời điểm thực hiện công khai được tính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục.

5. Cơ quan ban hành các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hành vi gây lãng phí có trách nhiệm thực hiện công khai đúng thời điểm các nội dung phải công khai theo quy định.

Điều 18. Yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

3. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ sở dữ liệu quốc gia và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Bảo đảm việc tích hợp, thống nhất và đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

5. Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
2. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
3. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.
4. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí.
5. Thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 20. Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin quy định tại Điều 19 Nghị định này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) như sau:

a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí do cơ quan mình ban hành hoặc do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ ngành, địa phương mình vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này;

d) Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này;

đ) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật các thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo phù hợp với nội dung và thời hạn theo yêu cầu cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc gia hạn thời hạn cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được xem xét khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bị gián đoạn hoặc gặp sự cố;

b) Có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị ảnh hưởng đến việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Phát sinh sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc cập nhật thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn.

3. Cơ quan đề nghị gia hạn phải có văn bản giải trình nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành, gửi cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để xem xét, chấp thuận. Việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được gia hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí chấp thuận.

4. Đối với các thông tin, dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để chia sẻ thông tin, dữ liệu tự động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 21. Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Nghị định này và Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tổ chức tiếp nhận, chuẩn hóa, tích hợp, lưu trữ và quản lý thống nhất thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.

2. Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ,

ngành, địa phương; Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong việc cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung đối với thông tin không đầy đủ hoặc có phản ánh về việc thông tin không chính xác.

5. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương VI

KIỂM TRA TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 23. Nội dung kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí

1. Nội dung kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

a) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

b) Việc xử lý thông tin phát hiện lãng phí, hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí;

c) Việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân;

d) Tình hình tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nội dung kiểm tra theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15.

Điều 24. Trách nhiệm kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí

1. Trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

a) Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này trong phạm vi cả nước;

b) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ nội dung quy định tại các điểm d và điểm e khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15).

2. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tuân thủ pháp luật, khách quan, minh bạch, kịp thời, chính xác.
2. Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành.
3. Không làm cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra.
4. Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.
5. Nội dung kiểm tra phải bám sát mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động có nguy cơ lãng phí cao; kết hợp kiểm tra với phòng ngừa và xử lý hành vi gây lãng phí.

Điều 26. Mục đích kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí nhằm xem xét, đánh giá việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.
2. Kết quả kiểm tra chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện các dấu hiệu vi phạm, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 27. Quyết định kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.
2. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra:
 - a) Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định;
 - b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;
 - c) Theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.
3. Nội dung quyết định kiểm tra:

- a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;
- b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;
- c) Đối tượng kiểm tra;
- d) Thành phần Đoàn kiểm tra và Trưởng đoàn kiểm tra;
- đ) Quyền hạn, trách nhiệm của Đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra;
- e) Thời hạn kiểm tra.

4. Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.

Điều 28. Thành phần Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

Điều 29. Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phải dựa trên lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao; kết quả quản lý, sử dụng nguồn lực; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu quản lý nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Trước ngày 01 tháng 3 hằng năm, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này có trách nhiệm ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền ban hành kế hoạch kiểm tra có thể điều chỉnh kế hoạch kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra phải được gửi cho cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước và đối tượng kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

Điều 30. Tiến hành kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

Việc công bố quyết định kiểm tra được thực hiện bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi bằng văn bản đến đối tượng kiểm tra; nội dung công bố phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện để đối tượng kiểm tra chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra thực hiện thu thập, xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra.

3. Lập biên bản kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, trong đó nêu rõ: thành phần Đoàn kiểm tra; đối tượng kiểm tra; tổ chức, cá nhân có liên quan; nội dung kiểm tra; kết quả xác minh; đánh giá việc quản lý, sử dụng nguồn lực; ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra phải có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra và đại diện đối tượng kiểm tra. Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản thì biên bản phải ghi rõ lý do và có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi kiểm tra hoặc của ít nhất một người làm chứng xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký.

b) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí thì Đoàn kiểm tra có trách nhiệm xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Trường hợp nội dung kiểm tra vượt quá phạm vi đánh giá hoặc cần làm rõ theo chức năng thanh tra, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để xem xét yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra theo quy định.

d) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật.

4. Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí,

nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 31. Kết luận kiểm tra

1. Trong thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra, Đoàn kiểm tra dự thảo kết luận kiểm tra và gửi cho đối tượng kiểm tra để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra. Trường hợp dự thảo kết luận kiểm tra phức tạp, có phạm vi rộng thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra.

2. Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, đối tượng kiểm tra gửi lại Đoàn kiểm tra ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra. Trường hợp dự thảo kết luận kiểm tra phức tạp, có phạm vi rộng thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra và phải thông báo bằng văn bản về việc kéo dài cho Đoàn kiểm tra.

3. Trong thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra hoặc 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà Đoàn kiểm tra không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, thì Trường đoàn kiểm tra trình người có thẩm quyền kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra.

Trường đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền.

4. Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra.

5. Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; xác định rõ sai phạm, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm; kiến nghị xử lý sai phạm và việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm; thời hạn thông báo kết quả việc thực hiện kết luận kiểm tra.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí với hoạt động kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí theo từng lĩnh vực, hoạt động thanh tra, kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Kịp thời chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền đối với các kiến nghị của Đoàn kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin đến cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân để xem xét, xử lý theo quy định.

5. Trường hợp qua kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phát hiện hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật thì kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

6. Quyết định tạm dừng kiểm tra trong trường hợp bất khả kháng; quyết định đình chỉ kiểm tra trong trường hợp đối tượng kiểm tra không còn, nội dung kiểm tra đã được thanh tra, đã có quyết định khởi tố hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

7. Ban hành văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

8. Tổng hợp, báo cáo về hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra; yêu cầu giải trình, làm rõ về các nội dung có liên quan.

2. Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan, người có thẩm quyền khác áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích của hoạt động kiểm tra.

3. Lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra về kết quả kiểm tra.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Quyền của đối tượng kiểm tra

a) Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra;

c) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về hoạt động kiểm tra, quyết định xử lý về kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra

a) Chấp hành quyết định kiểm tra; không cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp;

c) Chấp hành quyết định xử lý về kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương VII

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 35. Yêu cầu trong xây dựng báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí

1. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí phải được xây dựng đầy đủ, trung thực, khách quan, phản ánh đúng tình hình triển khai công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý, lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Nội dung báo cáo phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được xác định trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hoặc theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Đảm bảo có đánh giá cụ thể về kết quả đạt được và kịp thời phản ánh những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

4. Số liệu, thông tin trong báo cáo phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với dữ liệu đã cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan.

5. Đảm bảo báo cáo được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, đề cương, biểu mẫu báo cáo theo quy định.

6. Người ký báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của báo cáo.

Điều 36. Nội dung báo cáo

1. Nội dung báo cáo năm gồm:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó phải nêu rõ mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí theo kế hoạch đã đề ra; kết quả tiết kiệm đạt được theo từng lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán về tiết kiệm, chống lãng phí; tình hình phát hiện, xử lý hành vi gây lãng phí; công tác tiếp nhận, xử lý thông tin lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân (nếu có);

c) Đánh giá tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;

d) Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong năm tiếp theo.

2. Nội dung báo cáo chuyên đề, nội dung báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).

3. Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đề cương, biểu mẫu báo cáo năm.

Điều 37. Trách nhiệm xây dựng, tổng hợp báo cáo

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực được phân công phụ trách trên phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà

nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa bàn quản lý.

3. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của mình gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đồng thời gửi biểu mẫu báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí về Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước, xây dựng báo cáo của Chính phủ để trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội theo quy định.

Điều 38. Hình thức, thời gian chốt số liệu báo cáo, phương thức và thời hạn gửi báo cáo

1. Báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo các hình thức sau:

a) Báo cáo năm;

b) Báo cáo chuyên đề;

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Đối với báo cáo năm: Số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm;

b) Đối với báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phương thức và thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 28 tháng 02 năm sau liền kề năm báo cáo;

b) Báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính;

c) Trường hợp do các nguyên nhân quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này dẫn đến không thể cập nhật báo cáo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể gửi báo cáo dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (có ký số) đến Bộ Tài chính, bảo đảm theo đúng thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền.

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH ().

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ
ĐIỀU CỦA LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (*sau đây viết tắt là TK, CLP*) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII là “*Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.*”

- Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: “*Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi; tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.*”

- Tại điểm 2.1 mục V Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã giao trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước: “*2.1. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ*

sung, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống lãng phí; về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công để khắc phục những bất cập, sơ hở dễ gây ra lãng phí.”

- Tại Bài viết “Chống lãng phí” của Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là: *“tập trung hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả thể chế phòng, chống lãng phí; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công. Ban hành quy định của Đảng nhận diện cụ thể những biểu hiện lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; quy định vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống lãng phí; xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; xây dựng cơ chế thực sự hữu hiệu cho giám sát, phát hiện lãng phí của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân.”*

- Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội quy định: *“5. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp yêu cầu thực tiễn. Từ năm 2023, thường xuyên đánh giá hiệu quả và chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh các bất cập, mâu thuẫn nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí các nguồn lực. Chú trọng xây dựng chính sách quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng giai đoạn đối với một số lĩnh vực then chốt như tiết kiệm năng lượng, quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản.”*

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định việc hoàn thiện thể chế pháp luật về TK, CLP là một trong những giải pháp quan trọng nhằm định hình tương lai khi đứng trước cơ hội lịch sử để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

b) Cơ sở pháp lý

- Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật TK, CLP số 110/2025/QH15, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn 10 nội dung: hành vi gây lãng phí (Điều 4); hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí (Điều 5); Ngày toàn dân TK, CLP (Điều 9); trách nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí (khoản 3 Điều 12); Chương trình TK, CLP (Điều 13); hình thức công khai về TK, CLP (Điều 15); việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP (khoản 2 Điều 16); kiểm tra TK, CLP (Điều

17); chế độ báo cáo kết quả công tác TK, CLP (*khoản 2 Điều 24*); việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí (*khoản 4 Điều 37*).

- Ngày 31/12/2025, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật TK, CLP (*khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17*).

- Ngày 15/02/2026, Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình ký Quyết định số 307/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật TK, CLP, theo đó Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật TK, CLP được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TK, CLP là cần thiết nhằm kịp thời triển khai các nhiệm vụ của Chính phủ được giao tại Luật, đảm bảo các chính sách mới được sửa đổi, bổ sung tại luật được triển khai ngay khi Luật có hiệu lực thi hành (01/7/2026), không tạo ra khoảng trống pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (*sau đây viết tắt là THTK, CLP*) được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014. Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật THTK, CLP, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THTK, CLP.

Qua hơn 10 năm thực hiện Luật, công tác THTK, CLP nhìn chung đã đạt được một số kết quả nhất định, tạo chuyển biến và nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân trên các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Hệ thống văn bản hướng dẫn Luật THTK, CLP đã được ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Để tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật THTK, CLP và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có Báo cáo số 480/BC-BTC ngày 19/9/2025 về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật THTK, CLP và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP. Theo đó, việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP trong các lĩnh vực đã có những chuyển biến cơ

bản, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cho phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với các quy định mới của Luật TK, CLP số 110/2025/QH15, cụ thể:

Thứ nhất, một số nội dung tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP không còn phù hợp với các quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại Luật TK, CLP, bao gồm: (i) các quy định về công khai tiết kiệm, chống lãng phí; (ii) chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương; (iii) chế độ báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí...

Thứ hai, một số nội dung quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP không còn phù hợp do Luật TK, CLP không giao Chính phủ quy định chi tiết, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành bao gồm: (i) các quy định về xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (ii) quy định về xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí (nội dung này Luật TK, CLP đã dẫn chiếu thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan).

Thứ ba, một số nội dung mới được bổ sung tại Luật TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết cần tiếp tục được nghiên cứu để bổ sung tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 84/2014/NĐ-CP như (i) quy định chi tiết về hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí; (ii) quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; (iii) quy định về kiểm tra TK, CLP; (iv) quy định về Ngày toàn dân TK, CLP...

Ngoài ra, thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 84/2014/NĐ-CP còn cho thấy một số điểm hạn chế như: một số bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty chưa tuân thủ nghiêm quy định về thời hạn lập, gửi Chương trình THPTK, CLP và Báo cáo kết quả THPTK, CLP; nội dung một số báo cáo chưa đánh giá đầy đủ kết quả THPTK, CLP, chưa so sánh với chỉ tiêu đề ra, một số đánh giá còn chung chung, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo... Ngoài ra, việc thực hiện công khai THPTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đảm bảo về thời gian cũng như nội dung, hình thức theo quy định làm hạn chế công tác theo dõi, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, nhân dân. Công tác kiểm tra về THPTK, CLP tại các cấp, các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu quả;...

Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định để quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật là cần thiết, kịp thời khắc

phục một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trên thực tế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các pháp luật liên quan và có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật TK, CLP theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

- Quy định chi tiết hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để nhận diện và xử lý trách nhiệm đối với các hành vi này trên thực tế.

- Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật về tổ chức triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình TK, CLP hằng năm, báo cáo kết quả công tác TK, CLP, công khai về TK, CLP.

- Cụ thể hóa quy định về xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP.

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, nội dung của Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật TK, CLP và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời kế thừa và hoàn thiện những quy định hiện hành còn phù hợp với quy định của các Luật này cũng như thực tế triển khai thực hiện công tác TK, CLP.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- *Một là*, bám sát chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực về một số nội dung trọng tâm về công tác phòng, chống lãng phí.

- *Hai là*, bám sát các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật TK, CLP, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các quy định của Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và khả thi để tổ chức thực hiện trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác TK, CLP.

- *Ba là*, kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP còn phù hợp với thực tiễn; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những

quy định còn chưa rõ ràng, bất cập, thiếu thống nhất; bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc gây vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- *Bốn là*, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cam kết quốc tế, nhất là với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực TK, CLP như tài chính công, tài sản công, đầu tư công, tài nguyên, năng lượng, quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp...

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã thực hiện các công việc sau:

- Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại công văn số 3707/BTC-PC ngày 26/3/2026; đăng tải trên Công thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

- Hồ sơ Nghị định đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại công văn số ...;

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2026, ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định chi tiết Điều 4; Điều 5; Điều 9; khoản 3 Điều 12; Điều 13; Điều 15; khoản 2 Điều 16 và Điều 17 Luật TK, CLP¹, trong đó bao gồm các nội dung sau: (i) hành vi gây lãng phí; (ii) hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí; (iii) ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí; (iv) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; (v) công khai về tiết kiệm, chống lãng phí; (vi) cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí; (vii) kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí; (viii) chế độ báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời, Nghị định quy định về chế độ báo cáo kết quả công tác TK, CLP theo nội dung được giao tại khoản 2 Điều 24 Luật TK, CLP.

- Nghị định này áp dụng đối với: (i) tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước; (ii) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (iii) đơn vị lực lượng vũ trang; (iv) đơn vị sự

¹ Nghị định này không quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí tại khoản 4 Điều 37 Luật TK, CLP do nội dung này sẽ được quy định ở một Nghị định khác của Chính phủ theo Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

nghiệp công lập; (v) doanh nghiệp nhà nước; (vi) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực nhà nước; (vii) doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 08 Chương, 41 Điều, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung;

Chương II: Hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí;

Chương III: Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;

Chương IV: Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;

Chương V: Công khai tiết kiệm, chống lãng phí;

Chương VI: Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí;

Chương VII: Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

Chương VIII: Điều khoản thi hành, điều khoản chuyển tiếp.

Trong đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 12/32 điều; bãi bỏ 19 điều; giữ nguyên 01 điều, bổ sung mới 28 điều và chỉnh lý, sắp xếp các điều, khoản so với Nghị định số 84/2014/NĐ-CP.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa một số quy định còn phù hợp tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP. Đồng thời, được hoàn thiện với một số nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu sau:

3.1. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

3.1.1. Về Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hằng năm tại Điều 14 dự thảo Nghị định theo hướng quy định cụ thể thẩm quyền, thời hạn, căn cứ ban hành Chương trình TK, CLP, trong đó giao Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (*sau đây viết tắt là Bộ, cơ quan khác ở trung ương*) và địa phương quyết định việc ban hành Chương trình TK, CLP hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình TK, CLP, trong đó giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình TK, CLP trước ngày 01 tháng 10 hằng năm.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 14 Luật TK, CLP quy định Chương trình TK, CLP được xây dựng hằng năm, bao gồm:

- (i) Chương trình TK, CLP hằng năm của Bộ, cơ quan khác ở trung ương;
- (ii) Chương trình TK, CLP hằng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- (iii) Chương trình TK, CLP hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

Trên cơ sở quy định trên tại Luật TK, CLP, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai Chương trình TK, CLP. Trong đó, dự thảo Nghị định giao cho Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương tự quyết định việc ban hành Chương trình TK, CLP hằng năm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhằm bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, hạn chế việc phát sinh thủ tục không cần thiết đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã lồng ghép nội dung trong Chương trình TK, CLP của bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

Nội dung giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương xây dựng Chương trình TK, CLP hằng năm tại dự thảo Nghị định này là để đảm bảo việc xây dựng Chương trình TK, CLP của các Bộ ngành địa phương thực hiện thống nhất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp TK, CLP trong các lĩnh vực theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, trong đó tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh lãng phí cao, các vấn đề nổi lên trong quản lý, điều hành liên quan đến TK, CLP. Đây cũng là nội dung mà Ủy ban Kinh tế và Tài chính đã có ý kiến tại Báo cáo thẩm tra số 1384/BC-UBKTTC15 ngày 31/10/2025 về dự án Luật Tiết kiệm, chống lãng phí và Chính phủ cũng đã thống nhất quy định nội dung trách nhiệm của Bộ Tài chính đối với việc “*Ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01 tháng 10 hằng năm*” vào Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật tại Báo cáo số 1225/BC-CP ngày 09/12/2025 về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

3.1.2. Về công khai tiết kiệm, chống lãng phí

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm công khai TK, CLP cụ thể đối với từng nội dung công khai về TK, CLP quy định tại Điều 14 Luật TK, CLP, theo đó:

(i) Đối với Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình TK, CLP; Báo cáo kết quả công tác TK, CLP; kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ra quyết định xử lý;

(ii) Đối với nội dung thông tin trong các lĩnh vực TK, CLP thì thực hiện theo quy định về thời điểm công khai tại Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.

- Quy định cụ thể trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc không đảm bảo thực hiện công khai thông tin theo đúng quy định thì thời điểm thực hiện công khai được tính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Quy định về thời điểm công khai về TK, CLP tại dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa nguyên tắc quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP và bổ sung một số nội dung mới quy định tại Luật TK, CLP, theo đó: (i) Đối với nội dung công khai đã được quy định cụ thể tại Luật TK, CLP như Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình TK, CLP; Báo cáo kết quả công tác TK, CLP... thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này; (ii) Đối với các thông tin khác thuộc từng lĩnh vực TK, CLP thì thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.

Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định thống nhất thời điểm công khai là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc ra quyết định xử lý đối với nội dung công khai để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ thời gian cần thiết thực hiện rà soát, hoàn thiện, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của thông tin được công khai (thay vì một số nội dung trước đây chỉ quy định 02 ngày theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP).

Ngoài ra, trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến không bảo đảm thực hiện công khai thông tin theo đúng thời điểm nêu trên, dự thảo Nghị định cho phép được tính lại thời điểm công khai thông tin trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục, theo đó bảo đảm tính khả thi, linh hoạt trong tổ chức thực hiện.

3.1.3. Về kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí

- Sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm tra TK, CLP theo hướng quy định cụ thể, đầy đủ phạm vi nội dung kiểm tra TK, CLP, bao gồm các nội dung sau:

(i) Nội dung kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP:

- + Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí;
- + Việc ban hành, thực hiện Chương trình TK, CLP;
- + Tình hình thực hiện chế độ báo cáo kết quả công tác TK, CLP;
- + Việc công khai về TK, CLP;
- + Việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP;
- + Việc xử lý thông tin phát hiện lãng phí, hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí;
- + Việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân;
- + Tình hình tổ chức thực hiện Ngày toàn dân TK, CLP.

(ii) Nội dung kiểm tra về tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng lĩnh vực.

Theo đó, kiểm tra về TK, CLP được xây dựng trên cơ sở phân định rõ: việc kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP thực hiện theo quy định tại Nghị định này; việc kiểm tra, trình tự, thủ tục kiểm tra TK, CLP theo từng lĩnh vực thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan (không thực hiện theo quy định tại Nghị định này).

- Quy định cụ thể nội dung, trách nhiệm, nguyên tắc, trình tự, thủ tục kiểm tra chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Luật TK, CLP đã quy định rõ nội dung kiểm tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc kiểm tra TK, CLP như sau:

- Khoản 2, khoản 3 Điều 17 Luật TK, CLP quy định cụ thể từng nội dung kiểm tra TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Khoản 5 Điều 26 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính: *“5. Thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước”*.

- Khoản 6 Điều 27 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương: *“6. Thực hiện kiểm tra về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý”*.

- Khoản 4 Điều 29 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp: *“4. Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương”*.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung, trách nhiệm

trong kiểm tra TK, CLP theo hướng phân định rõ giữa kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP và kiểm tra tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (kiểm tra TK, CLP theo từng lĩnh vực). Việc phân định như trên nhằm đảm bảo quy định rõ phạm vi kiểm tra TK, CLP, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP với hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Ngoài ra, các quy định về nội dung, trách nhiệm, nguyên tắc, trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP tại dự thảo Nghị định nhằm tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện một cách toàn diện và bao quát. Trong đó, nội dung kiểm tra bao gồm cả những nội dung mới được quy định tại Luật TK, CLP như tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân; tình hình tổ chức thực hiện Ngày toàn dân TK, CLP,...

3.1.4. Về báo cáo kết quả công tác TK, CLP

- Sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo kết quả công tác TK, CLP theo hướng quy định các hình thức báo cáo gồm: báo cáo năm; báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các báo cáo này phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP theo đúng quy định về phương thức, thời hạn, cụ thể:

(i) Báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP trước ngày 28 tháng 02 năm sau liền kề năm báo cáo;

(ii) Báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

(iii) Trường hợp do các nguyên nhân quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này dẫn đến không thể cập nhật báo cáo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể gửi báo cáo dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (có ký số) đến Bộ Tài chính, bảo đảm theo đúng thời hạn quy định tại điểm (i) và (ii) nêu trên.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm xây dựng báo cáo theo hướng mở rộng đối tượng doanh nghiệp thực hiện báo cáo năm. Cụ thể, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm kết quả công tác TK, CLP gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời gửi mẫu báo cáo kết quả TK, CLP về Bộ Tài chính để tổng hợp vào báo cáo chung trình Chính phủ báo cáo Quốc hội theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về yêu cầu trong xây dựng báo cáo kết quả công tác TK, CLP; nội dung báo cáo năm theo hướng cụ thể hoá những nội dung

mới được quy định tại Luật TK, CLP như Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân... và giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đề cương, biểu mẫu báo cáo năm.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Về phương thức gửi báo cáo, dự thảo Nghị định sửa đổi từ phương thức gửi báo cáo trực tiếp về Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP sang thực hiện cập nhật báo cáo trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP. Quy định này nhằm bảo đảm tính kịp thời trong công tác tổng hợp báo cáo, giảm thủ tục hành chính cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.

Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP gặp sự cố hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến không thể cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, dự thảo Nghị định cho phép gửi, nhận báo cáo bằng bản giấy hoặc bản điện tử (có ký số) để đảm bảo tính kịp thời trong tổng hợp và xây dựng báo cáo chung trình cấp có thẩm quyền.

Về thời hạn cập nhật báo cáo năm vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, dự thảo Nghị định kế thừa quy định về thời hạn tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn cập nhật báo cáo năm là “*trước ngày 28/02 năm sau liền kề năm báo cáo*”; thời hạn cập nhật báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Trường hợp gửi báo cáo bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử (có ký số) cũng phải đảm bảo thời hạn như cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP.

Về đối tượng thực hiện chế độ báo cáo, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng quy định cụ thể doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp (*bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*) có trách nhiệm thực hiện báo cáo kết quả TK, CLP trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời gửi biểu mẫu báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí về Bộ Tài chính. Quy định này phù hợp với thực tế việc tổng hợp báo cáo kết quả công tác TK, CLP hiện nay, có đầy đủ cơ sở theo dõi, đánh giá tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Về yêu cầu trong xây dựng báo cáo và nội dung báo cáo năm, dự thảo Nghị định quy định các yêu cầu về nội dung, hình thức, thẩm quyền và trách nhiệm của người ký báo cáo, đồng thời cụ thể hoá nội dung cần thể hiện trong báo cáo năm, bao gồm cả các nội dung mới được quy định tại Luật TK, CLP như Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân... trên cơ sở đề cương, biểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Quy định này nhằm giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh

nghiệp xác định rõ nội dung cần báo cáo, bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, đồng thời thuận lợi cho công tác tổng hợp, đánh giá phục vụ xây dựng báo cáo tổng thể.

3.2. Những nội dung bổ sung

3.2.1. Về hành vi gây lãng phí

- Bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí, cụ thể:

(i) Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi, gắn với hậu quả lãng phí.

(ii) Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.

- Bổ sung các hành vi gây lãng phí, bao gồm:

(i) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công;

(ii) Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước;

(iii) Hành vi gây lãng phí do cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu;

(iv) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng.

- Quy định cụ thể hậu quả gắn với hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực TK, CLP.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Trên cơ sở thể chế hoá Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 về một số nội dung trọng tâm về công tác phòng, chống lãng phí, Điều 4 Luật TK, CLP quy định các hành vi gây lãng phí trong một số lĩnh vực, bao gồm: (i) Hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực TK, CLP; (ii) Hành vi vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực TK, CLP; (iii) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công; (iv) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công; (v) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng; (vi) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (vii) Các hành vi gây lãng phí khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 1 Luật TK, CLP quy định phạm vi điều chỉnh như sau: “*Luật này quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.*”

Theo đó, việc bổ sung hành vi gây lãng phí nhằm quy định đầy đủ, bao quát các hành vi gây lãng phí trong các lĩnh vực TK, CLP thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật và đảm bảo không bỏ sót hành vi gây lãng phí phát sinh trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công và vốn đầu tư công.

Đồng thời, để phản ánh đúng bản chất hành vi gây lãng phí phải gắn với hậu quả, thiệt hại cụ thể, Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí theo hướng: Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi, gắn với hậu quả lãng phí.

Trong đó, hậu quả của hành vi gây lãng phí được quy định trên cơ sở thiệt hại về tiền, tài sản, cơ hội đối với nhà nước và mức độ hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực, theo đó thể hiện đầy đủ nội hàm lãng phí quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật TK, CLP² và đảm bảo có cơ sở xử lý các trường hợp phát sinh lãng phí trên thực tế.

3.2.2. Về hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí

Bổ sung hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí, theo hướng:

(i) Quy định hành vi vi phạm cụ thể liên quan đến Chương trình TK, CLP; việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành; Báo cáo kết quả công tác TK, CLP; cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; công khai về TK, CLP; việc cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; việc tổ chức thực hiện Ngày toàn dân TK, CLP;

² Khoản 2 Điều 3 Luật TK, CLP quy định về khái niệm lãng phí như sau: “*2. Lãng phí là việc quản lý, khai thác, sử dụng tài chính công, tài sản công, tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, tài nguyên, năng lượng vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc là việc thực hiện các hành vi gây lãng phí quy định tại Luật này tạo rào cản phát triển kinh tế - xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.*”

(ii) Đối với hành vi vi phạm liên quan đến việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong thanh tra, kiểm toán, kiểm tra TK, CLP trong từng lĩnh vực; việc cản trở hoặc thiếu trách nhiệm xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí; bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 5 Luật TK, CLP đã quy định về nhóm hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung các hành vi vi phạm cụ thể trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc nhận diện, xem xét và xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm.

Riêng đối với một số hành vi đã được điều chỉnh tại các văn bản pháp luật có liên quan, dự thảo Nghị định quy định theo hướng dẫn chiếu đến các quy định pháp luật tương ứng nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh trùng lặp, chồng chéo.

Ví dụ, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố cáo hiện hành đã có quy định về bảo vệ người tố cáo, tố giác tội phạm và người thân; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã có quy định về việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3.2.3. Về Ngày toàn dân TK, CLP

- Bổ sung quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân TK, CLP, trong đó giao Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP trong phạm vi cả nước. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP trong phạm vi mình quản lý.

- Quy định cụ thể kinh phí tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, đồng thời khuyến khích việc huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách để triển khai Ngày toàn dân TK, CLP.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 9 Luật TK, CLP quy định ngày 31 tháng 5 hằng năm là Ngày toàn dân TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện Ngày

toàn dân TK, CLP.

Nhằm cụ thể hoá quy định của Luật TK, CLP và hướng tới mục tiêu xây dựng, lan toả văn hoá TK, CLP trong toàn xã hội, dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức triển khai, trách nhiệm và kinh phí tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP. Theo đó, dự thảo Nghị định xác định các hoạt động trọng tâm để triển khai, bao gồm: (i) Tuyên truyền, khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa TK, CLP trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội; (ii) Phổ biến các quy định của pháp luật về TK, CLP gắn với đời sống của nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (iii) Phát động phong trào, cuộc thi nhằm tiếp nhận, lan tỏa các sáng kiến, giải pháp về TK, CLP trong quản lý nhà nước cũng như trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân; (iv) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, có sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác TK, CLP.

Đồng thời, dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính hằng năm hướng dẫn cụ thể nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân TK, CLP trên phạm vi cả nước và giao các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương hướng dẫn nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân TK, CLP trong phạm vi mình quản lý, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong từng giai đoạn.

3.2.4. Về Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

- Bổ sung quy định về việc xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, trong đó quy định cụ thể thời hạn, nội dung và trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí của các bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, trong đó nêu rõ các yêu cầu cần bảo đảm khi triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tài chính đối với việc hướng dẫn xây dựng, tổng hợp, theo dõi tình hình ban hành và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 12 Luật TK, CLP quy định về Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã cụ thể hoá quy định của Luật theo

hướng làm rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương trong việc xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Các quy định này nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

3.2.5. Về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP

- Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, trong đó giao:

(i) Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản, đồng thời có trách nhiệm xây dựng, ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

(ii) Các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, bao gồm: Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình TK, CLP; Báo cáo kết quả công tác TK, CLP; thông tin khác liên quan đến TK, CLP.

- Quy định cụ thể quyền khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều 16 Luật TK, CLP quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã cụ thể hoá nội dung Luật giao, tạo cơ sở hình thành một hệ thống thông tin tập trung về TK, CLP, phục vụ việc theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện trên phạm vi cả nước, góp phần đẩy mạnh cơ chế giám sát và nâng cao tính công khai, minh bạch trong công tác TK, CLP, Đồng thời, bảo đảm việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của nhà nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

3.2.6. Về quy định chuyển tiếp

Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã được ban hành trước ngày Nghị định

này có hiệu lực thi hành.

Trong đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình TK, CLP đã ban hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Để bảo đảm tính liên tục, ổn định trong tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định cho phép cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình TK, CLP đã ban hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền.

Quy định này nhằm tránh khoảng trống pháp lý, bảo đảm không làm gián đoạn việc triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về TK, CLP đã và đang được triển khai thực hiện.

3.3. Những nội dung lược bỏ

- *Về xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí:* Lược bỏ các quy định về xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí do Luật TK, CLP đã có quy định về nội dung này và không giao Chính phủ quy định chi tiết.

- *Về Chương trình tổng thể về thực hành TK, CLP của Chính phủ:* Lược bỏ các quy định về Chương trình tổng thể về thực hành TK, CLP của Chính phủ theo giai đoạn và hằng năm do Luật TK, CLP hiện nay không còn quy định nội dung này (thay vào đó, Luật TK, CLP quy định Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí do Thủ tướng Chính phủ ban hành với tầm nhìn 10 năm; dự thảo Nghị định đã có quy định giao các Bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí).

- *Về bồi thường thiệt hại trong THPTK, CLP:* Lược bỏ các quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại trong THPTK, CLP do nội dung về bồi thường thiệt hại dự kiến được quy định tại một Nghị định riêng theo Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

- *Về xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ THPTK, CLP:* Lược bỏ các quy định liên quan đến xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ THPTK, CLP do Luật TK, CLP không giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này, đồng thời Luật đã quy định cụ thể việc khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có giải

pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể hoặc hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao hoặc cung cấp thông tin phát hiện lãng phí đúng sự thật thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không có quy định về thủ tục hành chính phải thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Theo đó, không phát sinh nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính tại hồ sơ dự thảo Nghị định.

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Thế chế hóa nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trên cơ sở rà soát các quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản liên quan; đồng thời, bám sát các yêu cầu, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong thời gian qua về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp, dự thảo Nghị định đã quy định những nội dung phân cấp, phân quyền như sau:

- Dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính quy định một số nội dung để đảm bảo phù hợp về mặt thẩm quyền, cũng như tăng cường phân cấp, phân quyền trong dự thảo Nghị định (hướng dẫn xây dựng Chương trình TK, CLP hằng năm; ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; đề cương, mẫu báo cáo kết quả công tác TK, CLP định kỳ).

- Dự thảo Nghị định xác định thẩm quyền, trách nhiệm trong TK, CLP của các bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp việc hướng dẫn và tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP; xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí, Chương trình TK, CLP; khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP.

3.6. Nội dung liên quan đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như sau:

- Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP. Theo đó, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác TK, CLP. Ngoài ra, việc gửi báo cáo kết quả công tác TK, CLP hằng năm của được thực

hiện thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP nhằm đảm bảo tính kịp thời, thuận tiện cho hoạt động tổng hợp vào báo cáo tổng thể trình Chính phủ báo cáo Quốc hội theo quy định.

- Bổ sung quy định khuyến khích triển khai Ngày toàn dân TK, CLP trên môi trường điện tử; ứng dụng nền tảng số để tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP, qua đó cho phép mở rộng phạm vi tiếp cận đến nhiều đối tượng và lan toả nhanh chóng, hiệu quả các thông điệp, nội dung về TK, CLP đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong toàn xã hội.

- Bổ sung quy định về nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP theo hướng ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử. Trong đó, việc công bố quyết định kiểm tra có thể được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Đồng thời, người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... và ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện một số nội dung tại dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:...

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới theo đó không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện. Các quy định nêu trên khi Nghị định được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị định, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

Các nguồn kinh phí phát sinh để thi hành Nghị định sẽ được cân đối từ: nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị định, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định sau khi được thông qua.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định.

3. Thời gian dự kiến trình và thông qua văn bản

Dự kiến Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026 (cùng hiệu lực với Luật).

Trên đây là Tờ trình Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Tiết kiệm, chống lãng phí (*kèm theo dự thảo Nghị định*).

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, .

BỘ TRƯỞNG

Ngô Văn Tuấn

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát:

Việc rà soát để đảm bảo các nội dung tại dự thảo Nghị định thể chế đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và điều ước quốc tế có liên quan đến nội dung tại dự thảo Nghị định.

b) Yêu cầu rà soát:

- Đảm bảo rà soát đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, các văn bản QPPL và điều ước quốc tế có liên quan đến các quy định tại dự thảo Nghị định.

- Đảm bảo thể chế đầy đủ và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng tại dự thảo Luật và không trái với các nội dung liên quan đến Điều ước quốc tế mà Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm tính khả thi của các quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng.

- Các văn bản QPPL theo từng lĩnh vực có liên quan đến các nội dung tại dự thảo Nghị định.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến các nội dung trong dự thảo Luật Tiết kiệm, chống lãng phí

Bộ Tài chính đã rà soát tổng số 16 văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng và một số bài viết có liên quan đến các nội dung trong dự thảo Nghị định, cụ thể:

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII là *"Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ."*

- Tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *"Tất cả các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững."*

- Tại Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung: *"Khi cán bộ thực hiện thí điểm mà kết quả không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại thì cấp có thẩm quyền phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá công tâm để xem xét, xử lý phù hợp, nếu thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm"*.

- Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *"Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi; tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp."* Đồng thời, chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả chiến lược và chương trình quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tại Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị quy định về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong đó đã đưa ra khái niệm *"người đấu tranh chống lãng phí"*, *"người thân của người đấu tranh chống lãng phí"*; người đấu tranh chống lãng phí và người thân được bảo vệ bí mật danh tính và các thông tin cá nhân khác; tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, vị trí công tác, việc làm; quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; người đấu tranh chống lãng phí được bồi

thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần của người đấu tranh chống lãng phí hoặc người thân và quy định cụ thể các hành vi nghiêm cấm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí.

- Tại Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước đã đề ra nhiệm vụ: *"Kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật để thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước"*; *"Thường xuyên rà soát các chủ trương, đường lối, quy định của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá, cụ thể hoá kịp thời thành pháp luật; theo dõi, đánh giá hiệu quả pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực sau ban hành để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với chủ trương, đường lối của Đảng, kịp thời phát hiện những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, mâu thuẫn, bất cập để sửa đổi, bổ sung."*

- Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực về một số nội dung trọng tâm công tác phòng chống lãng phí, trong đó đã nêu khái niệm lãng phí, hành vi lãng phí cần tập trung chỉ đạo phòng, chống lãng phí trong các lĩnh vực và giao trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước: *"2.1. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống lãng phí; về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công để khắc phục những bất cập, sơ hở dễ gây ra lãng phí."*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp, cụ thể: *"Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong xây dựng và thi hành pháp luật"*.

- Tại Bài viết *"Chống lãng phí"* của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là: *"Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; xây dựng cơ chế thực sự hữu hiệu cho giám sát, phát hiện lãng phí của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân"*; đồng thời cũng chỉ rõ cần chú trọng *"xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống"*

lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “com ăn nước uống, áo mặc hằng ngày”.

- Tại bài viết "*Thực hành tiết kiệm*" của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm đã chỉ đạo triển khai mạnh mẽ các giải pháp căn bản nhằm tạo chuyển biến thực chất trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó có nội dung "*sớm nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo cơ sở chính trị pháp lý toàn diện, vững chắc cho thực hành tiết kiệm ở mọi ngành, mọi nghề, mọi cán bộ, đảng viên và người dân*".

2. Văn bản QPPL có liên quan đến các nội dung trong dự thảo Nghị định

Bộ Tài chính đã rà soát tổng cộng 63 văn bản QPPL liên quan đến các nội dung tại dự thảo Nghị định, trong đó: 48 Bộ luật, luật, Nghị quyết của Quốc hội và 15 Nghị định của Chính phủ. Qua rà soát cho thấy, các nội dung tại dự thảo Luật cơ bản đã đảm bảo phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan. *(Phụ lục kèm theo)*

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến các nội dung trong dự thảo Nghị định

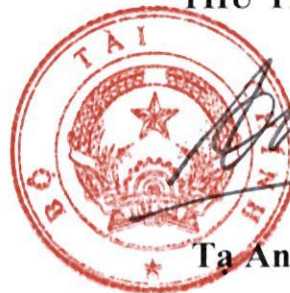
Các nội dung tại dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến Điều ước quốc tế mà Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là nội dung báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, PC (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

Phụ lục

(Kèm theo Báo cáo số 311/BC-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

| QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG | ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng) | Đề xuất xử lý |
|--|--|--|----------------------|
| <p>Điều 4. Hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các hành vi được quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và các hành vi khác quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>2. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, bao gồm:</p> <p>a) Ấn định thuế không dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan, gây lãng phí;</p> <p>b) Xác định không đúng căn cứ tính thu thuế, áp dụng không đúng quy định về ưu đãi thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra, gây lãng phí;</p> <p>c) Thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, xóa tiền thuế nợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>d) Không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, gây lãng phí.</p> <p>3. Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và</p> | <p>- Mục II Hướng dẫn 63-HD/BCĐTW quy định các hành vi lãng phí cần tập trung chỉ đạo, phòng chống:</p> <p>1. Hành vi vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, gây lãng phí</p> <p>2. Hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành thể chế về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công</p> <p>3. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>4. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công</p> <p>5. Hành vi gây lãng phí trong</p> | <p>Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p> | |

quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, bao gồm:

a) Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí;

b) Bố trí số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị vượt mức quy định;

c) Tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, gây lãng phí;

d) Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức không căn cứ vào năng lực của công chức, nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây lãng phí;

đ) Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;

e) Tuyển dụng viên chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào nhu cầu thực tế, vị trí việc làm, quỹ tiền lương và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập, gây lãng phí;

g) Đào tạo, bồi dưỡng không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực;

h) Giao biên chế không phù hợp với quy định pháp luật về căn cứ xác định biên chế công chức, gây lãng phí;

i) Áp dụng chính sách tuyển chọn, thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không đúng quy định của

quản lý, khai thác, sử dụng đất đai và các tài nguyên khác

6. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); vốn nhà nước tại doanh nghiệp

7. Các hành vi khác gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

| | | | |
|--|--|---|--|
| <p>pháp luật, gây lãng phí;</p> <p>k) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>l) Ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>m) Ký hợp đồng làm việc với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật, gây lãng phí.</p> <p>4. Hành vi cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.</p> <p>5. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng, bao gồm:</p> <p>a) Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định gây ra hạn hán, thiếu nước;</p> <p>b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không đảm bảo điều kiện về năng lực dẫn đến đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư.</p> | | | |
| <p>Điều 5. Xác định hậu quả của hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Hành vi liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> | <p>Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới</p> | <p>Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p> | |

a) Gây thất thoát ngân sách nước, tài sản công, làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực do không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Hành vi trong quản lý, sử dụng tài chính công quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Làm tăng chi ngân sách nhà nước;

b) Làm giảm thu ngân sách nhà nước;

c) Tiền thuế nợ không bị cưỡng chế nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, nguồn vốn của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư;

b) Làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các hành vi quy định tại các điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng;

d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản công,

tài nguyên quốc gia;

đ) Kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt.

4. Hành vi trong đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại điểm d, e, g, h, i và k khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, giao vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (vượt diện tích đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; vượt số lượng, mức giá đối với xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản công khác mà pháp luật quy định về số lượng, mức giá);

b) Tài sản công bị hư hỏng, thất thoát, hao hụt vượt định mức theo quy định;

c) Phát sinh chi phí bảo quản, bảo vệ, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa do không xử lý kịp thời đối với tài sản công không sử dụng được;

d) Phát sinh chi phí xử lý, khôi phục, bồi thường thiệt hại;

đ) Tài sản công là trụ sở làm việc không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Hành vi trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí phục hồi tài nguyên, năng lượng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm hoặc bị mất đi;

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>b) Thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Làm tăng tổng mức kinh phí giải phóng mặt bằng so với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt do thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt xuất phát từ nguyên nhân chủ quan;</p> <p>d) Gây thất thoát tài nguyên, năng lượng;</p> <p>đ) Phát sinh kinh phí xử lý, khôi phục cơ sở dữ liệu số do quản lý, sử dụng trái quy định;</p> <p>e) Đất không được trả lại theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>g) Phát sinh các chi phí xử lý phân kết cấu xây dựng hình thành trên đất;</p> <p>h) Đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư;</p> <p>6. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, phá dỡ và các chi phí khác để xử lý phân kết cấu xây dựng hình thành từ dự án;</p> <p>b) Làm tăng phần vốn nhà nước tham gia hoặc phát sinh các nghĩa vụ tài chính khác của Nhà nước;</p> <p>c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng theo quy định tại hợp đồng dự án, quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</p> <p>d) Làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy</p> | | | |
|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>định tại hợp đồng dự án PPP.</p> <p>7. Hành vi trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Thất thoát, mất vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>b) Thất thoát phần lợi nhuận phải nộp vào ngân sách nhà nước do trích lập các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cấp có thẩm quyền ban hành.</p> <p>8. Hành vi trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm tăng chi ngân sách nhà nước.</p> <p>9. Hành vi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi để xảy ra hành vi quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoặc phân công phụ trách gắn với hậu quả quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này và hành vi quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định này.</p> | | | |
| <p>Điều 6. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí</p> <p>Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí là các nhóm hành vi quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, trong đó bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:</p> | <p>Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương:</p> <p>"5. Xử lý vi phạm Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí nêu tại phần</p> | | |

1. Hành vi vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không ban hành hoặc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn quy định;

b) Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Hành vi vi phạm trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành:

a) Không tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được ban hành;

b) Tổ chức thực hiện không đầy đủ, không đúng nội dung, không đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Không phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung, yêu cầu của báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Báo cáo không trung thực, không chính xác về kết quả, số liệu về tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hành vi vi phạm về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không cập nhật hoặc cập nhật thông tin không đầy đủ, không đúng thời hạn vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

II Hướng dẫn này phải bị xem xét trách nhiệm, xử lý nghiêm minh và bồi thường theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước. Trường hợp vi phạm đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật, nghiêm cấm giữ lại để xử lý nội bộ.

Đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí do nguyên nhân khách quan (vi phạm trong tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc do trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật) hoặc đã chủ động phát hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc báo cấp có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý, khắc phục hậu quả của vi phạm hoặc thực hiện theo mệnh lệnh, quyết định của cấp trên, mà không biết các quyết định, mệnh lệnh đó là trái pháp luật thì được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng, pháp luật

| | | | |
|---|------------------------------|--|--|
| <p>b) Cập nhật thông tin không chính xác, không trung thực.</p> <p>5. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung và hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không thực hiện công khai thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;</p> <p>b) Công khai không đúng thời hạn, hình thức, không đầy đủ nội dung phải công khai theo quy định.</p> <p>6. Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.</p> <p>7. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>8. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:</p> <p>a) Không cung cấp hoặc cung cấp hồ sơ, tài liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra;</p> <p>b) Không bố trí người có trách nhiệm làm việc, không tham gia làm việc hoặc trì hoãn làm việc với cơ quan kiểm tra mà không có lý do chính đáng;</p> <p>c) Cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;</p> <p>d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm</p> | <p><i>của Nhà nước."</i></p> | | |
|---|------------------------------|--|--|

| | | | |
|---|--|--|--|
| <p>danh dự, nhân phẩm thành viên Đoàn kiểm tra;</p> <p>đ) Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định, yêu cầu, kết luận kiểm tra;</p> <p>e) Thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra.</p> <p>9. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>10. Hành vi vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân theo quy định của pháp luật về tố cáo, tố tụng hình sự.</p> <p>11. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không ban hành hoặc chậm ban hành hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Không triển khai hoặc triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này.</p> | | | |
|---|--|--|--|

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

| <p>QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</p> | <p>QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</p> | <p>ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định)</p> | <p>ĐỀ XUẤT XỬ LÝ</p> |
|--|---|--|-----------------------------|
| <p>Điều 4. Hành vi gây lãng phí</p> | <p>1. Luật Quản lý thuế năm</p> | <p>Phù hợp với</p> | |

| | | | |
|--|--|---|--|
| <p>1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các hành vi được quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và các hành vi khác quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>2. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công:</p> <p>a) Ấn định thuế không dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan, gây lãng phí;</p> <p>b) Xác định không đúng căn cứ tính thu thuế, áp dụng không đúng quy định về ưu đãi thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra, gây lãng phí;</p> <p>c) Thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, xóa tiền thuế nợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>d) Không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, gây lãng phí.</p> <p>3. Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, bao gồm:</p> <p>a) Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí;</p> <p>b) Bố trí số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị vượt mức quy định;</p> <p>c) Tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, gây lãng phí;</p> | <p>2025:</p> <p>- Điều 18. Hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt</p> <p>1. Các trường hợp hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt:</p> <p>a) Hoàn thuế đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</p> <p>b) Hoàn trả tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt thừa đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn trả theo quy định tại Điều 15 của Luật này;</p> <p>c) Hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế hoặc người được Tòa án giao quản lý tài sản của người đã chết, người bị tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự được nhận tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp,</p> | <p>quy định của pháp luật liên quan</p> | |
|--|--|---|--|

d) Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức không căn cứ vào năng lực của công chức, nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây lãng phí;

đ) Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;

e) Tuyển dụng viên chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào nhu cầu thực tế, vị trí việc làm, quỹ tiền lương và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập, gây lãng phí;

g) Đào tạo, bồi dưỡng không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực;

h) Giao biên chế không phù hợp với quy định pháp luật về căn cứ xác định biên chế công chức, gây lãng phí;

i) Áp dụng chính sách tuyển chọn, thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không đúng quy định của pháp luật, gây lãng phí;

k) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí;

l) Ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, gây lãng phí;

m) Ký hợp đồng làm việc với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật, gây lãng phí.

4. Hành vi cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài

tiền phạt được hoàn theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Điều 19. Miễn thuế, khoản thu khác; giảm thuế, khoản thu khác; không thu thuế; không chịu thuế

1. Các trường hợp miễn thuế, khoản thu khác; giảm thuế, khoản thu khác; không thu thuế; không chịu thuế:

a) Miễn thuế, khoản thu khác; giảm thuế, khoản thu khác; không thu thuế; không chịu thuế đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về phí và lệ phí;

b) Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân có số tiền thuế phải nộp hằng năm theo mức quy định của Chính phủ; miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công hằng năm và các loại thuế khác theo mức quy định của Chính phủ.

- Điều 21. Xóa tiền thuế nợ

1. Các trường hợp được xóa tiền thuế nợ:

a) Cá nhân đã chết, cá nhân bị

sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.

5. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng, bao gồm:

a) Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định gây ra hạn hán, thiếu nước;

b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không đảm bảo điều kiện về năng lực dẫn đến đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư.

Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự mà cá nhân đó không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản và đã thực hiện thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản mà không còn tài sản;

c) Người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm h khoản 1 Điều 49 của Luật này và khoản tiền thuế nợ này đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp nhưng không có khả năng thu hồi;

d) Các trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng đã được xem xét miễn tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Luật này và đã được gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 của Luật này nhưng vẫn không có khả năng phục hồi sản xuất, kinh

doanh và không có khả năng nộp tiền thuế nợ.

- Điều 24. Ấn định thuế

1. Nguyên tắc ấn định thuế:

a) Ấn định thuế phải dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan;

- Điều 49. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm:

a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; phong tỏa tài khoản;

b) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập;

c) Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Ngừng sử dụng hóa đơn;

đ) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>nhân khác đang nắm giữ;</p> <p>e) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản;</p> <p>h) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký hoặc giấy phép hoạt động kinh doanh nền tảng thương mại điện tử.</p> <p>2. Luật Cán bộ, Công chức năm 2025; Luật Viên chức năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức đã quy định: <i>"Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc</i></p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p><i>làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển."</i> (khoản 1 Điều 3)</p> <p>- Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định: "<i>Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực</i>". (khoản 1 Điều 2)</p> <p>- Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.</p> <p>- Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>3. Luật Tài nguyên nước "Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử</p> | | |
|--|--|--|--|

| | | | |
|---|--|--|--|
| | <p>dụng tài nguyên nước có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>i) Tuân thủ hạn ngạch khai thác tài nguyên nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước quy định;"</p> | | |
| <p>Điều 5. Xác định hậu quả của hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Hành vi liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản công, làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>b) Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực do không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Hành vi trong quản lý, sử dụng tài chính công quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 Điều 3 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Làm tăng chi ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Làm giảm thu ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Tiền thuế nợ không bị cưỡng chế nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;</p> <p>d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, nguồn vốn của</p> | <p>1. Luật Ban hành văn bản QPPL:</p> <p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>3. Bảo đảm chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ.</p> | | |

Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư;

b) Làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các hành vi quy định tại điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng;

d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản công, tài nguyên quốc gia;

đ) Kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt.

4. Hành vi trong đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại điểm d, e, g, h, i và k khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, giao vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (vượt diện tích đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; vượt số lượng, mức giá đối với xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản công khác mà pháp luật quy định về số lượng, mức giá);

b) Tài sản công bị hư hỏng, thất thoát, hao hụt vượt định mức theo quy định;

c) Phát sinh chi phí bảo quản, bảo vệ, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa do không xử lý kịp thời đối với tài sản

2. Luật Quản lý và sử dụng tài sản công

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công

2. Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

3. Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng.

4. Sử dụng xe ô tô và tài sản

công không sử dụng được;

d) Phát sinh chi phí xử lý, khôi phục, bồi thường thiệt hại;

đ) Tài sản công là trụ sở làm việc không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Hành vi trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:

a) Phát sinh kinh phí phục hồi tài nguyên, năng lượng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm hoặc bị mất đi;

b) Thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước;

c) Làm tăng tổng mức kinh phí giải phóng mặt bằng so với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt do thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt xuất phát từ nguyên nhân chủ quan;

d) Gây thất thoát tài nguyên, năng lượng;

đ) Phát sinh kinh phí xử lý, khôi phục cơ sở dữ liệu số do quản lý, sử dụng trái quy định;

e) Đất không được trả lại theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Phát sinh các chi phí xử lý phần kết cấu xây dựng hình thành trên đất;

h) Đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư;

6. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước

công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

Điều 41. Thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Tài sản công bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Trụ sở làm việc không sử dụng liên tục quá 12 tháng;

3. Luật Đất đai

Điều 31. Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất

7. Bàn giao lại đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

8. Đất được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư;

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, phá dỡ và các chi phí khác để xử lý phần kết cấu xây dựng hình thành từ dự án;</p> <p>b) Làm tăng phân vốn nhà nước tham gia hoặc phát sinh các nghĩa vụ tài chính khác của Nhà nước;</p> <p>c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng theo quy định tại hợp đồng dự án, quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</p> <p>d) Làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.</p> <p>7. Hành vi trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Thất thoát, mất vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>b) Thất thoát phần lợi nhuận phải nộp vào ngân sách nhà nước do trích lập các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cấp có thẩm quyền ban hành.</p> <p>8. Hành vi trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm tăng chi ngân sách nhà nước.</p> <p>9. Hành vi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 2</p> | <p>trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng không quá 24 tháng và phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian được gia hạn; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại.</p> <p>4. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>Điều 5. Nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phân vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật này; phòng, chống dàn trải, lãng phí,</p> | | |
|--|--|--|--|

| | | | |
|---|--|--|--|
| <p>Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi đề xảy ra hành vi quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoặc phân công phụ trách gắn với hậu quả quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này và hành vi quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định này.</p> | <p>thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước và doanh nghiệp.</p> | | |
| <p>Điều 6. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí</p> <p>Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí là các nhóm hành vi quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, trong đó bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:</p> <p>1. Hành vi vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không ban hành hoặc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn quy định;</p> <p>b) Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hành vi vi phạm trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành:</p> <p>a) Không tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được ban hành;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện không đầy đủ, không đúng nội dung, không đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu,</p> | <p>1. Luật Tố cáo</p> <p>“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo</p> <p>6. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.</p> <p>7. Can thiệp trái pháp luật, cản trở việc giải quyết tố cáo.</p> <p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo</p> <p>2. Người giải quyết tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b) Áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo”</p> <p>2. Luật Dân chủ ở cơ sở</p> <p>“Điều 55. Trách nhiệm trong việc tổ chức để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động</p> | | |

giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Không phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung, yêu cầu của báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Báo cáo không trung thực, không chính xác về kết quả, số liệu về tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hành vi vi phạm về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không cập nhật hoặc cập nhật thông tin không đầy đủ, không đúng thời hạn vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Cập nhật thông tin không chính xác, không trung thực.

5. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung và hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Không thực hiện công khai thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;

b) Công khai không đúng thời hạn, hình thức, không đầy đủ nội dung phải công khai theo quy định.

6. Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

7. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong

tham gia ý kiến

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về các nội dung quy định tại Điều 53 của Luật này, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và thực hiện việc công khai nội dung giải trình, tiếp thu đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.”

3. Luật Dữ liệu

“Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

3. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn.”

4. Luật Thanh tra

“Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra

thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

8. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp hồ sơ, tài liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra;

b) Không bố trí người có trách nhiệm làm việc, không tham gia làm việc hoặc trì hoãn làm việc với cơ quan kiểm tra mà không có lý do chính đáng;

c) Cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;

d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên Đoàn kiểm tra;

đ) Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định, yêu cầu, kết luận kiểm tra;

e) Thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra.

9. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và quy định pháp luật có liên quan.

10. Hành vi vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân theo quy định của pháp luật về tố cáo, tố tụng hình sự.

11. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện Ngày

7. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người tiến hành thanh tra, người giám sát, người thẩm định, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra.”

5. Luật Kiểm toán độc lập

“Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm

3. Nghiêm cấm đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các hành vi sau đây:

c) Cản trở công việc của thành viên tham gia cuộc kiểm toán;”

6. Luật Khiếu nại

“Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại.”

7. Luật Tiếp công dân

“Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cản trở người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.”

| | | | |
|---|---|---|--|
| <p>toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không ban hành hoặc chậm ban hành hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Không triển khai hoặc triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này.</p> | | | |
| <p>Điều 16. Hình thức công khai</p> <p>1. Hình thức công khai thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lựa chọn hình thức công khai phù hợp với nội dung công khai, đối tượng công khai; tổ chức thực hiện việc công khai trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý. Trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc về hình thức công khai thì áp dụng theo quy định của pháp luật đó</p> <p>Điều 17. Thời điểm công khai</p> <p>1. Việc công khai các nội dung theo quy định tại Điều 14 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác, bảo đảm quyền tiếp cận, giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Thời điểm công khai được xác định như sau:</p> <p>a) Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;</p> <p>b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, Báo cáo</p> | <p>Luật Tiếp cận thông tin</p> <p>Điều 10. Cách thức tiếp cận thông tin</p> <p>Công dân được tiếp cận thông tin bằng các cách thức sau:</p> <p>1. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai;</p> <p>Điều 18. Hình thức, thời điểm công khai thông tin</p> <p>1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:</p> <p>a) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước</p> <p>b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;</p> <p>c) Đăng Công báo;</p> <p>d) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;</p> <p>đ) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của</p> | <p>Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan</p> | |

kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;

c) Kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý;

d) Thời điểm công khai nội dung thông tin thuộc lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp nội dung công khai được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế được công khai theo thời hạn áp dụng đối với nội dung công khai ban đầu.

4. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc không đảm bảo thực hiện công khai thông tin theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này thì thời điểm thực hiện công khai được tính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục.

5. Cơ quan ban hành các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hành vi gây lãng phí có trách nhiệm thực hiện công khai đúng thời điểm các nội dung phải công khai theo quy định.

pháp luật;

e) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó.

Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.

3. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

4. Thời điểm công khai thông tin

| | | | |
|---|--|---|--|
| | <p>đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.</p> | | |
| <p>Điều 18. Yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương.</p> <p>2. Bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.</p> <p>3. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ sở dữ liệu quốc gia và quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Bảo đảm việc tích hợp, thống nhất và đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.</p> <p>5. Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Các nội dung này tại dự thảo Nghị định đã được rà soát đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.</p> | <p>Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan</p> | |

Điều 19. Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
2. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
3. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.
4. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí.
5. Thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 20. Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin quy định tại Điều 19 Nghị định này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) như sau:

a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật Chương trình tiết kiệm, chống lãng

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>phí do cơ quan mình ban hành hoặc do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ ngành, địa phương mình vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này;</p> <p>d) Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này;</p> <p>đ) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật các thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo phù hợp với nội dung và thời hạn theo yêu cầu cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Việc gia hạn thời hạn cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được xem xét khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bị gián đoạn hoặc gặp sự cố;</p> <p>b) Có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị ảnh hưởng đến việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Phát sinh sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân</p> | | | |
|--|--|--|--|

khách quan khác dẫn đến việc cập nhật thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn.

3. Cơ quan đề nghị gia hạn phải có văn bản giải trình nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành, gửi cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để xem xét, chấp thuận. Việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được gia hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí chấp thuận.

4. Đối với các thông tin, dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để chia sẻ thông tin, dữ liệu tự động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 21. Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Nghị định này và Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ pháp

| | | | |
|--|---|---|--|
| <p>luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Tổ chức tiếp nhận, chuẩn hóa, tích hợp, lưu trữ và quản lý thống nhất thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>3. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong việc cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>4. Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung đối với thông tin không đầy đủ hoặc có phản ánh về việc thông tin không chính xác.</p> <p>5. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | | | |
| <p>Chương VI. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí</p> | <p>Nội dung này đã được rà soát với quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.</p> | <p>Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan</p> | |
| <p>Chương VII. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí</p> | <p>Nội dung này đã được với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày</p> | <p>Phù hợp với quy định của pháp luật liên</p> | |

| | | | |
|--|--|------|--|
| | 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. | quan | |
|--|--|------|--|

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

Các nội dung tại dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến Điều ước quốc tế mà Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn/phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Tính đến ngày , có tổng số 56 cơ quan, tổ chức đã gửi ý kiến, tham vấn/góp ý, trong đó:

- Có 28 cơ quan, tổ chức có ý kiến thống nhất hoặc không có ý kiến chỉnh sửa, bổ sung đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.
- Có 28 cơ quan, tổ chức có ý kiến cụ thể đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.

2. Các ý kiến cụ thể như sau:

| TÀI LIỆU | CHỦ THỂ GÓP Ý | NỘI DUNG GÓP Ý | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|-----------------------------|--------------------------|--|---|
| I. Dự thảo Nghị định | | | |
| Điều 1 | Đài Truyền hình Việt Nam | Quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị định hiện chủ yếu dừng ở việc liệt kê các nội dung hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, tuy nhiên chưa làm rõ phạm vi áp dụng cụ thể đối với các lĩnh vực hoạt động. Việc thiếu xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm có thể dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện và áp dụng thống nhất. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, hoàn thiện Điều 1 theo hướng bổ sung, làm rõ các lĩnh vực hoạt động chủ yếu mà dự thảo Nghị định điều chỉnh, bảo đảm tính minh bạch, cụ thể và khả thi khi triển khai. | Giải trình Tại khoản 2 Điều 65 Nghị định 78/2025/NĐ-CP quy định: “2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.” Theo đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Nghị định 78/2025/NĐ-CP. Về lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh đối với lĩnh |

| | | | |
|---------------|-----------------------------------|--|--|
| | | | vực tiết kiệm, chống lãng phí đã được quy định cụ thể tại Luật. Theo đó, không cần thiết quy định lại tại dự thảo Nghị định này. |
| Điều 1 | Kiểm toán Nhà nước | (1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 8 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 9, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 24 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15”: Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, xem xét biên tập cho phù hợp, do Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 có khoản 8 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 17 quy định nội dung “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”, không phải chi quy định chi tiết cho các khoản nêu trên. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 1 | Kiểm toán Nhà nước | Đồng thời, xem xét nghiên cứu hướng dẫn bổ sung khoản 4 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí “Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí” cho đầy đủ. | Giải trình Đối với các nội dung khác giao Chính phủ quy định chi tiết thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định khác theo Kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. |
| Điều 2 | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | Điều 2 Dự thảo quy định đối tượng áp dụng rất rộng, bao gồm cả tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cả “doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí”. Tuy nhiên, các nghĩa vụ cụ thể tại các chương sau chủ yếu được thiết kế cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp | Tiếp thu một phần Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm thực hiện của từng chủ thể đối với từng nội dung cụ thể tại dự thảo Nghị định. Đối với quy định về đối tượng áp dụng đề xuất vẫn giữ như dự thảo Nghị định để đảm bảo bao quát và thống nhất với quy định tại Luật Tiết kiệm, chống |

| | | | |
|--------|----------------------------|---|---|
| | | <p>nhà nước và chủ thể quản lý công. Cách quy định hiện nay có thể dẫn tới cách hiểu rằng mọi chủ thể tại khoản 7 Điều 2 đều có thể phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chương trình, công khai, cập nhật dữ liệu, báo cáo, kiểm tra.</p> <p>Đề xuất theo hướng: Giữ phạm vi đối tượng áp dụng chung tại Điều 2, nhưng trong từng chương, từng điều cần xác định rõ chủ thể có nghĩa vụ thực hiện, tránh tình trạng điều khoản khung viết quá rộng, còn nghĩa vụ cụ thể lại không tương thích. Có thể cân nhắc sửa khoản 7 Điều 2 theo hướng hẹp hơn, ví dụ: “Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan trong trường hợp pháp luật có quy định hoặc có sử dụng nguồn lực, tài sản, vốn, ngân sách nhà nước liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.”</p> | lãng phí. |
| Điều 2 | Sở Tài chính thành phố Huế | <p>Tại khoản 2 Điều 2, đề nghị bổ sung cụm từ “<i>và các tổ chức thành viên</i>” cho phù hợp.</p> | <p>Giải trình</p> <p>- Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 như sau: “<i>Kế thừa vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là <u>tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</u></i>”</p> <p>- Khoản 1 Điều 5 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 như sau: “<i>1. Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 1 của Luật này và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</i>”</p> <p>Theo đó, việc quy định đối tượng áp dụng là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đảm bảo bao quát các tổ chức,</p> |

| | | | |
|------------------|--|---|--|
| | | | <p>cá nhân là thành viên của Mặt trận.</p> <p>Ngoài ra, khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định cũng đã có quy định đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Chương II | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước | <p>Chương II dự thảo quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm, SCIC kiến nghị dự thảo xem xét quy định theo hướng xử lý đối với hành vi cố ý và có gắn với giá trị, độ lớn của mức độ lãng phí.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định chỉ quy định chi tiết nội dung được giao tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Ngoài ra đối với các chế tài khác đề xử lý hành vi gây lãng phí, hiện nay Bộ Tài chính đang chủ trì soạn thảo trình Chính phủ 02 Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 3 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | <p>- Tại điểm b quy định hành vi lãng phí gồm “Tổ chức lại cơ quan, đơn vị không căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, quy mô, tính chất hoạt động, gây lãng phí” đề xuất “tính chất hoạt động” do khó xác định, xem xét thành thể bằng “mục tiêu, định hướng chiến lược được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, lao động và sử dụng lao động trong khu vực nhà nước như sau: “<i>Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí.</i>”</p> |
| | | <p>- Tại điểm c khoản 2 quy định “Đào tạo, bồi dưỡng không căn cứ vào vị trí việc làm, không phù hợp với kế hoạch đào tạo...” đề xuất xem xét bỏ cụm từ “vị trí việc làm” và thay thế bằng “định biên lao động, kế hoạch nguồn nhân lực trung, dài hạn”.</p> | <p>Giải trình:</p> <p>Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định nguyên tắc: “<i>1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn</i></p> |

| | | | |
|---------------|--|--|---|
| | | | <p>vị.”</p> <p>Theo đó, Bộ Tài chính xin giữ nguyên hành vi này tại dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức.</p> |
| Điều 3 | Ngân hàng Nhà nước | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét quy định cụ thể đối với nội dung quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 3 về hành vi gây lãng phí của tổ chức là “Thành lập, duy trì đầu mối tổ chức trung gian không cần thiết”. Lý do: việc xác định đánh giá nội dung “không cần thiết” khó xác định, phụ thuộc nhiều yếu tố và cần có căn cứ, tiêu chí thống nhất khi đánh giá hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và tiếp thu theo hướng sửa đổi hành vi này thành: <i>“Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí.”</i></p> |
| Điều 3 | Bộ Quốc phòng | <p>Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung cụm từ “ban đầu do nguyên nhân chủ quan” vào sau cụm từ “phê duyệt”, cụ thể như sau: “3. Đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt <i>ban đầu do nguyên nhân chủ quan</i>”.</p> <p>Lý do: Đối với những hành vi dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt <i>ban đầu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng</i> thì không nên xem xét là hành vi gây lãng phí</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: <i>“2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</i></p> |
| Điều 3 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <p>Tại Điều 3 dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm các trường hợp vào “Hành vi gây lãng phí” như sau:</p> <p>- Ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức,</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p><i>(1) Đối với hành vi “Ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, đơn vị</i></p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>đơn vị đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hợp đồng thực hiện công việc đối với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. - Xây dựng vị trí việc làm dư thừa, không hiệu quả trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập. - Bổ nhiệm các trường hợp không đủ năng lực theo yêu cầu của công việc. | <p>đó”</p> <p>Điều 21 Luật Viên chức số 129/2025/QH15 quy định về hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập:</p> <p><i>“1. Căn cứ tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền trước khi ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Ký hợp đồng đối với chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư giỏi, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc hoặc người có trình độ chuyên môn cao trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm để thực hiện công việc của vị trí việc làm quản lý, điều hành, phát triển đơn vị sự nghiệp công lập hoặc thực hiện công việc của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;</i></p> <p><i>b) Ký hợp đồng để thực hiện công việc của vị trí việc làm hỗ trợ...”</i></p> <p>Tiếp thu một phần đề xuất này và chỉnh lý thành hành vi: Ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, gây lãng phí.</p> <p>(2) Đối với hành vi “Ký hợp đồng thực hiện công việc đối với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành”</p> <p>Điều 20 Luật Viên chức số 129/2025/QH15 quy định về hợp đồng làm việc đối với viên chức:</p> |
|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p><i>“1. Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng vào làm viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí việc làm, tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc, quyền, nghĩa vụ và các nội dung khác có liên quan.”</i></p> <p>Theo đó, Luật Viên chức số 129/2025/QH15 sử dụng thuật ngữ hợp đồng làm việc đối với viên chức. Hiện nay chưa có văn bản của Chính phủ quy định chi tiết nội dung về hợp đồng làm việc đối với viên chức.</p> <p>Vi vậy, tiếp thu và chỉnh lý hành vi này thành: Ký hợp đồng làm việc với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật, gây lãng phí.</p> <p>(3) Đối với hành vi “Xây dựng vị trí việc làm dư thừa, không hiệu quả trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập”</p> <p>Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, Luật Viên chức số 129/2025/QH15 chưa có quy định về tiêu chí đánh giá tính hiệu quả trong xây dựng vị trí việc làm hay thế nào là dư thừa vị trí việc làm.</p> <p>Vi vậy, chưa có đủ cơ sở để bổ sung hành vi này vào dự thảo Nghị định.</p> <p>(4) Đối với hành vi “Bổ nhiệm các trường hợp không đủ năng lực theo yêu cầu của công việc”</p> <p>Tiếp thu theo hướng bổ sung hành vi này tại dự thảo Nghị định như sau: <i>“Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật”</i>.</p> |
|--|--|--|---|

| | | | |
|----------------------|---|--|---|
| <p>Điều 3</p> | <p>Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh</p> | <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 dự thảo: “<i>Đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt</i>” thành “<i>Đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định kéo dài thời gian, tiến độ, phát sinh chi phí thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ, chi phí đã được phê duyệt</i>”.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công dẫn đến phát sinh chi phí đã được bao quát trong hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật TK, CLP và hậu quả lãng phí tại dự thảo Nghị định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật TK, CLP quy định hành vi gây lãng phí sau: Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, bán, cho thuê, cho mượn, sử dụng tài sản công, sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định. - Tại dự thảo Nghị định hiện nay đã có quy định về hậu quả lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công, trong đó bao gồm nội dung phát sinh thêm trách nhiệm chi cho ngân sách, chi phí xử lý, khôi phục, bồi thường thiệt hại... |
|----------------------|---|--|---|

| | | | |
|------------------------------|---|--|--|
| <p>Điều 3, Điều 4</p> | <p>Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ</p> | <p>Hiện nay, các dự án đầu tư CNTT hiện nay của các cơ quan, đơn vị không đảm bảo tính đồng bộ, thiếu kết nối, dữ liệu không liên thông, phát sinh thêm nhiều thủ tục rườm rà, không cần thiết.</p> <p>Điều 3 và Điều 4 đang thiếu quy định về hành vi và xác định hành vi gây lãng phí trong lĩnh vực chuyển đổi số và dữ liệu, hạ tầng số. Việc thiếu quy định này dễ dẫn đến nguy cơ thất thoát ngân sách, nguồn lực lớn khi các cơ quan trung ương, địa phương đang đẩy mạnh đầu tư cho chuyển đổi số nhưng thiếu công cụ định lượng để kiểm soát hoạt động đầu tư này.</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí xác định lãng phí đối với các dự án CNTT không đảm bảo tính đồng bộ, phát sinh thêm thủ tục, gây khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại Điều 1 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 quy định phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</p> <p>Theo đó, việc quy định hành vi gây lãng phí theo lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 đã đảm bảo đầy đủ, bao quát các hành vi gây lãng phí phát sinh trên thực tế.</p> <p>Việc thực hiện dự án đầu tư CNTT gây thất thoát ngân sách nhà nước về bản chất là hành vi gây lãng phí trong tài chính công, đầu tư công hoặc lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí khác tùy theo từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Vì vậy, không cần thiết bổ sung hành vi và hậu quả lãng phí trong lĩnh vực chuyển đổi số và dữ liệu, hạ tầng số.</p> |
| <p>Điều 3, Điều 4</p> | <p>Bộ Nội vụ</p> | <p>Về các quy định đối với hành vi gây lãng phí, đề nghị rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực TK, CLP như tài chính công, tài sản công, đầu tư công, tài nguyên, năng lượng, quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp..., qua đó xác định và làm rõ cơ sở: “Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện quy định về hành vi gây lãng phí tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|---------------|--------------------|---|---|
| | | <p> cơ sở xem xét toàn diện, khách quan thực tế hành vi gắn với hậu quả lãng phí” (Điều 4);</p> <p> Đồng thời chỉnh lý, hoàn thiện nội dung quy định tại Điều 3 và Điều 4 (Hành vi gây lãng phí; Xác định hành vi gây lãng phí) nhằm bảo đảm không trùng lặp hoặc bỏ sót.</p> | |
| Điều 3 | Bộ Xây dựng | <p> Khoản 3 Điều 3 đề nghị điều chỉnh theo hướng: “<i>Đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt</i>” thành</p> <p> “<i>Đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định của Luật Đầu tư công dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt</i>”.</p> <p> Do việc phải kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án có thể bị ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như: biến động giá đột biến của thị trường, thiên tai, bão, lũ, dịch bệnh, khan hiếm nguồn vật liệu,... nhằm tránh quy định mang tính định tính, khó áp dụng trong thực tiễn thực hiện, quản lý dự án.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p> Bộ Tài chính đã chỉnh lý quy định tại dự thảo Nghị định theo hướng: “<i>Có ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.</i>”</p> <p> Đồng thời, Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: “<i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.</i>”</p> |
| Điều 3 | Bộ Công an | <p> Về các hành vi gây lãng phí (Điều 3 dự thảo Nghị định), đề nghị bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng hơn đối với các nội dung còn mang tính định tính như “<i>tổ chức trung gian không cần thiết</i>” (điểm a khoản 2), “<i>gây lãng phí</i>” (điểm b, điểm c, điểm d khoản 2) để thống nhất khi áp dụng.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p> Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý quy định về hành vi này thành: “<i>Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí</i>”, đồng thời cụ thể hóa hậu quả lãng phí trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng lao động tại Điều 5 dự thảo Nghị định: “<i>8. Hành vi trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm phát sinh</i></p> |

| | | | |
|--------|------------------------------|---|---|
| | | | <p><i>tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước.</i></p> <p>Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí như sau: <i>“Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí.”</i></p> <p>Theo đó, hậu quả lãng phí được xác định trên cơ sở thiệt hại về tiền, tài sản, cơ hội đối với nhà nước và mức độ hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực.</p> <p>Đối với hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng lao động, hậu quả lãng phí đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định như sau: <i>“8. Hành vi trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm phát sinh tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước.”</i></p> |
| Điều 3 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Các điểm a, b, g, i khoản 2 Điều 3: Dự thảo sử dụng các cụm từ mang tính định tính như “không cần thiết”, “không phù hợp”, “gây lãng phí” nhưng chưa có tiêu chí cụ thể để xác định. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tế. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung hoặc dẫn chiếu văn bản quy định chi tiết để đảm bảo thống nhất các hiểu và thực hiện Luật TK, CLP.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>- Đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 3, Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý quy định này thành: <i>“Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí”</i>.</p> <p>- Đối với hành vi quy định tại điểm i khoản 2 Điều 3, Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý quy định này thành: <i>“Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện,</i></p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p><i>loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí.”</i></p> <p>- Đối với hành vi quy định tại điểm g khoản 2 Điều 3, việc xác định phù hợp/không phù hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về căn cứ xác định biên chế công chức. Cụ thể, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và biên chế công chức quy định căn cứ xác định biên chế công chức như sau:</p> <p><i>“a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm;</i></p> <p><i>b) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;</i></p> <p><i>c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao;</i></p> <p><i>d) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.”</i></p> <p>- Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí như sau: <i>“Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan, gắn với hậu quả lãng phí quy định tại Điều 5 Nghị định này (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này).”</i></p> <p>Theo đó, hậu quả lãng phí được xác định trên cơ sở</p> |
|--|--|--|---|

| | | | |
|--------|------------------------------|--|--|
| | | | <p>thiệt hại về tiền, tài sản, cơ hội đối với nhà nước và mức độ hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực.</p> <p>Đối với hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng lao động, hậu quả lãng phí đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định như sau: <i>“8. Hành vi trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm phát sinh tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước.”</i></p> |
| Điều 3 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các điểm e, g, i khoản 2, Điều 3: Đề nghị bổ sung cụm từ “viên chức” phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng viên chức tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 3 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoản 2 Điều 3 và khoản 8 Điều 4: Đề nghị sử dụng cụm từ “tổ chức bộ máy và quản lý” để phù hợp với quy định tại Điều 1 Phạm vi điều chỉnh của Luật TK, CLP. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 3 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Về quy định “sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả” tại điểm c khoản 5 Điều 4 của TK, CLP: đây là hành vi phạm pháp luật về đất đai, trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Đất đai năm 2024. Như vậy, trường hợp phát sinh hành vi này thì xác định rõ sẽ áp dụng Luật xử lý vi phạm hành chính hay Luật Tiết kiệm, chống lãng phí hay thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai vì đang cùng điều chỉnh về một nội dung.</p> <p>Đồng thời, cũng tại điểm c khoản 5 Điều 4 quy định về “không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại khoản 1 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định cụ thể: <i>“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc xử lý hành vi gây lãng phí thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.”</i></p> <p>Tại dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm,</p> |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;" thì sẽ áp dụng quy định của Luật TK, CLP hay thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai vì: tại Điều 89 của Luật Đất đai đã quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.</p> | <p>chống lãng phí đã quy định cụ thể nguyên tắc này (theo hướng loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh).</p> <p>Dự thảo Nghị định này chỉ quy định về phương thức nhận diện hành vi gây lãng phí, chế tài xử lý đối với các hành vi này thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.</p> |
| | | <p>Về quy định "chậm đưa vào sử dụng theo quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất;... không sử dụng hết diện tích được giao" tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Luật TK, CLP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc định lượng nội dung này, chậm đưa vào sử dụng là chậm bao lâu?</p> <p>Đồng thời cân nhắc chỉ áp dụng đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; đối với đất nông nghiệp và đất ở của hộ gia đình, cá nhân thì việc xác định không sử dụng hết diện tích được giao khó khả thi trên thực tế. Do hiện nay, đối với đất ở của hộ gia đình cá nhân thuộc trường hợp Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất với thời hạn lâu dài; đồng thời công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng và thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng, nhà ở riêng lẻ ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14).</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại hậu quả của hành vi gây lãng phí tại dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với hành vi vi phạm theo Luật Đất đai 2024 như sau: <i>"Đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai."</i></p> |
| | | <p>- Về quy định "Giao đất khi chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính" tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Luật TK, CLP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc rà soát hướng dẫn nội dung này, vì: tại Điều 228 của Luật Đất đai đang quy định cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, cho</p> | <p>Giải trình</p> <p>- Hành vi gây lãng phí "Giao đất khi chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính" tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí là nội dung thể chế hóa điểm 5.4 mục II Hướng dẫn số 63-</p> |

| | | | |
|----------------------------------|--|--|--|
| | | <p>thuê đất; tổ chức việc xác định giá đất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Sau đó người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì Nhà nước sẽ ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận. Như vậy, theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc giao đất là căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính.</p> | <p>HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực về một số nội dung trọng tâm về công tác phòng, chống lãng phí.</p> <p>- Hành vi này được đưa ra để xử lý các trường hợp không thực hiện đúng quy định tại Điều 228 Luật Đất đai (không thực hiện đúng quy định pháp luật đất đai dẫn đến hậu quả lãng phí nguồn lực).</p> |
| <p>Kiểm toán nhà nước</p> | | <p>- Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung hành vi gây lãng phí trong:</p> <p>(i) Công tác quản lý thu ngân sách, như: Bỏ sót nguồn thu (không quản lý đầy đủ đối tượng nộp thuế); xác định sai căn cứ tính thu (áp dụng sai thuế suất; xác định ưu đãi thuế không đúng đối tượng, thời gian); miễn giảm, gia hạn, xóa nợ không đúng quy định...; áp dụng không đầy đủ, kịp thời các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế theo quy định;</p> <p>(ii) Lĩnh vực chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, như: đầu tư dàn trải phần mềm; nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng phần mềm chuyên biệt nhưng có công năng, mục đích sử dụng giống nhau...; xây dựng hạ tầng dữ liệu không hiệu quả, không liên thông... vì đây là lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ lãng phí lớn.</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>- Đối với hành vi nêu tại điểm (i): Bộ Tài chính đã tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>"a) Ấn định thuế không dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan, gây lãng phí;</i></p> <p><i>b) Xác định không đúng căn cứ tính thu thuế, áp dụng không đúng quy định về ưu đãi thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra, gây lãng phí;</i></p> <p><i>c) Thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, xóa tiền thuế nợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện theo quy định, gây lãng phí;</i></p> <p><i>d) Không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, gây lãng phí."</i></p> <p>- Đối với hành vi nêu tại điểm (ii):</p> <p>Bản chất của hiện tượng xuất phát từ việc không có khung pháp lý chung để thực hiện phòng, chống lãng phí (không phải do hành vi thực hiện thiếu trách nhiệm hay do thực hiện không đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước của các chủ thể trực tiếp</p> |

| | | | |
|--------|--------------------|---|--|
| | | | <p>quản lý, sử dụng nguồn lực).</p> <p>Hành vi gây lãng phí mà KTNN đề xuất không xác định được chủ thể có hành vi gây lãng phí (từng cơ quan xây dựng phần mềm chuyên biệt hay cơ quan ban hành chính sách).</p> <p>Vi vậy, việc đề xuất bổ sung hành vi gây lãng phí để xử lý các chủ thể trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí NSNN là chưa thật sự phù hợp.</p> <p>Việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí đối với nội dung này nên được xem xét đưa vào Chiến lược, các Chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện của các Bộ ngành, địa phương.</p> |
| Điều 3 | Kiểm toán nhà nước | <p>- Đồng thời xem xét bổ sung tại khoản 2 Điều 3: Hành vi sử dụng công chức không đúng năng lực, sở trường công tác;</p> <p>điểm “e) Đào tạo, cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, học hỏi kinh nghiệm, không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực”.</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>- Đối với đề xuất bổ sung hành vi sử dụng công chức không đúng năng lực, sở trường công tác: Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung các hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng công chức tại dự thảo Nghị định, như: “<i>Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức không căn cứ vào năng lực của công chức, nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây lãng phí</i>”; “<i>Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật</i>”...</p> <p>- Đối với hành vi “<i>Đào tạo, cử đi đào tạo bồi dưỡng, tập huấn, học hỏi kinh nghiệm, không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực</i>”:</p> <p>+ Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định</p> |

| | | | |
|---------------|---------------------------------|--|---|
| | | | <p>nguyên tắc: “1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.”</p> <p>+ Tại Chương II, Chương III Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, trong đó đã bao gồm nội dung về cử đi đào tạo, bồi dưỡng; nội dung đào tạo, bồi dưỡng kết hợp giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành...</p> <p>Vì vậy, Bộ Tài chính xin giữ nguyên hành vi này tại dự thảo Nghị định để đảm bảo tính ngắn gọn, tương thích với quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.</p> |
| Điều 3 | Bộ Khoa học và Công nghệ | <p>(i) rà soát quy định tại khoản 2 về hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, một số hành vi được quy định mang tính điển giải quy định của pháp luật chuyên ngành (như pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức), thay vì chỉ làm rõ yếu tố “gây lãng phí”, điều này chưa phù hợp với nguyên tắc của Luật là chỉ xác định hành vi lãng phí gắn với hậu quả sử dụng nguồn lực không hiệu quả;</p> <p>(ii) sửa đổi thuật ngữ tại điểm đ khoản 2 do không có khái niệm “hợp đồng lao động theo mùa vụ” trong Bộ Luật lao động hiện hành;</p> <p>(iii) rà soát, sắp xếp lại quy định tại khoản 3 để tránh trùng lặp với Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thống nhất về kỹ thuật lập pháp theo Nghị định số 78/2025/NĐ CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>(i) Bộ Tài chính đã thể hiện rõ ở khoản 8 Điều 5 hậu quả của hành vi gây lãng phí là làm phát sinh tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước.</p> <p>(ii) Tiếp thu ý kiến của Bộ KH-CN, dự thảo Nghị định đã được sửa đổi theo hướng lược bỏ hành vi này tại dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại Bộ luật Lao động 2019.</p> <p>(iii) Khoản 3 Điều 3 là hành vi gây lãng phí được bổ sung mới và không trùng lặp với quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 3 | Tổng công ty Hàng hải | - Đề nghị bổ sung điểm k vào khoản 2 về hành vi gây lãng | Tiếp thu |

| | | | |
|---------------|---------------------------------------|--|--|
| | Việt Nam | phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước: “k. Ký hợp đồng thuê chuyên gia, tư vấn không đúng nhu cầu thực tế hoặc trùng lặp với chức năng nhiệm vụ của bộ máy hiện có”. | Dự thảo Nghị định đã bỏ sung hành vi gây lãng phí liên quan đến ký hợp đồng làm việc của công chức, hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập như sau: “k) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí. l) Ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, gây lãng phí;” |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | - Đề nghị điều chỉnh cụm từ “dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt” ở khoản 3 hoặc lược bỏ để tránh trùng lặp với điểm e khoản 3 Điều 4 (“kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt”). Cách diễn đạt như dự thảo là chưa hợp lý vì Điều 3 đang mô tả hành vi, nhưng lại lồng ghép hậu quả vào tên hành vi, còn Điều 4 lại sử dụng chính hậu quả đó để xác định hành vi gây lãng phí. | Giải trình Hành vi quy định tại khoản 3 Điều 3 (khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định hiện nay) là hành vi bỏ sung mới so với Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó đã xác định cụ thể hậu quả lãng phí. Vì vậy, không cần thiết gắn với hậu quả lãng phí quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | Khoản 7 Điều 4: Đề xuất xác định cụ thể khái niệm “thất thoát, mất vốn” phải gắn với hành vi vi phạm; sửa đổi, bổ sung cơ chế loại trừ yếu tố tác động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp; rủi ro kinh doanh hợp lý; biến động thị trường lớn; làm rõ /bổ sung các chỉ tiêu/chu kỳ đánh giá đối với nội dung “dựa trên đánh giá tổng thể doanh nghiệp”. Lý do: căn cứ khoản 3 Điều 30 NĐ 365/2025/NĐ-CP; đảm bảo tính đồng bộ, đề xuất tham khảo “phụ lục 1 yếu tố khách | Tiếp thu - Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất về mặt thuật ngữ với quy định pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. - Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP quy định các yếu tố loại trừ tác động khi đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp. Theo đó, không cần thiết quy |

| | | | |
|----------------|---------------------------|--|--|
| | | quan” tại ND 248/2025/ND-CP | <p>định thêm các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp tại dự thảo Nghị định.</p> <p>Ngoài ra, Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: “2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</p> |
| Điều 3, Điều 4 | Sở Tài chính tỉnh Lào Cai | <p>Về hành vi gây lãng phí và xác định hành vi gây lãng phí ở Điều 3, Điều 4, nhiều tiêu chí xác định “hậu quả lãng phí” còn mang tính định tính (ví dụ “không có cơ sở quản lý”, “hiệu suất thấp”), đề nghị bổ sung hướng dẫn định lượng hoặc giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể để bảo đảm thống nhất khi thanh tra, kiểm tra.</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>- Đối với hậu quả lãng phí “không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực”:</p> <p>Phạm vi điều chỉnh của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau.</p> <p>Hậu quả của việc không có cơ sở để quản lý, sử dụng nguồn lực trong từng lĩnh vực có biểu hiện khác nhau, không có tiêu chí chung để bao quát cho tất cả các lĩnh vực (ví dụ việc không có các quy định về chế độ quản lý, khai thác đối với một loại tài sản công nhất định dẫn đến hậu quả là tài sản công đó không được sử dụng hoặc phải sử dụng cho các mục đích, công năng khác...).</p> <p>Do vậy, việc quy định cụ thể, liệt kê đầy đủ nội hàm của cụm từ “không có cơ sở để quản lý, khai thác sử dụng nguồn lực” ngay tại dự thảo Nghị định này là không không khả thi. Việc xác định, chứng minh nội dung này sẽ cơ quan thanh tra kiểm tra, kiểm tra, điều tra trên cơ sở hồ sơ chứng từ tài liệu cụ thể để đánh giá, kết luận.</p> <p>- Đối với hậu quả lãng phí “hiệu suất khai thác thực tế”:</p> |

| | | | |
|---------------|--------------------|--|---|
| | | | Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý theo hướng lược bỏ hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định. |
| | | Điểm e khoản 4 Điều 4 quy định hiệu suất khai thác <50% trong 3 năm đầu vận hành: đề nghị xem xét bổ sung trường hợp nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, thay đổi quy hoạch...). | Tiếp thu Bộ Tài chính lược bỏ những hậu quả mang tính định tính, chưa rõ ràng trong việc xác định tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Bộ Xây dựng | - Việc xác định hành vi gây lãng phí: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí theo hướng: “Việc xác định hành vi gây lãng phí phải căn cứ trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan; không quy kết là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng, tình thế cấp thiết hoặc các nguyên nhân khách quan khác như biến động của thị trường, thay đổi chính sách pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc thù ngành nghề hoặc các yếu tố bất khả kháng khác”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: <i>“1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí . 2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</i> |
| Điều 4 | Bộ Xây dựng | - Đề nghị xem xét bỏ điểm a khoản 3 và điểm a khoản 6 “Phát sinh các chi phí xử lý phân kết cấu xây dựng hình thành từ dự án”, do quy định này không rõ hậu quả của hành vi nào trong các hành vi quy định tại Điều 3, đồng thời mang tính định tính, chung chung, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau trong thực tiễn thực hiện. Bên cạnh đó, nội dung này không được quy định tại Điều 3, do đó chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các điều | Tiếp thu một phần Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định thành: “ <i>Phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư</i> ” để đảm bảo tính cụ thể, thống nhất với quy định của pháp luật về xây dựng. Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí phải gắn với |

| | | | |
|---------------|---------------------------------|---|--|
| | | khoản của dự thảo Nghị định. | hậu quả lãng phí. Trong đó, hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí. Các hành vi này được xác định là lãng phí khi làm phát sinh bất kì hậu quả lãng phí nào quy định tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Bộ Xây dựng | - Đề nghị xem xét bỏ điểm b khoản 3 “Làm tăng tổng mức đầu tư do thực hiện các hành vi quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15”, do chưa có cơ sở xác định rõ mốc so sánh để đánh giá việc tăng tổng mức đầu tư; trong khi các hành vi nêu trên có thể đã trực tiếp làm sai lệch việc xác định tổng mức đầu tư ban đầu, nên việc sử dụng tổng mức đầu tư làm căn cứ đánh giá là không bảo đảm tính logic và khó áp dụng trong thực tiễn. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý theo hướng lược bỏ hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Bộ Xây dựng | - Đề nghị chuyển điểm d khoản 3 “Sử dụng vốn đầu tư công vượt mức được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phê duyệt, không đúng mục đích, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định” lên khoản 2 Điều này, do thực chất đây là hậu quả của hành vi quản lý, sử dụng tài chính công. | Giải trình Hậu quả lãng phí này gắn với các hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (không phải là hậu quả của hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí). |
| Điều 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ | xem xét, quy định cụ thể tiêu chí phân biệt nguyên nhân chủ quan và khách quan khi xác định hành vi gây lãng phí; | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: <i>“1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm</i> |

| | | | |
|---------------|---------------------------------|---|---|
| | | | <p><i>toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí.</i></p> <p><i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm."</i></p> |
| Điều 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ | <p>nghiên cứu, bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí mang tính "tiền kiểm" để các cơ quan, đơn vị có căn cứ tự nhận diện, tự đánh giá và chủ động phòng ngừa lãng phí;</p> | <p>Giải trình</p> <p>- Tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định hành vi gây lãng phí trong các lĩnh vực và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nguyên tắc xác định hành vi, bổ sung hành vi gây lãng phí trong một số lĩnh vực và hậu quả lãng phí tương ứng.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 6 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí quy định nguyên tắc đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí như sau: "<i>Việc đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí phải dựa trên định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, kết hợp với đánh giá tổng thể về kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng đầu ra, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tác động xã hội.</i>"</p> <p>- Tại Điều 12, Điều 13 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định về Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã có quy định hướng dẫn về Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí của riêng</p> |

| | | | |
|---------------|---------------------------------|--|---|
| | | | <p>minh.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định về hoạt động tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tại Chương VI dự thảo Nghị định đã có quy định về kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Từ những căn cứ trên, Luật Tiết kiệm, chống lãng phí và dự thảo Nghị định đã đảm bảo có quy định về nhận diện lãng phí, tạo cơ sở để cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động xem xét, đánh giá và phòng ngừa lãng phí.</p> |
| Điều 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Xem xét quy định dẫn chiếu nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành (Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) để tránh chồng chéo trong việc xác định tiêu chuẩn, định mức; | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định không quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong các lĩnh vực. Việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Đối với nội dung kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ, dự thảo Nghị định định đang quy định dẫn chiếu theo quy định pháp luật có liên quan.</p> |
| Điều 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Làm rõ nội hàm của cụm từ “cơ sở” trong quy định “không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực” tại điểm b khoản 1 để đảm bảo tường minh trong tổ chức thực hiện; | <p>Giải trình</p> <p>Phạm vi điều chỉnh của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau.</p> <p>Hậu quả của việc không có cơ sở để quản lý, sử dụng nguồn lực trong từng lĩnh vực có biểu hiện khác nhau, không có tiêu chí chung để bao quát cho tất cả các lĩnh vực (ví dụ việc không có các quy định về chế độ quản lý, khai thác đối với một loại tài sản công nhất định dẫn đến hậu quả là tài sản công đó không được sử dụng hoặc phải sử dụng cho các mục đích, công năng khác...).</p> <p>Do vậy, việc quy định cụ thể, liệt kê đầy đủ nội hàm</p> |

| | | | |
|---------------|---------------------------------|---|--|
| | | | của cụm từ “không có cơ sở để quản lý, khai thác sử dụng nguồn lực” ngay tại dự thảo Nghị định này là không không khả thi. Việc xác định, chứng minh nội dung này sẽ cơ quan thanh tra kiểm tra, kiểm tra, điều tra trên cơ sở hồ sơ chứng từ tài liệu cụ thể để đánh giá, kết luận. |
| Điều 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ | bổ sung quy định “Trừ trường hợp tài sản thuộc loại dự phòng hoặc có tính mùa vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành” sau điểm đ khoản 4. | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định để đảm bảo tính bao quát như sau: “<i>đ) Tài sản công là trụ sở làm việc không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan</i>”.</p> |
| Điều 4 | Ngân hàng Nhà nước | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung “do nguyên nhân chủ quan” và loại trừ những nguyên nhân khách quan tại điểm đ, điểm e, Khoản 4, Điều 4. Lý do: Tại thời điểm thực hiện mua sắm, xây dựng tài sản, công trình tài sản đáp ứng nhu cầu sử dụng, nhưng qua thời gian vì lý do bất khả kháng, tài sản không còn đáp ứng hoặc không còn nhu cầu sử dụng; nếu đơn vị quản lý không đưa ra biện pháp xử lý tài sản thì mới xảy ra tình trạng lãng phí.</p> <p>Ngoài ra, khi thực hiện một số nhiệm vụ chính trị, ngân hàng đã tiếp nhận một số tài sản từ các ngân hàng bị sáp nhập như một số khu đất, tài sản gắn liền với đất không có nhu cầu sử dụng dự kiến trả lại nhà nước/hoặc bán đấu giá tuy nhiên do vướng mắc về mặt trình tự thủ tục chưa thể thực hiện.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau: “<i>1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí.</i></p> <p><i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.</i>”</p> <p>Hiện nay, Bộ Tài chính đang phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý các tài sản dôi dư sau sáp nhập.</p> |

| | | | |
|--------|-----------------------------|---|--|
| Điều 4 | Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét hướng dẫn cụ thể tiêu chí, phương thức xác định cụ thể như thế nào là “thất thoát”, “mất vốn” quy định tại Khoản 7 Điều 4. Lý do: để đảm bảo rõ ràng, các đơn vị có cơ sở rà soát, quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị. | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý nội dung này theo hướng bỏ thuật ngữ mất vốn. Việc sử dụng thuật ngữ thất thoát là để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; quản lý, sử dụng tài sản công.</p> |
| Điều 4 | Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh | Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 4 dự thảo thành “Làm thất thoát ngân sách, tài sản công , tăng tổng mức đầu tư, tăng chi ngân sách nhà nước hoặc giảm nguồn thu ngân sách nhà nước do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 4 | Sở Tài chính tỉnh Điện Biên | Tại điểm e khoản 4 Điều 4: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc quy định “Công trình đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu suất khai thác thực tế thấp hơn 50% so với phương án thiết kế hoặc mục tiêu dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong 03 năm đầu vận hành” bị xác định là lãng phí bởi căn cứ thực tiễn các dự án hạ tầng quy mô lớn (sân bay, cảng biển, đường cao tốc,...), hiệu suất khai thác trong những năm đầu thường chưa cao do đặc thù có lộ trình tăng trưởng theo thời gian nên đề nghị nghiên cứu theo hướng quy định có trường hợp loại trừ các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội có lộ trình tăng trưởng công suất khai thác theo phân kỳ đầu tư hoặc theo quy hoạch đã được phê duyệt để phù hợp với thực tiễn, bảo đảm đánh giá đúng bản chất đầu tư, phù hợp đặc thù vận hành của các dự án hạ tầng có quy mô lớn. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý theo hướng lược bỏ hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 4 | Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ | Điểm e khoản 4 Điều 4 (Xác định hành vi gây lãng phí) của dự thảo, quy định: “e) Công trình đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu suất khai thác thực tế gấp hơn 50% so với phương án thiết kế hoặc mục tiêu dự án ban đầu trong 03 năm đầu vận | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý theo hướng lược bỏ hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|----------------------|----------------------------------|--|--|
| | | <p>hành”.</p> <p>Căn cứ quy định Luật QLSD TSC năm 2025, việc xác định hiệu suất khai thác thực tế thấp hơn 50% đối với các tài sản là dự án công nghệ thông tin, hạ tầng số, phần mềm số là chưa có cơ sở và định mức kỹ thuật rõ ràng.</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, nghiên cứu, bổ sung và ban hành hướng dẫn về định mức khai thác tài sản số để đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Luật</p> | |
| <p>Điều 4</p> | <p>Kiểm toán nhà nước</p> | <p>- Khoản 3: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung quy định: Xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư không phù hợp với nhu cầu thực tế (ví dụ: đầu tư đường nhiều làn xe trong khi số làn xe quy đổi từ lưu lượng xe dự báo thấp hơn; quy mô đầu tư vượt nhu cầu sử dụng...), dẫn đến lãng phí vốn ngân sách Nhà nước.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí hiện nay mới chỉ quy định xử lý đối với các hành vi:</p> <p><i>“a) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b) Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định;”</i></p> <p>Hành vi mà Kiểm toán Nhà nước đề xuất hiện nay chưa có tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí. Việc bổ sung hành vi gây lãng phí là khó khả thi do chưa có cơ sở để đánh giá về sự phù hợp với nhu cầu thực tế</p> |

| | | | |
|---------------|---------------------------|--|---|
| | | | (pháp luật chuyên ngành về đầu tư công, xây dựng chưa có quy định về tiêu chí, quy trình, phương thức đánh giá). |
| Điều 4 | Kiểm toán nhà nước | - Khoản 4: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung thêm cụm từ “trừ trường hợp bất khả kháng” để xác định rõ nguyên nhân của hành vi gây lãng phí, từ đó xác định trách nhiệm, hậu quả... phù hợp với tình hình thực tế và tính chất sự việc xảy ra. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau:</p> <p><i>“1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí.</i></p> <p><i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</i></p> |
| Điều 4 | Kiểm toán nhà nước | - Khoản 5: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung trách nhiệm của cơ quan phê duyệt dự án khi cho phép doanh nghiệp năng lực kém giữ đất để làm cơ sở xử lý tổ chức, cá nhân, đơn vị phê duyệt dự án. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung vào dự thảo Nghị định hành vi gây lãng phí:</p> <p><i>“Hành vi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không đảm bảo điều kiện về năng lực dẫn đến đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai;”</i></p> |
| Điều 4 | Kiểm toán nhà nước | - Khoản 7: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét biên tập từ “thất thoát phần lợi nhuận vào NSNN” thành “thất thoát phần lợi nhuận phải nộp NSNN” để đảm bảo đầy đủ, chính xác nội | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị</p> |

| | | dung cần quy định | định. |
|--------|------------------------|--|---|
| Điều 4 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | <p>- Tại Điều 4 của dự thảo Nghị định: “Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo, đề nghị cân nhắc thay thế cụm từ “giải quyết tố cáo” bằng cụm từ “giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh”.</p> <p>- Tại điểm c khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định: Đề nghị xem xét bổ sung thêm cụm từ: “Trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh.”</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau:</p> <p><i>“1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chịu quan gắn với hậu quả lãng phí.</i></p> <p><i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</i></p> <p>Ngoài ra, Bộ Tài chính xin giữ nguyên cụm từ “giải quyết tố cáo” như tại dự thảo Nghị định vì:</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15) quy định: <i>“<u>Khiếu nại là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</u>”</i></p> <p>- Tại khoản 2 Điều 2 Luật Tiếp công dân số</p> |

| | | | |
|---------------|---------------------------------------|--|---|
| | | | <p>42/2013/QH13 quy định: “<u>Kiến nghị, phản ánh là việc công dân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp</u> với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.”</p> <p>Theo đó, việc xác định hành vi gây lãng phí không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại, phản ánh; kết luận của cơ quan có thẩm quyền về nội dung giải quyết khiếu nại, phản ánh không dẫn đến việc xác định được hành vi gây lãng phí.</p> |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | - Đề nghị bổ sung quy định về việc xác định “gây lãng phí” đối với các hành vi nêu ở khoản 2 Điều 4 Luật TKCLP | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|--------|--------------------------------|--|---|
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | <p>- Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về các “hành vi gây lãng phí khác” theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật TKCLP (chẳng hạn, sử dụng công nghệ lạc hậu gây hao phí năng lượng; chậm ứng dụng chuyển đổi số dẫn đến tăng chi phí quản lý...)</p> | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm các hành vi gây lãng phí khác tại Điều 4.</p> <p>Trong quá trình thực hiện trường hợp phát sinh các hành vi gây lãng phí chưa được quy định tại Luật, có cơ sở xác định rõ ràng theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, Bộ Tài chính sẽ báo cáo Chính phủ bổ sung để đảm bảo cơ sở xử lý.</p> |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | <p>- Đề nghị bổ sung tiêu chí khác để xác định lãng phí ngoài việc làm phát sinh các hậu quả đã nêu (chẳng hạn, việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, bỏ lỡ thời cơ phát triển...).</p> | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa một số hậu quả của hành vi gây lãng phí gắn với việc quản lý sử dụng không hiệu quả nguồn lực, bỏ lỡ thời cơ phát triển như: (i) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng;</p> <p>(ii) Kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt;</p> |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam | <p>- Đề nghị nghiên cứu lại quy định về việc xác định “gây lãng phí” đối với công trình đã đưa vào sử dụng tại điểm c khoản 4 để điều chỉnh phù hợp. Việc định lượng các chỉ số hiệu suất công trình (như mức 50%) tại điểm c khoản 4 dự thảo cần cân nhắc kỹ để tránh gây khó khăn cho các công trình công cộng có lộ trình phát triển dài hạn. Việc xác định một công trình có gây lãng phí hay không nên tập trung vào việc đối chiếu với phương án phê duyệt ban đầu thay vì đưa ra tỷ lệ chung cho tất cả các lĩnh vực.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý theo hướng lược bỏ hậu quả lãng phí này tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|--------|---|---|--|
| Điều 4 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | <p>Tại khoản 5 đề xuất bổ sung “Phát sinh kinh phí khôi phục cơ sở hạ tầng do việc khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng không hiệu quả gây thiệt hại lớn cho hệ thống” do đối với lĩnh vực năng lượng, việc sử dụng năng lượng không hiệu quả hoặc không tối ưu sử dụng vào một số thời điểm/bối cảnh có thể gây thiệt hại cho cả hệ thống.</p> <p>Ví dụ như việc mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu khi nguồn cung năng lượng tái tạo (như điện mặt trời, điện gió) vượt quá nhu cầu sử dụng gây rủi ro kỹ thuật và an ninh hệ thống điện hoặc chi phí dừng/khởi động lại trong sản xuất điện, khai thác mỏ...có thể gây lãng phí đối với hệ thống và cơ sở hạ tầng.</p> | <p>Giải trình:</p> <p>Hậu quả phát sinh kinh phí khôi phục này chưa rõ gắn với hành vi gây lãng phí nào trong quản lý, sử dụng tài nguyên, năng lượng.</p> <p>Hiện nay, pháp luật về tài nguyên, năng lượng chưa có quy định về trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng không hiệu quả dẫn đến gây thiệt hại cho cơ sở hạ tầng, hệ thống.</p> <p>Vi vậy, chưa có cơ sở để tiếp thu hậu quả lãng phí này vào dự thảo Nghị định. Trong quá trình thực hiện trường hợp phát sinh các hành vi gây lãng phí chưa được quy định tại Luật TK, CLP, Nghị định này nhưng có cơ sở xác định rõ ràng theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, Bộ Tài chính sẽ báo cáo Chính phủ bổ sung để đảm bảo cơ sở xử lý.</p> |
| Điều 4 | Bộ Công an | <p>a) Tại điểm a khoản 1, đề nghị bỏ cụm từ “do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước” vì tại khoản 1 Điều 4 quy định về hành vi liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý hậu quả của hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 4 | Bộ Công an | <p>b) Tại điểm b khoản 3, đề nghị bỏ cụm từ “do thực hiện các hành vi quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15” vì nội dung này đã được dẫn chiếu tại khoản 3 Điều 4.</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý hậu quả lãng phí này thành: “<i>Làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các hành vi quy định tại điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15</i>”.</p> <p>Theo đó, cụm từ “do thực hiện các hành vi quy định tại điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15” là để xác định rõ</p> |

| | | | |
|--------|------------------------------|--|--|
| | | | hậu quả tăng tăng chi ngân sách nhà nước là hậu quả trực tiếp từ việc thực hiện các hành vi gây lãng phí (loại trừ các trường hợp tăng tổng chi ngân sách nhà nước do các nguyên nhân khách quan khác). |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Điều 4: Đề nghị bổ sung quy định về cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (Bộ, Sở...) và cơ quan có thẩm quyền (Thanh tra, Kiểm toán...) trong việc phát hiện, xác định và kết luận hành vi lãng phí đối với các hành vi mang tính quản lý chuyên ngành tại Điều 4 của dự thảo Nghị định. | Giải trình Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã được quy định cụ thể tại Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán Nhà nước, Quy chế phối hợp giữa các cơ quan này và không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này. |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoản 1 Điều 4: Đề nghị hướng dẫn rõ, chi tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4: “Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực”. Vi chưa rõ xác định như thế nào là “Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực” và hướng dẫn việc xác định “văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực TK, CLP” gồm những văn bản quy phạm pháp luật thuộc nội dung, lĩnh vực, dạng văn bản nào để đảm bảo việc xác định hành vi gây lãng phí trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực TK, CLP đảm bảo rõ ràng, chính xác. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý theo hướng bỏ hậu quả lãng phí này và quy định cụ thể hơn hậu quả của hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | - Đề nghị lượng hóa một số quy định như: thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước (điểm b); gây thất thoát tài nguyên (điểm đ); đất không được đưa vào sử dụng (điểm k); với lý do như sau: Tại Điều 81 của Luật Đất đai quy định các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, gồm: đối với đất nông nghiệp không được sử dụng trong thời gian từ 12 đến 24 tháng liên tục đối với từng loại đất thì thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; đối với đất được Nhà nước giao, cho | Tiếp thu - Bộ Tài chính đã chỉnh lý hậu quả của hành vi gây lãng phí tại dự thảo Nghị định thành: “ <i>Đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai;</i> ” đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật đất đai trong việc nhận diện hành vi |

| | | | |
|--------|------------------------------|--|---|
| | | <p>thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai, Nhà nước cho phép chủ đầu tư được gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng và phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương ứng. Như vậy, theo quy định của pháp luật về đất đai thì Nhà nước cho phép người sử dụng đất có độ trễ trong một khoảng thời gian nhất định đối với từng loại đất; đồng thời quy định này cũng đang thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>Việc quy định thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước, gây thất thoát tài nguyên là quá chung, sẽ khó triển khai trên thực tế.</p> | <p>gây lãng phí.</p> <p>Dự thảo Nghị định chi quy định để nhận diện rõ hơn các hành vi vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành, có thể gây lãng phí.</p> <p>Việc xử lý đối với hành vi gây lãng phí có hậu quả này sẽ thực hiện theo quy định các quy định pháp luật chuyên ngành theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (cụ thể với trường hợp mà Bộ NN&MT phản ánh sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật đất đai).</p> <p>- Đối với các hậu quả gây thoát nguồn thu NSNN, thất thoát tài nguyên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra sẽ dựa trên cơ sở hồ sơ cụ thể của vụ án, vụ việc có các hành vi gây lãng phí quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí để chứng minh hậu quả này.</p> <p>Tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết về xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí, Bộ Tài chính đã có các quy định cụ thể về việc xác định thiệt hại đối với hậu quả gây thất thoát NSNN, gây thất thoát tài nguyên.</p> |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đề nghị rà soát lại quy định “nguyên nhân chủ quan” là gì, căn cứ vào pháp luật nào để xác định nguyên nhân này. | <p>Giải trình</p> <p>Hành vi gây lãng phí tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí phạm vi rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực và trong quá trình thực hiện có thể phát sinh các “<i>nguyên nhân chủ quan</i>” khác nhau, việc quy định cụ thể nguyên nhân chủ quan có thể không phù hợp với các trường hợp có thể phát sinh trên thực tiễn tất cả các lĩnh vực. Theo đó, tùy từng trường hợp mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra sẽ đánh</p> |

| | | | |
|---------------|-------------------------------------|---|--|
| | | | <p>giá dựa trên nội dung giải trình của các chủ thể thực hiện hành vi. Tại dự thảo Nghị định không thể liệt kê hết các trường hợp có thể phát sinh trên thực tiễn.</p> <p>Thực tế, có rất nhiều VBQPPL cũng quy định theo nguyên tắc này. Ví dụ: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm...</p> |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Đề nghị rà soát lại nội dung này do không rõ nghĩa, đồng thời, quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Luật TK, CLP đã rõ hành vi lãng phí là không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Đối với hành vi tại điểm c khoản 5 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí: “<i>không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>” thì ngay tại hành vi gây lãng phí đã thể hiện hậu quả của hành vi.</p> <p>Quy định tại dự thảo Nghị định chỉ để xác định rõ hậu quả của hành vi gây lãng phí chính là “<i>Đất không được trả lại theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</i>” Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cần xác định được hậu quả này để xác định hành vi gây lãng phí.</p> <p>Quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật.</p> |
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Đề nghị xem xét bổ sung các quy định về việc “Không áp dụng các biện pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các loại dự án bắt buộc phải có phương án này</p> | <p>Giải trình</p> <p>- Khoản 1 Điều 59 Luật Tài nguyên nước quy định “<i>1. Nhà nước khuyến khích các dự án đầu tư sản</i></p> |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>theo kế hoạch của UBND cấp tỉnh” để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Tài nguyên nước;</p> | <p><i>xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước và xả nước thải có giải pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước ngay trong giai đoạn xây dựng dự án.”</i></p> <p>- Khoản 4 Điều 59 Luật Tài nguyên nước “4. Tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.”</p> <p>- Hiện nay, Bộ Luật Hình sự và Nghị định 290/2025/NĐ-CP chưa có quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự và XPVPHC đối với hành vi không áp dụng các biện pháp sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước.</p> <p>Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Bộ Tài chính thấy rằng việc sử dụng nước tuần hoàn và tái sử dụng nước có phải trách nhiệm bắt buộc phải thực hiện của doanh nghiệp hay không. Pháp luật về XLVPHC và hình sự đều chưa xác định hành vi vi phạm hoặc tội phạm đối với hành vi này.</p> <p>Vì vậy, việc xác định hành vi gây lãng phí đối với trường hợp này tại thời điểm hiện nay là chưa rõ cơ sở và không có chế tài để xử lý.</p> <p>Sau khi pháp luật chuyên ngành xác định rõ tính chất bắt buộc và các quy định XPVPHC, truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng, Bộ Tài chính sẽ báo cáo Chính phủ bổ sung quy định để nhận diện hành vi gây lãng phí này.</p> |
|--|--|---|--|

| | | | |
|--------|--|--|---|
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Đề nghị xem xét bổ sung các quy định về việc “Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định trong điều kiện xảy ra hạn hán, thiếu nước” để phù hợp với cơ chế quản lý hạn ngạch tại Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và khung trạng thái nguồn nước tại Điều 42 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung hành vi gây lãng phí “<i>Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định trong điều kiện xảy ra hạn hán, thiếu nước</i>” tại khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 4 | Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | <p>Dự thảo Nghị định quy định một số hành vi. Trên thực tế, nhiều hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, có đặc thù chu kỳ đầu tư dài, hiệu quả đầu tư thường chỉ được ghi nhận sau nhiều năm. Đồng thời, các hoạt động đầu tư này cũng chịu tác động lớn từ các yếu tố khách quan như biến động thị trường, công nghệ, chính sách hoặc nhu cầu sử dụng dịch vụ.</p> <p>Do đó, việc xác định hành vi gây lãng phí chỉ dựa trên hậu quả (như suy giảm vốn hoặc lợi nhuận) mà chưa xem xét đầy đủ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư (bao gồm biến động thị trường, thay đổi chính sách, rủi ro công nghệ...) có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa phù hợp trong thực tiễn, không phản ánh đúng bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>VNPT đề xuất điều chỉnh quy định tại khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị định theo hướng: hành vi trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ được xác định là gây lãng phí khi có yếu tố lỗi chủ quan, như vi phạm quy định của pháp luật, quy chế quản lý nội bộ hoặc không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao dẫn đến hậu quả thất thoát vốn, tài sản hoặc lợi nhuận của Nhà nước.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí để loại trừ những trường hợp không xác định là hành vi gây lãng phí như sau:</p> <p><i>“1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan gắn với hậu quả lãng phí.</i></p> <p><i>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.”</i></p> |

| | | | |
|--------|------------------------------|--|---|
| Điều 4 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Tại dự thảo "Hành vi trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm phát sinh tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước",</p> <p>Đề xuất sửa đổi lại thành: "Hành vi trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm phát sinh tăng kinh phí từ ngân sách nhà nước" do hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và quản lý lao động lại đang được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 5 | Sở Tài chính tỉnh Điện Biên | <p>Tại điểm a khoản 3 Điều 5: Đề nghị sửa như sau để đảm bảo đầy đủ chính xác khi xác định hành vi, tránh việc áp dụng tùy nghi trong thực tiễn "Không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung, yêu cầu của báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định".</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 5 | Kiểm toán nhà nước | <p>Đề khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân dũng cảm đấu tranh chống lãng phí, đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung các nội dung: Cơ quan tiếp nhận thông tin lãng phí phải có trách nhiệm thông báo kết quả xác minh, xử lý cho người đã cung cấp thông tin biết; quy định phân định rõ trách nhiệm xử lý thông tin chồng chéo, trùng lặp; trường hợp thông tin tố giác lãng phí liên quan trực tiếp đến người đứng đầu cơ quan tiếp nhận, cần có cơ chế quy định bắt buộc phải chuyển thông tin lên cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để đảm bảo tính khách quan.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại điểm a khoản 2 Điều 7 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định cụ thể nguyên tắc này "a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết thông tin phát hiện lãng phí theo quy định pháp luật về tố cáo, pháp luật về tiếp công dân và pháp luật có liên quan; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và công khai kết quả xử lý; giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí theo quy định"</p> <p>Theo đó, việc xử lý, giải quyết thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về tố cáo, pháp luật về tiếp</p> |

| | | | |
|----------------|---|--|--|
| | | | công dân và pháp luật có liên quan. |
| Điều 5 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Điểm b khoản 2 Điều 5: Đề nghị bổ sung cụm từ “yêu cầu, biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí” để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật TK, CLP. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý, bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 5 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoản 2 Điều 5: Một số hành vi tại của dự thảo Nghị định như “Tổ chức thực hiện không đầy đủ, không đúng nội dung... các nhiệm vụ, chỉ tiêu” có tính định tính cao, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, quy định rõ hơn các tiêu chí để xác định thế nào là “không đầy đủ” hoặc “không đúng nội dung” để tạo thuận lợi cho việc phát hiện, xác định hành vi lãng phí. | Tiếp thu một phần Tại dự thảo Nghị định đã bỏ hành vi thực hiện “không đúng nội dung” nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí; Việc tổ chức thực hiện không đầy đủ được xác định căn cứ vào Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ, ngành địa phương ban hành. |
| Điều 5 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tại Điều 5, đề nghị bổ sung khoản sau: “Hành vi vi phạm quy định tại Điều này bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật có liên quan”. | Giải trình Nghị định này không quy định về chế tài xử lý. Hiện nay chế tài xử lý đối với hành vi này đã được đưa vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết về xử lý kỷ luật và dự thảo Nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí. |
| Điều 5 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | Tại điểm b khoản 11 Điều 5 quy định “không triển khai hoặc triển khai ngay toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc, nội dung, hình thức được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này”, tuy nhiên, thực tế vẫn tham chiếu đến Điều 7 và Điều 8 của Nghị định. Tương tự với Điều 6. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 5, Điều 6 | Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên | Tại điểm b khoản 11 Điều 5 và Điều 6 Dự thảo Nghị định, đề nghị chỉnh sửa nội dung “...nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này” thành “...nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 7 và | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung tại dự thảo Nghị định. |

| | | | |
|---------------|-------------------------------------|---|--|
| | | Điều 8 của Nghị định này”. | |
| Điều 6 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Khoản 2 Điều 6 của Luật TK, CLP quy định việc đánh giá lãng phí phải dựa trên định mức, tiêu chuẩn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định việc xác định lãng phí tài nguyên nói chung, tài nguyên nước nói riêng phải dựa trên các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành để đảm bảo tính khả thi và chính xác.</p> <p>Đặc biệt, việc xác định lãng phí nước trong nông nghiệp cần căn cứ các định mức tưới tiết kiệm, quy trình vận hành hồ chứa, công trình, hệ thống công trình thủy lợi (theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Tài nguyên nước) và việc xác định sử dụng nước lãng phí cho thủy điện cần căn cứ vào quy trình vận hành hồ chứa đã được phê duyệt (theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Tài nguyên nước).</p> | <p>Giải trình</p> <p>Nguyên tắc đánh giá lãng phí đã được quy định tại khoản 2 điều 6 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, vì vậy dự thảo Nghị định không quy định lại nội dung này.</p> <p>Mặt khác hành vi gây lãng phí đã được quy định cụ thể tại Luật TK, CLP và quy định chi tiết tại dự thảo Nghị định này. Theo đó, khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra trong từng lĩnh vực cụ thể cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào tiêu chuẩn định mức, chế độ trong lĩnh vực đó để kết luận, xác định hành vi gây lãng phí.</p> <p>Theo đó, việc quy định cụ thể như đề xuất của Bộ NN&MT là không cần thiết.</p> |
| Điều 8 | Sở Tài chính thành phố Huế | Tại tiêu đề Điều 8, đề nghị điều chỉnh vị trí dấu phẩy (,), cụ thể như sau: “Nội dung, hình thức triển khai <i>Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</i> ”. | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 8 | Ngân hàng Nhà nước | Bổ sung giải thích từ ngữ đối với cụm từ “văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí” Tại điểm a khoản 1 Điều 8 đề nội dung quy định được rõ ràng, có tính định lượng (các yếu tố/điều kiện cấu thành “văn hóa” tiết kiệm), đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện quy định và Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 quy định khái niệm “Tiết kiệm”, “Lãng phí” mà không có khái niệm/giải thích từ ngữ đối với “văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí” | <p>Giải trình</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 3 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định khái niệm tiết kiệm: “<i>Tiết kiệm là việc quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra. Trong khu vực nhà nước, tiết kiệm là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, tài nguyên, năng lượng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt kết quả</i></p> |

| | | | |
|----------------------|--|---|--|
| | | | <p><i>cao hơn mục tiêu đã định.</i>”</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 10 Luật Tiết Kiệm, chống lãng phí đã quy định các biện pháp xây dựng và lan toả văn hoá, tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó bao gồm việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng, triển khai phong trào về tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với điều kiện thực tế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể các Bộ ngành về việc tổ chức thực hiện ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| <p>Điều 9</p> | <p>Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</p> | <p>Về “Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí” tại Điều 9 và Điều 10</p> <p>Điều 9 giao Bộ Tài chính hằng năm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước; các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục hướng dẫn trong phạm vi quản lý. Điều 10 quy định kinh phí tổ chức được bố trí trong dự toán chi thường xuyên và khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách. Chính sách này có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục, nhưng nếu không quy định chặt chẽ nguyên tắc tổ chức thì rất dễ trượt sang hình thức, phong trào, thậm chí phát sinh chi tiêu để tổ chức hoạt động mang tính biểu trưng mà hiệu quả thực chất thấp.</p> <p>Đề xuất: Bổ sung ngay trong Điều 9 hoặc Điều 10 một khoản theo hướng: <i>“Việc tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí phải bảo đảm thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức; ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử, lồng ghép với hoạt động chuyên môn thường xuyên; không tổ chức lễ nghi, khánh tiết, tặng quà, trang trí vượt yêu cầu thực tế.”</i> Quy định như vậy thì phù hợp hơn với tinh thần chống lãng phí, tránh nghịch lý dùng <i>thêm chi</i></p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Tại dự thảo Nghị định đã có quy định về nguyên tắc tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó bao gồm một số nguyên tắc như: (i) Bảo đảm tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả; (ii) Ưu tiên triển khai trên môi trường điện tử... đồng thời giao Bộ Tài chính hằng năm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu để xây dựng văn bản hướng dẫn hằng năm đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc nêu trên.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã quy định về hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí. Cụ thể, việc triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc tại Nghị định sẽ bị xử lý theo quy định nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, răn đe đối với hành vi này.</p> |

| | | | |
|------------------------|---|--|---|
| | | <i>phí để truyền thông về chống lãng phí.</i> | |
| Điều 9, Điều 10 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Về nội dung tại Điều 9, Điều 10 đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về nội dung chi và mức chi đối với việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị thống nhất triển khai thực hiện | <p>Giải trình</p> <p>Nội dung chi và mức chi đối với việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị định không quy định nội dung này để đảm bảo thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp với quy định pháp luật đã được ban hành.</p> |
| Điều 9 | Đài Truyền hình Việt Nam | Tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy nhiên, quy định này chưa làm rõ cơ chế phối hợp giữa cơ quan chủ trì (Bộ Tài chính) và các cơ quan báo chí trong tổ chức thực hiện. Trên thực tế, việc triển khai các chương trình truyền thông quy mô quốc gia đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp chặt chẽ, thống nhất về nội dung, thời điểm và phương thức truyền tải thông tin. Do đó, để bảo đảm hiệu quả triển khai, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài chính (với vai trò cơ quan quản lý nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí) và các cơ quan báo chí chủ lực, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời và định hướng thông tin. | <p>Giải trình</p> <p>Luật Tiết kiệm, chống lãng phí không giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế phối hợp với cơ quan báo chí.</p> <p>Việc phối hợp triển khai trên thực tế sẽ phụ thuộc vào nội dung, hình thức triển khai ngày này hàng năm theo hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền.</p> |
| Điều 10 | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | Điều 10: Kinh phí tổ chức: Dự thảo chi đang đề cập kinh phí tổ chức trong dự toán chi thường xuyên. Đề xuất có mức trần và mức thấp nhất để khuyến khích thực hiện. | <p>Giải trình</p> <p>Việc quy định mức sàn/mức trần cho kinh phí tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí có thể làm giảm tính linh hoạt, chủ động của các cơ quan, tổ</p> |

| | | | |
|----------------|----------------------------------|---|--|
| | | | <p>chức, đơn vị khi tổ chức các hoạt động triển khai ngày này (đối với quy định mức trần) hoặc dẫn đến việc chi mang tính chất hình thức (chỉ cho đủ mức đối với quy định mức sàn).</p> <p>Nội dung chi và mức chi đối với việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị định không quy định nội dung này để đảm bảo thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp với quy định pháp luật đã được ban hành.</p> |
| Điều 10 | Sở Tài chính tỉnh Lào Cai | Khoản 2 Điều 10 cho phép huy động nguồn lực ngoài ngân sách: đề nghị bổ sung nguyên tắc quản lý, sử dụng, công khai minh bạch nguồn lực xã hội hóa. | <p>Giải trình:</p> <p>Tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí: “<i>Bảo đảm công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>”, theo đó đã bao quát nội dung quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí công khai, minh bạch.</p> |
| Điều 12 | Ngân hàng Nhà nước | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung quy định trách nhiệm kiểm tra của Bộ Tài chính tại Khoản 4 Điều 12 và điểm b Khoản 2 Điều 14 để tránh trùng lặp nội dung quy định.</p> <p>Lý do: Tại điểm a Khoản 1 Điều 23 Dự thảo Nghị định đã quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP đối với các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định này trong phạm vi cả nước, trong đó bao gồm việc kiểm tra tình hình thực hiện, kế hoạch tổ chức thực</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|---------|----------------------------|--|--|
| | | hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống lãng phí; việc ban hành, thực hiện Chương trình TK, CLP... | |
| Điều 13 | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | <p>Về Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí (Điều 13 và Điều 14)</p> <p>Điều 13 khoản 1 và khoản 2 quy định các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm trước ngày 31/12. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 13 lại quy định các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương “<i>quyết định việc ban hành</i>” Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Như vậy, không phải mọi đơn vị cấp dưới đều mặc nhiên phải có chương trình riêng. Trong khi đó, Điều 14 khoản 1 điểm d lại quy định xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình. Cách thiết kế hiện nay có thể dẫn tới việc xác định vi phạm không rõ căn cứ nếu chưa làm rõ chủ thể nào bắt buộc phải ban hành chương trình riêng.</p> <p>Đề xuất: Bổ sung ngay tại Điều 13 hoặc Điều 14 nguyên tắc: chỉ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trường hợp do bộ, cơ quan trung ương hoặc địa phương quyết định phải ban hành chương trình riêng thì mới có nghĩa vụ này; trường hợp đã lồng ghép trong chương trình cấp trên thì không xem là vi phạm do không ban hành riêng.</p> <p>Mặt khác, Điều 14 khoản 2 điểm a giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01/10 hằng năm. Cần cân nhắc kỹ phạm vi giao này. Các yếu tố cốt lõi về căn cứ xây dựng, thời hạn, thẩm quyền, yêu cầu nội dung của Chương trình nên được quy định đầy đủ ngay trong Nghị định; Thông tư chỉ nên</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>(1) Về hành vi vi phạm liên quan đến ban hành Chương trình TK, CLP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định hành vi vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình TK, CLP. - Tại Điều 14 dự thảo Nghị định quy định theo hướng phân định cụ thể đối tượng có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP. Trong đó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ban hành Chương trình TK, CLP của riêng mình trong trường hợp được Bộ, cơ quan khác ở trung ương hoặc địa phương quản lý yêu cầu. <p>Theo đó, hành vi vi phạm liên quan đến ban hành Chương trình TK, CLP được xác định trên cơ sở các đối tượng có trách nhiệm quy định tại Điều 13 dự thảo Nghị định nêu trên.</p> <p>Do đó, đề xuất bổ sung nguyên tắc của Viện HLKHXH là chưa thật sự cần thiết. Vì vậy, Bộ Tài chính xin giữ nguyên nội dung này như tại dự thảo Nghị định.</p> <p>(2) Về nội dung giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình TK, CLP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 13 Luật TK, CLP số 110/2025/QH15 đã quy định những nội dung chủ yếu của Chương trình TK, CLP. |

| | | | |
|-----------------------|--|---|--|
| | | <p>hướng dẫn kỹ thuật biểu mẫu, đề cương, phương pháp tổng hợp, tránh tình trạng Nghị định giao quá rộng dẫn tới thực chất chuyển phần trọng yếu của nghĩa vụ xuống văn bản cấp bộ.</p> | <p>- Dự thảo Nghị định hiện nay đã quy định cụ thể căn cứ xây dựng, thời hạn, trách nhiệm xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Chương trình TK, CLP.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Viện HLKHXH, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, rà soát để đảm bảo xây dựng Thông tư hướng dẫn phù hợp với quy định tại Luật TK, CLP, Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành, làm cơ sở để các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương thực hiện đồng bộ, thống nhất.</p> |
| <p>Điều 15</p> | <p>Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</p> | <p>Về công khai và cơ sở dữ liệu quốc gia tại Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20 và 21</p> <p>Điều 16 khoản 2 quy định chiến lược, kế hoạch, chương trình, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc ngày ra quyết định xử lý. Trong khi đó, Điều 19 khoản 1 lại yêu cầu cập nhật các thông tin tương ứng vào cơ sở dữ liệu quốc gia trong vòng 07 ngày làm việc. Hai mốc thời hạn này về mặt kỹ thuật không sai, nhưng đang tạo ra hai tuyến nghĩa vụ song song: một tuyến công khai và một tuyến cập nhật dữ liệu. Cách thiết kế này chưa phản ánh đúng tinh thần chuyển đổi số, “<i>một lần nhập liệu - nhiều lần sử dụng</i>”.</p> <p>Đề xuất: Chính lý theo hướng lấy việc cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia làm hành vi trung tâm; việc công khai được thực hiện thông qua hoặc đồng thời với cập nhật trên hệ thống, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định khác. Có thể bổ sung một khoản tại Điều 16 hoặc Điều 19: “<i>Việc công khai trên cổng thông tin hoặc hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định được coi là đã hoàn thành nghĩa vụ công khai, nếu báo đảm nội dung, hình thức và thời hạn theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.</i>”</p> | <p>Giải trình</p> <p>- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật TK, CLP số 110/2025/QH15 quy định hình thức công khai về TK, CLP, trong đó bao gồm các hình thức bắt buộc sau:</p> <p>(i) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ;</p> <p>(ii) Đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>- Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin đã quy định nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Vì vậy, không cần thiết quy định nguyên tắc phân loại dữ liệu theo theo mức độ tiếp cận thông tin như đề xuất.</p> |

| | | | |
|---------|--------------------------------------|---|--|
| | | <p>Điều 20 khoản 1 quy định rất rộng rằng tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác tiết kiệm, chống lãng phí. Trong khi đó, Điều 18 xác định nội dung dữ liệu bao gồm cả chiến lược, kế hoạch, chương trình, báo cáo, kết quả xử lý hành vi gây lãng phí và "thông tin khác liên quan". Cách quy định này còn quá rộng, chưa phân loại mức độ công khai, chia sẻ hay hạn chế tiếp cận.</p> <p>Đề xuất: Bổ sung ngay trong Nghị định nguyên tắc phân loại dữ liệu tối thiểu thành: (i) dữ liệu công khai rộng rãi; (ii) dữ liệu chỉ chia sẻ giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iii) dữ liệu hạn chế khai thác do liên quan bí mật nhà nước, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân hoặc hồ sơ đang trong quá trình kiểm tra, xử lý. Không nên chi giao toàn bộ vấn đề này cho "Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu" do Bộ Tài chính ban hành tại Điều 20 khoản 2 và Điều 21 khoản 2. Những ranh giới cơ bản về quyền tiếp cận dữ liệu phải được xác định ngay trong Nghị định.</p> | |
| Điều 15 | Tổng công ty hàng hải Việt Nam | <p>Đề nghị quy định chi tiết hơn về hình thức công khai để thuận tiện cho việc thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phù hợp với khoản 4 Điều 15 Luật TKCLP (giao Chính phủ quy định chi tiết hình thức công khai về TKCLP)</p> | <p>Giải trình:</p> <p>Điều 15 Luật TKCLP giao chính phủ quy định chi tiết về hình thức công khai về TK, CLP.</p> <p>Dự thảo Nghị định đã quy định về trách nhiệm, thời điểm công khai để đảm bảo cụ thể hoá nội dung giao Chính phủ nêu trên.</p> |
| Điều 16 | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | <p>Dự thảo đang quy định thời hạn là 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành để công khai các chương trình, báo cáo. Đây là thời hạn rất ngắn cho một chương trình và báo cáo mang tính chuyên môn cao. Đề xuất thay đổi thành 07 ngày làm</p> | <p>Giải trình</p> <p>Thời hạn công khai được tính là 3 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo, Chương trình được ban hành. Việc chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo được thực hiện</p> |

| | | | |
|----------------|----------------------------------|---|--|
| | | việc nhằm hoàn thiện và chỉnh chu khi công khai, công bố | <p>trước khi văn bản được ban hành.</p> <p>Vi vậy, khoảng thời gian 3 ngày làm việc để thực hiện công khai Chương trình, báo cáo (đã được chỉnh lý, hoàn thiện trước khi ký ban hành).</p> <p>Đối với các văn bản có giá trị pháp lý như VBQPPL, Luật Ban hành VBQPPL cũng quy định thời hạn đăng tải như sau: “1. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc ký chứng thực, ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật khác, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi văn bản để đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.”</p> |
| Điều 16 | Kiểm toán nhà nước | <p>Điều 16. Thời điểm công khai Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung quy định về: (i) Trách nhiệm giải trình của người đứng đầu nếu dữ liệu không chính xác, do dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí nhưng chưa làm rõ tính pháp lý của các dữ liệu trong việc sử dụng làm bằng chứng cho các cơ quan. (ii) Chế tài xử lý nghiêm khắc đối với người đứng đầu nếu có hành vi không công khai, công khai chậm trễ, công khai không đầy đủ hoặc chỉ công khai mang tính hình thức, đối phó, cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí “giao cho Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.</p> | <p>Giải trình:</p> <p>Các quy định về chế tài đối với trường hợp vi phạm các quy định về công khai thông tin, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí đã được Bộ Tài chính bổ sung vào các NEĐ quy định về XPVPHC trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí và Nghị định quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật và bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 16 | Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh | <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 16 dự thảo quy định thời điểm công khai đối với các nội dung là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh thời hạn công khai thông tin trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành để phù hợp với</p> | <p>Giải trình</p> <p>Thời hạn công khai được tính là 3 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo, Chương trình được ban hành. Việc chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo được thực hiện</p> |

| | | | |
|-----------------------|--|---|---|
| | | <p>điều kiện thực hiện tại địa phương.</p> | <p>trước khi văn bản được ban hành.</p> <p>Vì vậy, khoảng thời gian 3 ngày làm việc để thực hiện công khai Chương trình, báo cáo (đã được chỉnh lý, hoàn thiện trước khi ký ban hành).</p> <p>Đối với các văn bản có giá trị pháp lý như VBQPPL, Luật Ban hành VBQPPL cũng quy định thời hạn đăng tải như sau: "1. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc ký chứng thực, ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật khác, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi văn bản để đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật."</p> |
| <p>Điều 17</p> | <p>Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam</p> | <p>Khoản 4 Điều 17 có thể hiện: "Bảo đảm việc tích hợp, thống nhất và đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí với các hệ thống Nên quy định chi tiết và rõ ràng hơn về thời hạn các bộ, ngành phải hoàn thiện việc kết nối dữ liệu từ hệ thống chuyên ngành 2 thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu". Khoản 5 Điều 17 có thể hiện: "Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật."</p> <p>Nên quy định chi tiết và rõ ràng hơn về thời hạn các bộ, ngành phải hoàn thiện việc kết nối dữ liệu từ hệ thống chuyên ngành về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài chính quản lý.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Việc kết nối dữ liệu từ cơ sở dữ liệu từ các Bộ ngành về cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí sẽ được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa Bộ Tài chính và các Bộ ngành từng thời kỳ trên cơ sở các thông tin cần thiết, cần thể hiện tại cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí cũng như mức độ hoàn thiện và đầy đủ thông tin của các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành khác.</p> <p>Theo đó, việc quy định cố định một mốc thời gian tại dự thảo Nghị định để các Bộ ngành phải kết nối dữ liệu là không khả thi.</p> |

| | | | |
|-----------------------|-----------------------------|--|--|
| <p>Điều 19</p> | <p>Bộ Quốc phòng</p> | <p>- Đề nghị bổ sung 1 khoản (khoản 4) vào Điều 19 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn các tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân cách thức cập nhật, khai thác dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Lý do: Tại khoản 1 Điều 19 quy định: “Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương”, tuy nhiên chưa có nội dung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn các nội dung nêu trên.</p> | <p>Giải trình</p> <p>(i) Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể chủ thể có trách nhiệm cập nhật; thời hạn cập nhật dữ liệu đối với từng loại dữ liệu cần cập nhật.</p> <p>(ii) Đối với việc khai thác, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, tại dự thảo khoản 2 Điều 20 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể “2. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.”</p> <p>(iii) Đồng thời dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tài chính “<i>hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong việc cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</i>”</p> |
| <p>Điều 19</p> | <p>Bộ Xây dựng</p> | <p>- Đề nghị nghiên cứu thời gian-gia hạn tại khoản 3 Điều 19 Dự thảo Nghị định từ 7 ngày lên 10 đến 15 ngày làm việc để các cơ quan, đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có đủ thời gian triển khai thực hiện.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định hiện chỉ quy định thời hạn 07 ngày làm việc đối với việc cập nhật một số thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí không yêu cầu phức tạp, bao gồm Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Việc cập nhật các thông tin này chủ yếu là đăng tải, nhập thông tin cơ bản hoặc đính kèm văn bản trên hệ</p> |

| | | | |
|----------------|---------------------------------|--|---|
| | | | <p>thông, không yêu cầu tổng hợp, xử lý hoặc nhập liệu chi tiết đối với từng chỉ tiêu, số liệu như đối với báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Do đó, việc quy định thời hạn 07 ngày làm việc là phù hợp, khả thi trong tổ chức thực hiện, đồng thời bảo đảm tính kịp thời trong công tác cập nhật, theo dõi, khai thác và chia sẻ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 19 | Bộ Khoa học và Công nghệ | <p>Tại Điều 19, đề nghị bổ sung quy định theo hướng ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động giữa hệ thống quản lý chuyên ngành của các bộ, ngành với Cơ sở 2 dữ liệu quốc gia nhằm bảo đảm tính kịp thời, chính xác và giảm thiểu thao tác cập nhật thủ công.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung khoản 4 vào Điều 19 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>“4. Đối với các thông tin, dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để chia sẻ thông tin, dữ liệu tự động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.”</i></p> |
| Điều 19 | Bộ Công an | <p>Điều 19 dự thảo Nghị định giao các bộ, cơ quan khác ở trung ương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí. Quy định nêu trên là chưa phù hợp vì Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>đồng thời, dự thảo Nghị định cũng chưa quy định rõ cách thức để các cơ quan, tổ chức tiến hành cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu này. Theo đó, đề nghị chỉnh lý theo hướng Bộ Tài chính có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí trên cơ sở kết quả báo cáo của cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP quy định <i>“5. Cơ quan, tổ chức thực hiện cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia chịu trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của dữ liệu chủ tại thời điểm cập nhật. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia chịu trách nhiệm đối với mọi sai sót, thay đổi phát sinh trong quá trình quản lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu.”</i></p> <p>Theo đó không có quy định chỉ cơ quan chủ quản mới trách nhiệm cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>Thực tế hiện nay một số cơ sở dữ liệu quốc gia khác cũng có quy định các Bộ ngành, địa phương có trách</p> |

| | | | |
|----------------|--|---|---|
| | | | <p>nhiệm cập nhật, ví dụ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (khoản 2 Điều 36 Nghị định 118/2025/NĐ-CP).</p> <p>Mặt khác, các thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí (Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, Báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí do đơn vị ban hành nên đơn vị có trách nhiệm cập nhật là phù hợp.</p> |
| Điều 19 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <p>Tại Điều 19 đề nghị bổ sung thêm quyền được cập nhật báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí: mục đích nhằm khai thác được thông tin, có hiệu quả, minh bạch.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia tiết kiệm, phải đảm bảo tính chính xác, thống nhất, đồng bộ.</p> <p>Do đó, với các thông tin là Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, Báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ ngành thì phải do chính Bộ ngành, địa phương cập nhật và chịu trách nhiệm về thông tin do mình báo cáo.</p> <p>Việc chia nhỏ cho từng đơn vị thuộc Bộ cập nhật có thể không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.</p> |
| Điều 19 | Sở Tài chính tỉnh Lai Châu | <p>Tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định “Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí”, đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày <u>nhận được</u> Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được ban hành.... - Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày <u>nhận được</u> Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được ban hành... | <p>Giải trình</p> <p>Đây là Chương trình, Kế hoạch do chính các Bộ ngành địa phương ban hành nên việc bổ sung cụm từ nhận được là không phù hợp.</p> |

| | | | |
|----------------|--|---|---|
| | | - Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày <u>nhân được phê duyệt kết quả xử lý hành vi gây lãng phí của cấp có thẩm quyền</u> , Bộ, cơ quan khác ở trung ương.... | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bỏ quy định về việc yêu cầu cập nhật kết quả xử lý hành vi trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> |
| Điều 19 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | - Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm chống lãng phí, quy định trong 7 ngày làm việc là tương đối gấp, khó khả thi đối với các Tập đoàn, Tổng công ty lớn với nhiều dữ liệu, số liệu như Petrovietnam, đề xuất xem xét điều chỉnh ít nhất “10 ngày làm việc”. | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định hiện chỉ quy định thời hạn 07 ngày làm việc đối với việc cập nhật một số thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí không yêu cầu phức tạp, bao gồm Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Việc cập nhật các thông tin này chủ yếu là đăng tải, nhập thông tin cơ bản hoặc đính kèm văn bản trên hệ thống, không yêu cầu tổng hợp, xử lý hoặc nhập liệu chi tiết đối với từng chỉ tiêu, số liệu như đối với báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Do đó, việc quy định thời hạn 07 ngày làm việc được đánh giá là phù hợp, khả thi trong tổ chức thực hiện, đồng thời bảo đảm tính kịp thời trong công tác cập nhật, theo dõi, khai thác và chia sẻ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 19 | Ngân hàng Nhà nước | Về cập nhật dữ liệu Quốc gia về phòng, chống lãng phí Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ đối tượng là “doanh nghiệp nhà nước” phải báo cáo trực tiếp vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về TK, CLP. Lý do: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật 68/2025/QH15), Nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là “Cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung trách nhiệm cập nhật dữ liệu của doanh nghiệp nhà nước vào cơ sở dữ liệu quốc gia tại Điều 20 dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|----------------|-------------------|--|---|
| | | <p>trực tiếp, người đại diện phân vốn nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật này; phòng, chống dàn trải, lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước và doanh nghiệp.”</p> <p>Đồng thời, về trách nhiệm tổng hợp báo cáo, Khoản 1 Điều 35 quy định: “Các Bộ, cơ quan khác ở trung ương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực được phân công phụ trách trên phạm vi cả nước”.</p> | |
| Điều 19 | KTNN | <p>Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung thẩm quyền và nghĩa vụ cung cấp dữ liệu và quyền truy cập cho các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (như: hệ thống Tabmis, hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành thuế, hải quan...), gây cản trở việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này và gây lãng phí do phải tổ chức thu thập thông tin thủ công thay thế quyền truy cập các cơ sở dữ liệu pháp luật cho phép.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Thẩm quyền, phạm vi khai thác sử dụng từng cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành áp dụng đối với cơ sở dữ liệu quốc gia đó.</p> <p>Dự thảo Nghị định này chỉ quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí (không điều chỉnh đối với việc quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia khác).</p> |
| Điều 20 | Bộ Công an | <p>Tại Điều 20 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung quy định rõ các phương thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí cho đầy đủ, rõ ràng.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại khoản 2 Điều 20 dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>Quy định này phù hợp với quy định chung về khai</p> |

| | | | |
|-----------------------|--|---|--|
| | | | <p>thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.</p> <p>Tại Quy chế của Bộ Tài chính sau khi được ban hành sẽ thể hiện cụ thể các phương thức khai thác thông tin tương ứng với từng chủ thể có quyền khai thác.</p> |
| <p>Điều 20</p> | <p>Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>Khoản 3 sau khoản 2 Điều 20: Đề nghị bổ sung như sau: "3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật khác có liên quan".</p> <p>Lý do: Tại khoản 3 Điều 17 dự thảo đã quy định: "...phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ sở dữ liệu quốc gia...";</p> <p>khoản 5 cùng Điều 17 lại yêu cầu bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đồng thời, Điều 20 cũng đã mở quyền khai thác cho nhiều chủ thể; Điều 18 còn cho phép đưa vào cơ sở dữ liệu không chỉ chiến lược, kế hoạch, chương trình, báo cáo mà cả kết quả xử lý hành vi gây lãng phí và thông tin khác liên quan.</p> <p>Ngoài ra, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị cũng xác định việc kết nối, chia sẻ dữ liệu khác giữa các cơ quan phải thực hiện theo pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giao dịch điện tử.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã hoàn thiện và bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |

| | | | |
|----------------|-----------------------------------|--|--|
| | | <p>Vi vậy, để bảo đảm chặt chẽ về căn cứ áp dụng việc bổ sung một khoản trên sẽ phù hợp với các quy định trước đó của dự thảo Nghị định, đảm bảo việc chia sẻ, khai thác dữ liệu phù hợp với các quy định về chuyển đổi số và chia sẻ dữ liệu quốc gia. Việc bổ sung theo hướng nêu trên không làm phát sinh chính sách mới, mà chỉ làm rõ hơn căn cứ pháp lý liên ngành để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.</p> | |
| Điều 23 | Ngân hàng Nhà nước | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi đơn vị có thẩm quyền thực hiện kiểm tra TK, CLP tại Khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất, phù hợp nội dung dự thảo Nghị định. Lý do: Đối với nội dung kiểm tra “Tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng lĩnh vực theo quy định” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 17 Luật TK, CLP: Khoản 2 Điều 22 dự thảo quy định là “Nội dung kiểm tra của cơ quan nhà nước theo từng lĩnh vực TK, CLP...”; trong khi Khoản 2 Điều 23 quy định trách nhiệm kiểm tra TK, CLP: “<u>Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện kiểm tra TK, CLP theo từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan</u>”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 24 | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | <p>Điều 24 đã quy định đúng về nguyên tắc kiểm tra, nhất là yêu cầu không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm toán, kiểm tra chuyên ngành và ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.</p> <p>Tuy nhiên, các điều khoản tiếp theo, nhất là Điều 29, Điều 30 và Điều 31, lại trao hoặc mô tả những quyền năng khá mạnh cho hoạt động kiểm tra. Cụ thể, Điều 29 khoản 3 điểm b cho phép xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính; điểm c cho phép báo cáo xem xét yêu cầu hoặc đề nghị thanh tra; điểm d cho phép chuyển hồ sơ khi có dấu hiệu tội phạm. Điều 30 khoản 4 quy định người đứng đầu có</p> | <p>Giải trình</p> <p>Dự thảo Nghị định này chỉ quy định về hoạt động kiểm tra đối với việc chấp hành tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Trong đó đối với hoạt động kiểm tra thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định pháp luật chuyên ngành đã dẫn chiếu để thực hiện theo các quy định pháp luật đo, không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Thẩm quyền chuyên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự không phải thẩm quyền xử lý của đoàn</p> |

| | | | |
|-----------------------|--|---|--|
| | | <p>thể xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính, chuyển thông tin đến cơ quan điều tra, viện kiểm sát. Điều 31 khoản 3 còn quy định Trưởng đoàn, thành viên đoàn kiểm tra có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Vấn đề ở đây là ranh giới giữa <i>kiểm tra hành chính</i> và <i>thanh tra chuyên ngành/xử phạt vi phạm hành chính</i> chưa được thể hiện rõ ràng. Nếu giữ cách viết hiện nay, rất dễ bị hiểu rằng Nghị định đang mở rộng đáng kể quyền hạn của chủ thể kiểm tra.</p> <p>Đề xuất: Chỉnh lý theo hướng thận trọng hơn: Tại Điều 29, chỉ nên ghi "<i>nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm hành chính thì chuyển cho người có thẩm quyền hoặc xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi thẩm quyền được pháp luật quy định</i>";</p> | <p>kiểm tra mà chỉ là hoạt động chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.</p> |
| <p>Điều 24</p> | <p>Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</p> | <p>Ngoài ra, Điều 24 khoản 4 ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử, nhưng Điều 29 khoản 3 điểm a về lập biên bản kiểm tra vẫn được thiết kế theo logic kiểm tra trực tiếp, yêu cầu chữ ký của Trưởng đoàn và đại diện đối tượng kiểm tra; nếu đối tượng kiểm tra không ký thì phải có đại diện chính quyền cấp xã nơi kiểm tra hoặc ít nhất một người làm chứng. Quy định này chưa phù hợp với định hướng số hóa.</p> <p>Đề xuất: Bổ sung cơ chế biên bản điện tử, chữ ký số hoặc xác nhận điện tử; quy định giá trị pháp lý của dữ liệu, nhật ký hệ thống, thư điện tử công vụ, hồ sơ số, biên bản điện tử trong hoạt động kiểm tra trực tuyến, từ xa. Nếu không, nguyên tắc số hóa trong Điều 24 chỉ dừng ở khẩu hiệu, không vận hành được trên thực tế.</p> | <p>Tiếp thu ý kiến này</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>"4. Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.</i></p> <p><i>Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước."</i></p> <p>Trên cơ sở, mức độ đầy đủ của dữ liệu điện tử được xây dựng từng thời kỳ, Bộ Tài chính sẽ tổ chức thực hiện việc kiểm tra trực tuyến, từ xa đảm bảo kịp thời,</p> |

| | | | |
|----------------|--|--|--|
| | | | hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. |
| Điều 24 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tại Điều 24, đề nghị bổ sung vào khoản 4 quy định về điều kiện áp dụng “kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử”, phạm vi và nội dung kiểm tra, quy trình thực hiện, giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, trách nhiệm các bên, bảo mật và an toàn thông tin, cũng như cơ chế phối hợp, liên thông dữ liệu nhằm bảo đảm tính thống nhất, khả thi và hiệu quả khi triển khai. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã bổ sung khoản 4 Điều 30 dự thảo Nghị định về nội dung này. |
| Điều 26 | Bộ Xây dựng | Đề nghị bổ sung “Thời hạn kiểm tra” vào khoản 3 Điều 26 Dự thảo Nghị định để xác định thời gian kiểm tra tại Đơn vị được kiểm tra. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã hoàn thiện và bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 28 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | Tại khoản 1 quy định “ <i>việc xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phải dựa trên lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao; kết quả quản lý, sử dụng nguồn lực; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu quản lý nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí</i> ” đề xuất xem xét quy định rõ: (i) cấp có thẩm quyền quy định/dịnh nghĩa các lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao; (ii) thời gian công bố lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao, để làm cơ sở thực hiện. | Giải trình Việc định nghĩa các lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao là không có cơ sở, không cần thiết. Việc xác định các lĩnh vực này sẽ dựa trên kết quả theo dõi tình hình thực hiện của các Bộ, ngành, địa phương cũng như các thông tin phản ánh từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. |
| Điều 28 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Điều 28: Đề nghị bổ sung cơ chế xử lý trong trường hợp có chồng chéo về nội dung, đối tượng kiểm tra theo kế hoạch của các cơ quan có thẩm quyền. | Giải trình Việc xử lý trong trường hợp có sự chồng chéo về nội dung, đối tượng kiểm tra theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền do các cơ quan có thẩm quyền phối hợp xử lý. Pháp luật có liên quan đều không có quy định chi tiết về cơ chế xử lý do có liên quan đến nhiều hệ thống |

| | | | |
|----------------|-------------------------------------|--|---|
| | | | pháp luật khác nhau (ví dụ tại Nghị định Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng chỉ quy định nguyên tắc không được trùng lặp nhưng không có quy định chi tiết về việc xử lý trong trường hợp có sự trùng lặp. |
| Điều 29 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Điều 29: Đề nghị bổ sung quy định về việc thông báo kết thúc và thông báo kết quả kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra, các cơ quan liên quan để đảm bảo tính minh bạch, khách quan của hoạt động kiểm tra. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 29 | Ngân hàng Nhà nước | Bổ sung hình thức công bố "trực tuyến" đối với quyết định kiểm tra quy định tại Khoản 1 Điều 29 để phù hợp Khoản 4 Điều 24 nguyên tắc kiểm tra. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 30 | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | Tại Điều 30 và Điều 31, cần bỏ cách diễn đạt khiến người đọc hiểu rằng hoạt động kiểm tra đương nhiên bao gồm cả quyền xử phạt; Bổ sung một khoản nguyên tắc khẳng định: <i>"Hoạt động kiểm tra theo Nghị định này không thay thế hoạt động thanh tra, kiểm toán, kiểm tra chuyên ngành và việc xử lý vi phạm chỉ được thực hiện theo đúng thẩm quyền của pháp luật có liên quan."</i> | Giải trình Khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ nguyên tắc này, để phân biệt với hoạt động kiểm tra chuyên ngành với từng lĩnh vực. Đối với hoạt động thanh tra, kiểm toán không được quy định tại Nghị định này nên không có sự trùng lặp. Về thẩm quyền XPVPHC trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với nội dung thuộc trách nhiệm kiểm tra của đoàn kiểm tra và các hành vi thuộc thẩm quyền XPVPHC của đoàn kiểm tra. Nội dung này đã được quy định cụ thể tại dự thảo ND và ND quy định XPVPHC trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí. |
| Điều 30 | Đài Truyền hình Việt | Về thẩm quyền của Trưởng đoàn kiểm tra | Giải trình |

| | | | |
|----------------|----------------------------------|--|--|
| | Nam | <p>Các quy định tại Điều 30 và Điều 31 của dự thảo Nghị định về thẩm quyền xử lý vi phạm của Trường đoàn kiểm tra và người đứng đầu cơ quan thực hiện kiểm tra hiện chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ chồng chéo, xung đột về thẩm quyền với các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm toán nhà nước trong quá trình xử lý vi phạm hành chính. Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tránh trùng lặp trong thực thi, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung quy định làm rõ phạm vi, giới hạn thẩm quyền của Trường đoàn kiểm tra, đặc biệt là thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, theo hướng phân định rõ ràng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra nhà nước.</p> | <p>Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định về việc kiểm tra việc chấp hành tổ chức thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí (không quy định về việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí).</p> <p>Hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo các quy định tại Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán Nhà nước và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.</p> <p>Theo đó, không có sự chồng lấn giữa quy định của Nghị định này về thẩm quyền XPVPHC với các trường hợp khác (do không chồng lấn về đối tượng, nội dung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán).</p> |
| Điều 31 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | <p>Tại Điều 31 của dự thảo Nghị định: Đề nghị xem xét quy định việc Trường Đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với quy định tại Nghị định số 55/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Thẩm quyền XPVPHC của trường đoàn kiểm tra đã đồng thời được bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định XPVPHC trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| Điều 31 | Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh | <p>Đề nghị bổ sung nội dung phân tách rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quyền hạn của Trường đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra quy định tại khoản 3 Điều 31 của Dự thảo đối với nội dung xử phạt vi phạm hành chính theo hướng thành viên Đoàn kiểm tra chỉ lập biên bản, còn việc xử phạt do Trường đoàn kiểm tra thực hiện hoặc kiến nghị chủ thể có thẩm quyền theo quy định tại Chương II Luật Xử lý vi phạm</p> | <p>Giải trình</p> <p>Tại Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: <i>“4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức ... đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;...</i> <i>Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm</i></p> |

| | | | |
|----------------|---------------------------|--|---|
| | | hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành. | <p><i>hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước”.</i></p> <p>Theo đó, hiện nay Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó đã quy định cụ thể người có thẩm quyền lập biên bản bao gồm người có thẩm quyền xử phạt (trong đó có Trường đoàn kiểm tra) và công chức, người được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quy định nêu trên đảm bảo bao quát và thống nhất với Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.</p> |
| Điều 32 | Đài THVN | Tại Điều 32 của dự thảo Nghị định quy định đối tượng kiểm tra có quyền từ chối cung cấp thông tin không liên quan đến nội dung kiểm tra. Tuy nhiên, dự thảo chưa đưa ra tiêu chí cụ thể để xác định thế nào là “thông tin không liên quan”. Việc thiếu tiêu chí rõ ràng có thể dẫn đến tình trạng đối tượng kiểm tra tự diễn giải và áp dụng theo hướng có lợi cho mình, từ đó tiềm ẩn nguy cơ che giấu thông tin quan trọng, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kiểm tra. Do đó, đề nghị đơn v soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí xác định hoặc hướng dẫn cụ thể về phạm vi thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, làm cơ sở thống nhất để cả đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra thực hiện, bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình kiểm tra. | <p>Giải trình</p> <p>Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí và Điều 23 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí nên không cần thiết phải quy định chi tiết thêm thuật ngữ “<i>thông tin không liên quan đến nội dung kiểm tra</i>”.</p> |
| Điều 32 | Kiểm toán nhà nước | Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung quyền của đối tượng kiểm tra “ <i>a) Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này</i> ” thành “ <i>a) Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị</i> | <p>Giải trình</p> <p>Khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 24 Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể việc kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí theo từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan (không thực hiện theo quy định của</p> |

| | | | |
|----------------|--|--|---|
| | | <p><i>định này</i>”, do đối tượng kiểm tra cần được quyền giải trình đối với tất cả các nội dung kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, bao gồm nội dung “<i>Tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật</i>” được quy định tại khoản 2 Điều 22 Dự thảo.</p> | <p>Nghị định này). Theo đó, không cần thiết bổ sung quyền được giải trình của đối tượng kiểm tra đối với những nội dung này.</p> |
| Điều 32 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <p>Tại Điều 32: đề nghị thay thế cụm từ “Đối tượng kiểm tra” thành “Tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu sự kiểm tra”</p> | <p>Giải trình</p> <p>Cụm từ này đang được sử dụng thống nhất với thuật ngữ tại Nghị định 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.</p> |
| Điều 33 | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | <p>Điều 33 yêu cầu báo cáo phải đầy đủ, trung thực, khách quan, đúng thời hạn, và số liệu phải thống nhất với dữ liệu đã cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>Điều 34 quy định nội dung báo cáo rất rộng;</p> <p>Điều 35 phân công trách nhiệm tổng hợp báo cáo cho các bộ, địa phương, doanh nghiệp nhà nước và Bộ Tài chính;</p> <p>Điều 36 khoản 3 điểm a yêu cầu báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia trước ngày 15/02 năm sau. Cách thiết kế này thể hiện rõ mục tiêu quản lý theo dữ liệu, nhưng đồng thời cũng cho thấy chế độ báo cáo còn khá nặng.</p> <p>Đề xuất: Rà soát để giảm trùng lặp thông tin giữa chương trình, công khai, cập nhật dữ liệu, báo cáo. Nếu dữ liệu đã được chuẩn hóa và cập nhật đầy đủ trên hệ thống, phần lớn biểu mẫu báo cáo năm nên được sinh tự động hoặc bán tự động từ cơ sở dữ liệu quốc gia, thay vì yêu cầu chủ thể vừa cập nhật dữ liệu, vừa tổng hợp lại cùng một tập thông tin vào báo cáo riêng. Có thể giao Bộ Tài chính xây dựng biểu mẫu điện tử đồng bộ với Điều 34, nhưng nguyên tắc “<i>tận dụng dữ</i></p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung nguyên tắc tận dụng các thông tin đã có tại các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cụ thể: “4. Đối với các thông tin, dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để chia sẻ thông tin, dữ liệu tự động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.”</p> |

| | | | |
|----------------|--|--|--|
| | | liệu đã có, không yêu cầu cung cấp lại thông tin đã cập nhật” nên được ghi ngay trong Nghị định. | |
| Điều 33 | Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung Khoản 2 Điều 33 như sau: “Nội dung báo cáo phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp TK, CLP đã được xác định trong Chiến lược Quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm chống lãng phí và đề cương báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo yêu cầu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.” Lý do: Khoản 2 Điều 34 quy định nội dung báo cáo gồm báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có). | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 33 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | Tại khoản 4 quy định “số liệu, thông tin trong báo cáo phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với dữ liệu đã cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan” Đề xuất bổ sung hướng dẫn thực hiện trường hợp nếu có sự không thống nhất thì cần có báo cáo, giải trình tới cơ quan thẩm quyền nào xem xét. | Giải trình Trong trường hợp có sự không thống nhất về số liệu thì đơn vị báo cáo cập nhật lại tới cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận báo cáo về việc số liệu, thông tin chưa đảm bảo tính chính xác. |
| Điều 35 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Điều 35: đề nghị bổ sung thêm nội dung “Tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm báo cáo nội dung về kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí tại tổ chức, đơn vị mình gửi cơ quan quản lý”: đây là yêu cầu cần thiết để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu tại tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí đạt được kết quả theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên. | Giải trình: Việc yêu cầu xây dựng, báo cáo kết quả trong nội bộ các Bộ, ngành, địa phương do các Bộ ngành, địa phương tự tổ chức trong nội bộ đơn vị cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị. Tại dự thảo Nghị định của Chính phủ không quy định về việc tổ chức báo cáo, điều hành của từng bộ |

| | | | |
|----------------|--|--|---|
| | | | ngành. |
| Điều 36 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | Tại điểm a khoản 3 quy định “Báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm chống lãng phí trước ngày 15 tháng 01 năm sau liền kề năm báo cáo” đề nghị xem xét quy định phù hợp với thời hạn phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của doanh nghiệp theo quy định nhằm đảm bảo đồng bộ cơ sở dữ liệu. | Giải trình: Điểm a khoản 3 Điều 38 dự thảo Nghị định quy định: “a) Báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 28 tháng 02 năm sau liền kề năm báo cáo;” Nội dung này vẫn đang cơ bản kế thừa quy định hiện hành về thời điểm báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và đảm bảo đủ thời gian để Bộ Tài chính có cơ sở xây dựng Báo cáo của cả nước, báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên của năm. |
| Điều 36 | Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét yêu cầu việc gửi báo cáo năm “thực hiện bằng văn bản” tại Khoản 1 Điều 36. Lý do: Dự thảo Tờ trình nêu hướng sửa đổi phương thức gửi báo cáo kết quả công tác TK, CLP từ hình thức gửi báo cáo trực tiếp về Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP sang thực hiện cập nhật báo cáo trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TK, CLP. Đồng thời, đảm bảo phù hợp và đồng nhất với quy định tại Khoản 3 Điều 36 Dự thảo | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 36 | Ngân hàng Nhà nước | Về thời hạn báo cáo: Khoản 3 Điều 36 đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét việc quy định thời hạn báo cáo trước ngày 15/2 thay vì trước ngày 28/02 như quy định trước đây. Lý do: Báo cáo TK, CLP phụ thuộc vào việc tổng hợp dữ liệu từ nhiều đơn vị, trong khi đầu tháng 02 vẫn là giai đoạn hoàn tất, đối chiếu và chuẩn hóa số liệu năm của các đơn vị cấp dưới; Thời hạn báo cáo rơi vào giai đoạn tháng 01, tháng 02 trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, làm giảm đáng kể thời gian làm việc thực tế và ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thiện báo cáo. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý tại dự thảo Nghị định theo hướng quy định thời hạn cập nhật báo cáo trước ngày 28/02 (kế thừa quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP). |

| | | | |
|---------|--------------------------------------|---|--|
| Điều 37 | Kiểm toán nhà nước | <p>Điều 37. Điều khoản thi hành Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung bổ sung thêm quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ,... đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí “Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ...”.</p> | <p>Giải trình:</p> <p>Ngày 31/12/2025, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó nội dung quy định chi tiết Luật Tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng thành 02 Nghị định, bao gồm: (i) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (<i>khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17</i>) và (ii) Nghị định về áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.</p> <p>Theo đó, nội dung tại khoản 4 Điều 37 Luật TK, CLP sẽ được quy định tại một Nghị định khác của Chính phủ.</p> |
| Điều 38 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam -CTCP | <p>Đề nghị bổ sung khoản 3: “3. Các dự án, chương trình đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm phê duyệt nhưng phải cập nhật dữ liệu và thực hiện báo cáo theo quy định tại Chương V Nghị định này”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p> |
| Điều 38 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | <p>Điều 38: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các kế hoạch, chương trình đã ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực nhưng có nội</p> | <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung nội dung chuyển tiếp</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | dung không phù hợp với quy định của dự thảo Nghị định. | đối với Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí tại dự thảo Nghị định. |
| Ý kiến tham gia chung đối với dự thảo Nghị định | | | |
| | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | - Đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa quy định của Nghị định này với các quy định pháp luật chuyên ngành về lao động, tiền lương và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nhằm tránh chồng chéo, bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng tại doanh nghiệp. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo tránh chồng chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật có liên quan. |
| | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | - Đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn đối với doanh nghiệp nhà nước trong các nội dung: Tuyển dụng, sử dụng lao động; Trả lương theo thị trường; Đào tạo nhân lực chất lượng cao. Nhằm đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí nhưng không làm giảm tính chủ động, linh hoạt của doanh nghiệp. | Giải trình Dự thảo Nghị định quy định chi tiết các nội dung giao Chính phủ tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, trong đó không có nội dung hướng dẫn về tuyển dụng, sử dụng lao động; trả lương theo thị trường, đào tạo nhân lực chất lượng cao... Đề xuất trên liên quan đến các biện pháp, giải pháp cụ thể trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó sẽ được đưa vào Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. |
| | Bộ Công An | Đồng thời, đề nghị rà soát các hành vi để bảo đảm không chồng chéo với các hành vi vi phạm đã được quy định tại pháp luật về đầu tư công, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước,... | Tiếp thu Điều 4 luật tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/ql15 đã có quy định về hành vi gây lãng phí và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã rà soát quy định về hành vi gây lãng phí để đảm bảo không chồng chéo với quy định pháp luật có liên quan. |

| | | | |
|--|----------------------------------|---|--|
| | Sở Tài chính tỉnh Gia Lai | Chính phủ chưa quy định chi tiết nội dung tại khoản 4 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 trong dự thảo Nghị định nêu trên. | Giải trình Nội dung này được quy định tại Nghị định khác của Chính phủ. |
| | Ngân hàng Nhà nước | - Tại Khoản 2 Điều 22 Luật TK, CLP quy định: "Chính phủ quy định cụ thể chính sách khuyến khích toàn dân TK, CLP trong việc cưới, việc tang". Tuy nhiên, tại nội dung dự thảo Nghị định chưa quy định nội dung này. | Giải trình Tại khoản 2 Điều 22 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí quy định: "2. <u>Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể chính sách khuyến khích toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang.</u> " Theo đó, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. |
| | Ngân hàng Nhà nước | - Đề nghị Bộ Tài chính sớm hoàn thiện và hướng dẫn sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP để các đơn vị có thể cập nhật dữ liệu trực tuyến, thay vì gửi báo cáo giấy thủ công. | Tiếp thu Hiện nay, Bộ Tài chính đang nghiên cứu, hoàn thiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí. |
| | Bộ Nội vụ | Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể nội dung về trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí. | Giải trình Luật Tiết kiệm, chống lãng phí không giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra cũng như trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong hoạt động này thực hiện theo các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định cụ thể nội dung liên quan đến kiểm tra chấp hành tổ chức thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí (kiểm tra việc thực hiện Luật Tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quy |

| | | | |
|--|----------------------------------|--|---|
| | | | định chi tiết). |
| | Bộ Nội vụ | Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định bảo đảm đúng nội dung, đúng thẩm quyền giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác TK, CLP, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cam kết quốc tế. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ ngành địa phương, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan. |
| | Tòa án nhân dân tối cao | Đề nghị BTC xây dựng nội dung của dự thảo Nghị định nêu trên phù hợp với các quy định của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý tài chính công, bảo vệ tài sản nhà nước, tiết kiệm, chống lãng phí. | Tiếp thu Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. |
| | Sở Tài chính tỉnh Lào Cai | Về ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí (Chương III), đề nghị làm rõ việc tổ chức theo hướng lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiện có để tránh phát sinh hình thức, tăng chi ngân sách | Giải trình Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc tổ chức thực hiện là " <i>1. Bảo đảm tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.</i> " Hàng năm, tại văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn rõ hơn việc thực hiện nguyên tắc này. |
| | Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh | Đề nghị bổ sung quy định rõ trách nhiệm của cấp xã, phường và các đơn vị cơ sở trong thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; hướng dẫn cụ thể về quy trình, biểu mẫu và hỗ trợ kỹ thuật khi triển khai cơ sở dữ liệu. | Giải trình - Nội dung "trách nhiệm của cấp xã, phường và các đơn vị cơ sở trong thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí" không thuộc phạm vi giao Chính phủ quy định chi tiết. Đối với nội dung này, Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể các đơn vị thực hiện khi xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm. - Dự thảo Nghị định đã quy định giao Bộ Tài chính " <i>Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ</i> |

| | | | |
|--|----------------------------------|---|--|
| | | | liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí”. Do đó, quy trình, biểu mẫu và việc hỗ trợ kỹ thuật sẽ thực hiện theo các văn bản này. |
| | Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định hướng dẫn chi tiết theo đúng phạm vi được giao tại khoản 4 Điều 37 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí nhằm đảm bảo đầy đủ, thống nhất của hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành. | <p>Giải trình</p> <p>Ngày 31/12/2025, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó nội dung quy định chi tiết Luật Tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng thành 02 Nghị định, bao gồm: (i) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17) và (ii) Nghị định về áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.</p> <p>Theo đó, nội dung tại khoản 4 Điều 37 Luật TK, CLP sẽ được quy định tại một Nghị định khác của Chính phủ.</p> |
| Ý kiến tham gia về kỹ thuật soạn thảo | | | |
| | Sở Tài chính thành | Đề nghị chỉnh sửa lại dấu gạch ngang phía dưới của Tiêu | Tiếp thu |

| | | | |
|---------------|-------------------------------------|---|---|
| | phố Huế | ngữ (trang 1). | Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| | Kiểm toán nhà nước | Đề nghị Ban soạn thảo rà soát biên tập, sử dụng thống nhất cụm từ: (i) "cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp" tại các quy định trong Nghị định cho phù hợp với đối tượng áp dụng tại Điều 2, do dự thảo Nghị định có một số nội dung trình bày chưa nhất quán (như: khoản 3, 4 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8,...). (ii) Điều 9 "các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương" nhưng tại Điều 39 lại sử dụng "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương". | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| | Bộ Khoa học và Công nghệ | đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung dẫn chiếu tại khoản 8 Điều 4, điểm đ khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định; các lỗi đánh máy tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm e khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định, điểm b mục 1 Phần I và mục 1 phần IV dự thảo Tờ trình | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định. |
| Điều 3 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoản 2 Điều 3 và khoản 8 Điều 4: Đề nghị sử dụng cụm từ "tổ chức bộ máy và quản lý" để phù hợp với quy định tại Điều 1 Phạm vi điều chỉnh của Luật TK, CLP. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Ngân hàng Nhà nước | Sửa cụm từ "Điều 4" thành "Điều 3" tại Khoản 8 Điều 4 vì Khoản 2 Điều 4 không quy định hành vi gây lãng phí trong tổ chức, bộ máy, quản lý sử dụng lao động. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 4 | Sở Tài chính thành phố Huế | Đề nghị bổ sung từ "của" cho phù hợp, cụ thể như sau: "...giải quyết tố cáo trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan thực tế của hành vi gắn với hậu quả lãng phí như sau...". | Tiếp thu Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý nội dung này tại dự thảo nghị định. |
| Điều 4 | Tổng công ty Hàng hải | - Đề nghị sửa cụm từ "khoản 2 Điều 4" ở khoản 8 thành | Tiếp thu |

| | | | |
|----------------|-----------------------------------|--|---|
| | Việt Nam | “khoản 2 Điều 3”. | Bộ Tài chính đã rà soát và chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 5 | Sở Tài chính thành phố Huế | Tại điểm a khoản 1 Điều 5, đề nghị bổ sung từ “phí” cho phù hợp, cụ thể như sau: “ <i>Không ban hành hoặc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn quy định</i> ”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 5 | Sở Tài chính thành phố Huế | Tại điểm b khoản 4 Điều 5, đề nghị chỉnh sửa từ dấu chấm phẩy (;) ở cuối câu thành dấu chấm (.) cho phù hợp. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 6 | Ngân hàng Nhà nước | Tại Điều 6 bổ sung thêm dẫn chiếu Điều 7 do nội dung Điều 6 quy định Ngày toàn dân tiết kiệm chống lãng phí bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 của ND là chưa đủ do thiếu dẫn chứng đến Điều 7 của Nghị định. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 11 | Sở Tài chính thành phố Huế | Tại khoản 2 Điều 11, đề nghị điều chỉnh cụm từ “ <i>Trong vòng 90 ngày</i> ” thành “ <i>Trong thời hạn 90 ngày</i> ”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 11 | Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Khoản 1 Điều 11 như sau: “Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Chiến lược Quốc gia...” và Khoản 1 Điều 12 như sau: “Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm...”. Lý do: để thống nhất với nội dung về người đứng đầu cơ quan, đơn vị được quy định tại Khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị định. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Bộ Xây dựng | - Đề nghị sửa điểm d, khoản 1, Điều 19 Dự thảo Nghị định | Tiếp thu |

| | | | |
|----------------|--|---|---|
| | | quy định: “đ) ... khoản 3 Điều 37 Nghị định này ” thành “đ) ... khoản 3 Điều 36 Nghị định này” do Dự thảo Nghị định không có khoản 3 Điều 37. | Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Ngân hàng Nhà nước | Điều chỉnh điểm đ, Khoản 1, Điều 19 như sau: "...chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này" do thời hạn gửi báo cáo được quy định tại Khoản 3 Điều 36, Điều 37 quy định về điều khoản thi hành Nghị định. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | Khoản 1 Điều 19: Sửa thành “báo cáo kết quả công tác tiết kiệm chống lãng phí” để phù hợp khoản 4 Điều 18 và Chương VII dự thảo ND Sửa thành “khoản 3 Điều 36 Nghị định này” do nhầm lẫn chiểu | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | Tại điểm đ khoản 1 Điều 19: “đ) Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng ... theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này;”, Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại do Điều 37 quy định về Điều khoản thi hành, không có quy định liên quan đến thời hạn cập nhật báo cáo như nội dung được dẫn chiếu | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại quy định tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam | - Tại điểm đ khoản 1 Điều 19 quy định “Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật báo cáo...theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này”, tuy nhiên, thực tế đối với trách nhiệm báo cáo của doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 35 và thời hạn báo cáo chung tại khoản 3 Điều 36. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |

| | | | |
|---------|--|--|---|
| Điều 19 | Sở Tài chính Thành phố Huế | Tại điểm c khoản 1 Điều 19, đề nghị điều chỉnh lỗi chính tả từ “ <i>chủ quan</i> ” thành “ <i>chủ quản</i> ”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 | Tổng công ty hàng hải Việt Nam - CTTTP | Đề nghị sửa lại trích dẫn “Điều 37” ở điểm d khoản 1 thành “Điều 36” | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý quy định tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 28 | Sở Tài chính TP. Huế | Tại khoản 1 Điều 28, đề nghị bỏ một từ “trên” bị lặp lại. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 28 | Sở Tài chính TP. Huế | Tại khoản 3 Điều 28, đề nghị điều chỉnh từ “ngày 01/3” thành ngày 01 tháng 3”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 29 | Sở Tài chính TP. Huế | Tại điểm b khoản 3 Điều 29, đề nghị bổ sung dấu phẩy (,) cho phù hợp, cụ thể như sau: “... cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về <u>tiết kiệm, chống lãng phí</u> ...”. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 32 | Sở Tài chính Thành phố Huế | Tại khoản 1 Điều 32, đề nghị điều chỉnh điểm “đ” thành điểm “d” cho phù hợp với toàn bộ văn bản. | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Nghị định. |
| | | | |

II. Đối với dự thảo Tờ trình

| | | |
|----------------------------|--|--|
| Sở tài chính Thành phố Huế | 1. Đề nghị bỏ dấu gạch ngang phía bên dưới tên Tờ trình (Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật), để phù hợp với Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo | Tiếp thu Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình. |
|----------------------------|--|--|

| | | | |
|--|----------------------------|---|---|
| | | Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. | |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>2. Tại dòng cuối điểm a khoản 1 Mục I của dự thảo Tờ trình (trang 2)</p> <p>Đề nghị bỏ một từ “tương” bị lặp lại, cụ thể như sau: “...<i>những giải pháp quan trọng nhằm định hình tương tương lai khi đứng trước cơ hội lịch sử để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc</i>” thành “...<i>những giải pháp quan trọng nhằm định hình tương lai khi đứng trước cơ hội lịch sử</i>”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>3. Tại ý thứ nhất khoản 2 Mục I dự thảo Tờ trình (trang 4), đề nghị bổ sung các dấu phẩy cho phù hợp, cụ thể như sau: “...<i>chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ và các Bộ ngành địa phương...</i>” thành “...<i>chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ và các Bộ, ngành địa phương...</i>”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>4. Tại gạch đầu dòng thứ hai khoản 1 Mục IV dự thảo Tờ trình (trang 6) đề nghị bỏ một cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” bị lặp lại và điều chỉnh bỏ điểm “viii” cho phù hợp.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>5. Tại dấu (+) thứ sáu điểm i khoản 3.1.3 Mục IV dự thảo Tờ trình (trang 9), đề nghị bổ sung dấu (;) ở cuối câu, cụ thể như sau: “...<i>hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí;</i>”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>6. Tại ý thứ ba phần <i>Lý do sửa đổi, bổ sung</i> khoản 3.2.1 Mục IV dự thảo Tờ trình (trang 13), đề nghị điều chỉnh điểm “i” thành “ii” do bị lặp lại 2 lần điểm “i”.</p> | <p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> |
| | Sở tài chính Thành phố Huế | <p>7. Tại ý thứ ba phần <i>Lý do sửa đổi, bổ sung</i> khoản 3.2.2</p> | <p>Tiếp thu</p> |

| | | | |
|--|-----------------------------------|--|--|
| | Huế | Mục IV dự thảo Tờ trình (trang 14), đề nghị bỏ một từ “người” bị lặp lại. | Bộ Tài chính đã chỉnh lý nội dung này tại dự thảo Tờ trình. |
| | Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | <p>Tại Tờ trình, mục VI.1, cơ quan soạn thảo cho rằng các nội dung sửa đổi, bổ sung “<i>không làm phát sinh thủ tục hành chính mới</i>”, “<i>không phát sinh thêm bộ máy, biên chế</i>”.</p> <p>Tuy nhiên, ngay tại mục VI.1 và VI.2, Tờ trình cũng thừa nhận <i>cần cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác; cần tuyên truyền, phổ biến; bảo đảm nguồn lực thực hiện; kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành</i>.</p> <p>Đánh giá tác động như vậy là chưa thật đầy đủ. Cần nói thẳng rằng dự thảo có thể không phát sinh thủ tục hành chính theo nghĩa giải quyết công việc cho người dân/doanh nghiệp, nhưng chắc chắn làm phát sinh chi phí tuân thủ hành chính nội bộ cho cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, bao gồm chi phí xây dựng chương trình, công khai thông tin, cập nhật dữ liệu, chuẩn hóa số liệu, báo cáo, kiểm tra và vận hành hệ thống dữ liệu.</p> <p>Điều này có thể đi ngược lại tinh thần “tiết kiệm, chống lãng phí” nếu không được đánh giá cẩn thận. Do đó, đề nghị chỉnh lý Tờ trình theo hướng phản ánh kỹ hơn tác động thực thi, tránh cách <i>đánh giá quá nhẹ so với khối lượng nghĩa vụ</i> mà chính dự thảo đang thiết kế.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Nhiệm vụ xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ các Bộ ngành, các cơ quan ở trung ương khác, và các địa phương đang thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, không phải nhiệm vụ mới bổ sung, nên dự thảo Nghị định không bổ sung trách nhiệm thực hiện mới cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị này.</p> <p>Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng để đảm bảo việc quản lý, thông tin dữ liệu của các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp được cập nhật kịp thời, đảm bảo tính chính xác theo đúng Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội, đã được đánh giá tác động cụ thể khi Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật.</p> |
| | Bộ Quốc phòng | <p>Đối với dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung làm rõ về lộ trình xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí và nguồn lực tài chính để thực hiện.</p> <p>Lý do: Dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 16 về việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu</p> | <p>Giải trình</p> <p>Thực tế hiện nay cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí đã được Bộ Tài chính hoàn thiện và sẵn sàng đi vào hoạt động khi Luật có hiệu lực thi hành.</p> |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p>quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, tuy nhiên dự thảo Tờ trình chưa làm rõ được các vấn đề về lộ trình xây dựng, nguồn lực tài chính bảo đảm để việc thực hiện được đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và khả thi.</p> | |
| | <p>Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</p> | <p>Tại Tờ trình, mục I.1.b, cơ quan soạn thảo nêu Luật giao Chính phủ quy định chi tiết 10 nội dung, trong đó có nội dung về “việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí (khoản 4 Điều 37)”. Tuy nhiên, tại Điều 1 dự thảo Nghị định, phạm vi điều chỉnh chi liệt kê các nội dung được giao tại khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17 và khoản 2 Điều 24 của Luật, không bao gồm khoản 4 Điều 37. Sự không thống nhất này cần được xử lý dứt điểm. Nếu Luật thực sự giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều 37 thì dự thảo đang thiếu nội dung; nếu không, thì Tờ trình cần sửa lại cho đúng, tránh tình trạng hồ sơ tự mâu thuẫn về phạm vi ủy quyền lập quy.</p> <p>Đề xuất: Rà soát và chỉnh lý theo một trong hai hướng: (1) bổ sung nội dung tương ứng với khoản 4 Điều 37 vào dự thảo Nghị định; hoặc (2) sửa Tờ trình và các phần thuyết minh liên quan để bảo đảm thống nhất tuyệt đối với Điều 1 dự thảo Nghị định.</p> | <p>Giải trình</p> <p>Ngày 31/12/2025, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 2835/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, theo đó nội dung quy định chi tiết Luật Tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng thành 02 Nghị định, bao gồm: (i) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (<i>khoản 8 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17</i>) và (ii) Nghị định về áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.</p> <p>Theo đó, nội dung tại khoản 4 Điều 37 Luật TK, CLP sẽ được quy định tại một Nghị định khác của Chính phủ.</p> |



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2014/NĐ-CP**

| STT | NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2014/NĐ-CP | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | THUYẾT MINH |
|-----|--|--|--|
| 1 | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bồi thường thiệt hại trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 4, Điều 5, Điều 9, khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 24 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15. | - Bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với một số nội dung mới được giao tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (về hành vi gây lãng phí, cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, tổ chức ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí) - Lược bỏ các quy định liên quan đến xác định và sử dụng nguồn tiền thưởng từ THPT, CLP do Luật TK, CLP đã quy định việc khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể hoặc hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao hoặc cung cấp thông tin phát hiện lãng phí đúng sự thật thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. |

| | | | |
|---|--|---|---|
| 2 | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.</p> <p>3. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác.</p> | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>3. Đơn vị lực lượng vũ trang.</p> <p>4. Đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>5. Doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực nhà nước.</p> <p>7. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | <p>Sửa đổi đối tượng áp dụng đảm bảo thống nhất với đối tượng áp dụng của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15.</p> |
| 3 | | <p>Điều 3. Nguyên tắc xác định hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi gắn với hậu quả lãng phí.</p> <p>2. Không xác định là hành vi gây lãng phí đối với các trường hợp pháp luật có quy định cho phép loại trừ trách nhiệm.</p> | <p>Để đảm bảo việc xác định và xử lý hành vi gây lãng phí chặt chẽ, đúng bản chất, tại dự thảo Nghị định đã quy định về cách thức xác định hành vi gây lãng phí theo hướng: Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi gắn với hậu quả lãng phí.</p> <p>Cách thức xác định nêu trên nhằm đảm bảo việc xác định hành vi gây lãng phí phải dựa trên quy trình, thủ tục đánh giá chặt chẽ, có cơ sở pháp lý rõ ràng, tạo cơ sở thống nhất cho việc xem xét, xử lý trách nhiệm và bồi thường thiệt hại (nếu có).</p> |
| | | <p>Điều 4. Hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các hành vi được quy định tại Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và các hành vi khác quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5</p> | <p>Trên cơ sở thể chế hoá Hướng dẫn số 63-HD/BCĐTW ngày 28/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực về một số nội dung trọng tâm về công tác phòng, chống lãng phí, Điều 4 Tiết kiệm, chống lãng phí số</p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | <p>Điều này.</p> <p>2. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, bao gồm:</p> <p>a) Áp dụng thuế không dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan, gây lãng phí;</p> <p>b) Xác định không đúng căn cứ tính thu thuế, áp dụng không đúng quy định về ưu đãi thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra, gây lãng phí;</p> <p>c) Thực hiện miễn, giảm thuế, hoàn thuế, xóa tiền thuế nợ không đúng đối tượng, không đủ điều kiện theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>d) Không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, gây lãng phí.</p> <p>3. Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, bao gồm:</p> <p>a) Thành lập, tổ chức lại cơ quan, tổ chức, đơn vị không đảm bảo điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, gây lãng phí;</p> <p>b) Bố trí số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị vượt mức quy định;</p> <p>c) Tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí</p> | <p>110/2025/QH15 quy định cụ thể hành vi gây lãng phí trong 6 lĩnh vực¹ và giao Chính phủ: (i) quy định các hành vi gây lãng phí khác theo quy định của Chính phủ và (ii) quy định chi tiết điều này.</p> <p>Điều 1 Luật TK, CLP quy định phạm vi điều chỉnh như sau: "<i>Luật này quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</i>"</p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, dự thảo Nghị định đã bổ sung:</p> <p>(i) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công;</p> <p>(ii) Hành vi gây lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước;</p> <p>(iii) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;</p> <p>(iv) Hành vi cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.</p> <p>Theo đó, việc bổ sung hành vi gây lãng phí này trên cơ sở nguyên tắc: (i) Hành vi được bổ sung là hành vi vi phạm quy định pháp luật</p> |
|--|--|--|---|

¹ (i) Hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí; (ii) Hành vi vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí; (iii) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công; (iv) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đầu tư xây dựng, mua sắm, thuế, quản lý, sử dụng tài sản công; (v) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng; (vi) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

| | | |
|--|---|--|
| | <p>việc làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, gây lãng phí;</p> <p>d) Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức không căn cứ vào năng lực của công chức, nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây lãng phí;</p> <p>đ) Bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý, viên chức quản lý không phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Tuyển dụng viên chức không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào nhu cầu thực tế, vị trí việc làm, quỹ tiền lương và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập, gây lãng phí;</p> <p>g) Đào tạo, bồi dưỡng không căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực;</p> <p>h) Giao biên chế không phù hợp với quy định pháp luật về căn cứ xác định biên chế công chức, gây lãng phí;</p> <p>i) Áp dụng chính sách tuyển chọn, thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý không đúng quy định của pháp luật, gây lãng phí;</p> <p>k) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, loại hợp đồng và thời hạn ký kết hợp đồng theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>l) Ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ không phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, nguồn tài chính và nhu cầu về nguồn nhân</p> | <p>chuyên ngành, có khả năng gây lãng phí về ngân sách nhà nước, tài sản công, tài nguyên, năng lượng; (ii) Dựa trên kiến nghị của các Bộ ngành có liên quan hoặc các cơ quan thanh tra, kiểm toán; (iii) đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
|--|---|--|

| | | | |
|---|--|--|---|
| | | <p>lực của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, gây lãng phí;</p> <p>m) Ký hợp đồng làm việc với viên chức không phù hợp với quy định của pháp luật, gây lãng phí.</p> <p>4. Hành vi cố ý đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công không đúng quy định dẫn đến kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt ban đầu.</p> <p>5. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng, bao gồm:</p> <p>a) Khai thác nước vượt hạn ngạch đã được cơ quan thẩm quyền quyết định gây ra hạn hán, thiếu nước;</p> <p>b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không đảm bảo điều kiện về năng lực dẫn đến đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai.</p> | |
| 4 | | <p>Điều 5. Xác định hậu quả của hành vi gây lãng phí</p> <p>1. Hành vi liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Gây thất thoát ngân sách nước, tài sản công, làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái chủ</p> | <p>Để phản ánh đúng bản chất hành vi gây lãng phí phải gắn với hậu quả, thiệt hại cụ thể, Điều 5 dự thảo Nghị định đã quy định về cách thức xác định hành vi gây lãng phí theo hướng: Việc xác định hành vi gây lãng phí phải được thể hiện trong kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết tố cáo trên cơ sở phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi gắn với hậu quả lãng phí.</p> <p>Trong đó, hậu quả của hành vi gây lãng phí</p> |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p>trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>b) Không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực do không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Hành vi trong quản lý, sử dụng tài chính công quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Làm tăng chi ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Làm giảm thu ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Tiền thuế nợ không bị cưỡng chế nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;</p> <p>d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, nguồn vốn của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.</p> <p>3. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư;</p> <p>b) Làm tăng chi ngân sách nhà nước do thực hiện các hành vi quy định tại các điểm b, d và đ khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;</p> <p>c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây dựng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng;</p> | <p>gây ra được quy định trên cơ sở:</p> <p>(i) Thiệt hại về tiền, tài sản, cơ hội đối với nhà nước (ví dụ hậu quả phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước để phá dỡ công trình xây dựng hình thành từ dự án đầu tư; hậu quả về tài sản công không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan; hậu quả dự án đầu tư công bị kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt...);</p> <p>(ii) Thiệt hại về các nguồn lực của nhà nước không được sử dụng hiệu quả (ví dụ hậu quả không có cơ sở quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực do không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí...).</p> <p>Trong đó, hậu quả về lãng phí cơ hội và mức độ hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực là nội dung quan trọng nhằm cụ thể hoá quy định về nội hàm lãng phí tại khoản 2 Điều 3 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15.</p> |
|--|--|---|---|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>d) Gây thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản công, tài nguyên quốc gia;</p> <p>đ) Kéo dài thời gian, tiến độ thực hiện dự án so với thời gian, tiến độ đã được phê duyệt.</p> <p>4. Hành vi trong đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại điểm d, e, g, h, i và k khoản 4 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, giao vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (vượt diện tích đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; vượt số lượng, mức giá đối với xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản công khác mà pháp luật quy định về số lượng, mức giá);</p> <p>b) Tài sản công bị hư hỏng, thất thoát, hao hụt vượt định mức theo quy định;</p> <p>c) Phát sinh chi phí bảo quản, bảo vệ, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa do không xử lý kịp thời đối với tài sản công không sử dụng được;</p> <p>d) Phát sinh chi phí xử lý, khôi phục, bồi thường thiệt hại;</p> <p>đ) Tài sản công là trụ sở làm việc không được đưa vào sử dụng liên tục quá 12 tháng; đối với tài sản công khác, thời hạn không được đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Hành vi trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>a) Phát sinh kinh phí phục hồi tài nguyên, năng lượng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm hoặc bị mất đi;</p> <p>b) Thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Làm tăng tổng mức kinh phí giải phóng mặt bằng so với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt do thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt xuất phát từ nguyên nhân chủ quan;</p> <p>d) Gây thất thoát tài nguyên, năng lượng;</p> <p>đ) Phát sinh kinh phí xử lý, khôi phục cơ sở dữ liệu số do quản lý, sử dụng trái quy định;</p> <p>e) Đất không được trả lại theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>g) Phát sinh các chi phí xử lý phần kết cấu xây dựng hình thành trên đất;</p> <p>h) Đất để thực hiện dự án đầu tư không được sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với thời hạn ghi trong dự án đầu tư, thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật đất đai;</p> <p>6. Hành vi trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, phá dỡ và các chi phí khác để xử lý phần kết cấu xây dựng hình thành từ dự án;</p> <p>b) Làm tăng phần vốn nhà nước tham gia hoặc phát sinh các nghĩa vụ tài chính khác của Nhà nước;</p> <p>c) Công trình hình thành từ dự án đầu tư xây</p> | |
|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | <p>dụng không thể nghiệm thu, bàn giao dự án để đi vào sử dụng theo quy định tại hợp đồng dự án, quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</p> <p>d) Làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại hợp đồng dự án PPP.</p> <p>7. Hành vi trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi phát sinh một trong các hậu quả sau:</p> <p>a) Thất thoát, mất vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>b) Thất thoát phần lợi nhuận phải nộp vào ngân sách nhà nước do trích lập các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cấp có thẩm quyền ban hành.</p> <p>8. Hành vi trong tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này được xác định là gây lãng phí khi làm tăng chi ngân sách nhà nước.</p> <p>9. Hành vi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được xác định là gây lãng phí khi để xảy ra hành vi quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoặc phân công phụ trách gắn với hậu quả quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này và hành vi quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định này.</p> | |
|--|--|--|

| | | | |
|---|--|---|---|
| 5 | <p>Điều 3. Trách nhiệm phối hợp trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý và phối hợp giữa các cấp, các ngành để nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức và thực hiện việc phối hợp giữa các bộ phận trong cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | | <p>Bỏ do không thuộc nội dung được giao quy định chi tiết.</p> |
| 6 | | <p>Điều 6. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí</p> <p>Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí là các nhóm hành vi quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15, trong đó bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:</p> <p>1. Hành vi vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không ban hành hoặc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn quy định;</p> <p>b) Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hành vi vi phạm trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, biện pháp, giải pháp tiết</p> | <p>Điều 5 Luật TK, CLP đã quy định về nhóm hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung các hành vi vi phạm cụ thể trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc nhận diện, xem xét và xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm.</p> <p>Riêng đối với một số hành vi đã được điều chỉnh tại các văn bản pháp luật có liên quan, dự thảo Nghị định quy định theo hướng dẫn chiếu đến các quy định pháp luật tương ứng nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh trùng lặp, chồng chéo.</p> <p>Ví dụ, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố cáo hiện hành đã có quy định về bảo vệ người tố cáo, tố giác tội phạm và người thân; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã có quy định về việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức,</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>kiệm, chống lãng phí đã ban hành:</p> <p>a) Không tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được ban hành;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện không đầy đủ, không đúng nội dung, không đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Không phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>3. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung, yêu cầu của báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;</p> <p>b) Báo cáo không trung thực, không chính xác về kết quả, số liệu về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>4. Hành vi vi phạm về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không cập nhật hoặc cập nhật thông tin không đầy đủ, không đúng thời hạn vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;</p> <p>b) Cập nhật thông tin không chính xác, không trung thực.</p> <p>5. Hành vi vi phạm về thời hạn, nội dung và hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không thực hiện công khai thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định;</p> <p>b) Công khai không đúng thời hạn, hình thức,</p> | <p>người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> |
|--|---|--|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>không đầy đủ nội dung phải công khai theo quy định.</p> <p>6. Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.</p> <p>7. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>8. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:</p> <p>a) Không cung cấp hoặc cung cấp hồ sơ, tài liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra;</p> <p>b) Không bố trí người có trách nhiệm làm việc, không tham gia làm việc hoặc trì hoãn làm việc với cơ quan kiểm tra mà không có lý do chính đáng;</p> <p>c) Cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;</p> <p>d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên Đoàn kiểm tra;</p> <p>đ) Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định, yêu cầu, kết luận kiểm tra;</p> <p>e) Thiếu trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra.</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | <p>9. Hành vi cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>10. Hành vi vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân theo quy định của pháp luật về tố cáo, tố tụng hình sự.</p> <p>11. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí:</p> <p>a) Không ban hành hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Không triển khai hoặc triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí không đúng với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định này.</p> | |
| 7 | | <p>Điều 7. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức hằng năm vào ngày 31 tháng 5, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, nội dung, hình thức quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này.</p> <p>Điều 8. Nguyên tắc tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo đảm tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả. 2. Ưu tiên triển khai thực hiện trên môi trường điện tử. 3. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc tổ chức thực hiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị. | <p>Điều 9 Luật TK, CLP quy định ngày 31 tháng 5 hằng năm là Ngày toàn dân TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện Ngày toàn dân TK, CLP.</p> <p>Nhằm cụ thể hoá quy định của Luật TK, CLP và hướng tới mục tiêu xây dựng, lan toả văn hoá TK, CLP trong toàn xã hội, dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức triển khai, trách nhiệm và kinh phí tổ chức Ngày toàn dân TK, CLP. Theo đó, dự thảo Nghị định xác định các hoạt động trọng tâm để triển khai, bao gồm: (i) Tuyên truyền, khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa TK, CLP trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội; (ii) Phổ biến các quy định của pháp luật về TK, CLP gắn với đời sống của nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (iii) Phát động phong trào, cuộc thi</p> |

| | | |
|--|--|---|
| | <p>Điều 9. Nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân, tiết kiệm chống lãng phí</p> <p>1. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức với các hoạt động sau:</p> <p>a) Tuyên truyền, khẳng định vị trí, vai trò của văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội;</p> <p>b) Phổ biến quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí gắn với đời sống của nhân dân, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>c) Phát động phong trào, cuộc thi để tiếp nhận và lan tỏa các sáng kiến, giải pháp về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân;</p> <p>d) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>d) Nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được tổ chức dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;</p> <p>b) Các hình thức tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật;</p> <p>c) Ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức truyền thông khác để lan tỏa văn hóa</p> | <p>nhằm tiếp nhận, lan tỏa các sáng kiến, giải pháp về TK, CLP trong quản lý nhà nước cũng như trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân; (iv) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, có sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác TK, CLP.</p> <p>Đồng thời, dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính hàng năm hướng dẫn cụ thể nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân TK, CLP trên phạm vi cả nước và giao các bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương hướng dẫn nội dung, hình thức triển khai Ngày toàn dân TK, CLP trong phạm vi mình quản lý, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong từng giai đoạn.</p> |
|--|--|---|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>tiết kiệm, chống lãng phí; d) Hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>Điều 10. Trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>a) Hằng năm, Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước;</p> <p>b) Trên cơ sở hướng dẫn tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn về nội dung, hình thức tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi mình quản lý.</p> <p>2. Trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Cơ quan báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, các sáng kiến, giải pháp hiệu quả, gương người tốt, việc tốt trong tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Điều 11. Kinh phí tổ chức Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Kinh phí tổ chức các hoạt động của Ngày</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.</p> <p>2. Khuyến khích việc huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách để triển khai Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | |
|--|--|---|--|

| | | | |
|---|--|--|--|
| 8 | <p>Điều 4. Nội dung, nguyên tắc thực hiện công khai</p> <p>1. Nội dung công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định pháp luật có liên quan đến yêu cầu thực hiện công khai. Trường hợp nội dung công khai có liên quan đến bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</p> <p>2. Nguyên tắc thực hiện công khai:</p> <p>a) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin phải công khai và phù hợp với đối tượng tiếp nhận thông tin công khai;</p> <p>b) Cập nhật thường xuyên các thông tin đã công khai;</p> <p>c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về nội dung, thời hạn và hình thức công khai.</p> <p>3. Công khai về hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải có đủ các nội dung sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức có hành vi lãng phí;</p> <p>b) Hành vi lãng phí; biện pháp đã xử lý đối với người có hành vi lãng phí.</p> | | <p>Bỏ vì không thuộc nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
|---|--|--|--|

| | | | |
|---|--|---|--|
| 9 | <p>Điều 5. Hình thức công khai</p> <p>1. Hình thức công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan đến yêu cầu thực hiện công khai.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lựa chọn hình thức công khai phù hợp với nội dung công khai, đối tượng công khai; tổ chức thực hiện việc công khai trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định bắt buộc về hình thức công khai thì phải áp dụng hình thức công khai đó.</p> <p>3. Tùy theo quy mô cơ quan, tổ chức, phạm vi ảnh hưởng của lĩnh vực, địa bàn hoạt động, việc công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí thực hiện theo một trong các hình thức sau:</p> <p>a) Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Đưa lên Trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức;</p> <p>c) Thông báo trên các ấn phẩm báo chí của cơ quan, tổ chức hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> | <p>Điều 16. Hình thức công khai</p> <p>1. Hình thức công khai thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 và quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lựa chọn hình thức công khai phù hợp với nội dung công khai, đối tượng công khai; tổ chức thực hiện việc công khai trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý. Trong trường hợp pháp luật khác có quy định bắt buộc về hình thức công khai thì áp dụng theo quy định của pháp luật đó.</p> | <p>Cơ bản kế thừa quy định hiện hành và lược bỏ một số nội dung đã quy định cụ thể tại Luật Tiết kiệm, chống lãng phí 110/2025/QH15.</p> |
|---|--|---|--|

| | | | |
|----|---|---|--|
| 10 | <p>Điều 6. Thời điểm công khai</p> <p>1. Thời điểm công khai đối với các lĩnh vực quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, h, i Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Thời điểm công khai đối với lĩnh vực quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện như sau:</p> <p>a) Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm được công khai chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình, Báo cáo được ban hành;</p> <p>b) Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải được công khai chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.</p> | <p>Điều 17. Thời điểm công khai</p> <p>1. Việc công khai các nội dung theo quy định tại Điều 14 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác, bảo đảm quyền tiếp cận, giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Thời điểm công khai được xác định như sau:</p> <p>a) Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;</p> <p>b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành;</p> <p>c) Kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải được công khai trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý;</p> <p>d) Thời điểm công khai nội dung thông tin thuộc lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Trường hợp nội dung công khai được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế được công khai theo thời hạn áp dụng đối với nội dung công khai ban đầu.</p> <p>4. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc</p> | <p>Quy định về thời điểm công khai về TK, CLP tại dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa nguyên tắc quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP và bổ sung một số nội dung mới quy định tại Luật TK, CLP, theo đó: (i) Đối với nội dung công khai đã được quy định cụ thể tại Luật TK, CLP như Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình TK, CLP; Báo cáo kết quả công tác TK, CLP... thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này; (ii) Đối với các thông tin khác thuộc từng lĩnh vực TK, CLP thì thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.</p> <p>Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định thống nhất thời điểm công khai là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc ra quyết định xử lý đối với nội dung công khai để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ thời gian cần thiết thực hiện rà soát, hoàn thiện, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của thông tin được công khai (thay vì một số nội dung trước đây chỉ quy định 02 ngày theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP).</p> <p>Ngoài ra, trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến không bảo đảm thực hiện công khai thông tin theo đúng thời điểm nêu trên, dự thảo Nghị định cho phép được tính lại thời điểm công khai thông tin trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục, theo đó bảo đảm tính khả thi, linh hoạt trong tổ chức thực hiện.</p> |
|----|---|---|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>không đảm bảo thực hiện công khai thông tin theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này thì thời điểm thực hiện công khai được tính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố hoặc nguyên nhân khách quan được khắc phục.</p> <p>5. Cơ quan ban hành các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này và cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hành vi gây lãng phí có trách nhiệm thực hiện công khai đúng thời điểm các nội dung phải công khai theo quy định.</p> | |
|--|--|--|--|

| | | | |
|----|--|--|---|
| 11 | | <p>Điều 18. Yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương. 2. Bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia. 3. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ sở dữ liệu quốc gia và quy định pháp luật khác có liên quan. 4. Bảo đảm việc tích hợp, thống nhất và đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu. 5. Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. | <p>Quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 16 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 về yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với quy định tại Nghị định số 194/2025/NĐ-CP.</p> |
|----|--|--|---|

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | <p>Điều 19. Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. 2. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. 3. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí. 4. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí. 5. Thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí. | <p>Quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 16 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 về thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bao gồm các thông tin quan trọng có liên quan đến công tác này bao gồm chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí, kết quả xử lý hành vi gây lãng phí, thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
| 12 | | <p>Điều 20. Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin quy định tại Điều 18 Nghị định này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí; b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được ban hành, Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật | <p>Quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 16 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí. Trong đó, quy định cụ thể chủ thể có trách nhiệm cập nhật thông tin có liên quan vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí với yêu cầu về thời hạn cập nhật phù hợp với từng loại thông tin cần cập nhật.</p> <p>Đồng thời, bổ sung quy định về trường hợp được gia hạn thời hạn cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm với trình tự, thủ tục cụ thể để đảm bảo phù hợp các trường hợp có thể phát sinh trong thực tế,</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí do cơ quan mình ban hành hoặc do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ ngành, địa phương mình vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này;</p> <p>d) Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này;</p> <p>đ) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm cập nhật các thông tin khác liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo phù hợp với nội dung và thời hạn theo yêu cầu cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Việc gia hạn thời hạn cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được xem xét khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí bị gián đoạn hoặc gặp sự cố;</p> <p>b) Có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>ảnh hưởng đến việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Phát sinh sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc cập nhật thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn.</p> <p>3. Cơ quan đề nghị gia hạn phải có văn bản giải trình nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành, gửi cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để xem xét, chấp thuận. Việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí được gia hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí chấp thuận.</p> <p>4. Đối với các thông tin, dữ liệu đã có tại cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Tài chính để chia sẻ thông tin, dữ liệu tự động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | |
|--|--|---|--|

| | | | |
|----|--|--|--|
| 13 | | <p>Điều 21. Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Nghị định này và Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.</p> <p>3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>Quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 16 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 về khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Trong đó, quy định cụ thể tất cả các chủ thể bao gồm tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, cá nhân đều được khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí để phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> |
|----|--|--|--|

| | | | |
|----|--|---|--|
| 14 | | <p>Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Tổ chức tiếp nhận, chuẩn hóa, tích hợp, lưu trữ và quản lý thống nhất thông tin về tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>3. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong việc cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>4. Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung đối với thông tin không đầy đủ hoặc có phản ánh về việc thông tin không chính xác.</p> <p>5. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | <p>Quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 16 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 về quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Trong đó, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, bao gồm việc ban hành các quy định kỹ thuật, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác theo dõi, giám sát trong tiết kiệm, chống lãng phí</p> |
|----|--|---|--|

| | | | |
|----|--|--|---|
| 15 | <p>Điều 7. Trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí của người đứng đầu cơ quan, tổ chức</p> <p>1. Khi nhận được thông tin phát hiện lãng phí thuộc thẩm quyền giải quyết, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi nhận được thông tin có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, xác minh, làm rõ thông tin, hành vi lãng phí và thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra (nếu có). Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phát hiện lãng phí phải chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xác minh, xử lý.</p> <p>2. Việc xác minh thông tin phát hiện lãng phí bao gồm:</p> <p>a) Tình hình quản lý, sử dụng tiền, tài sản, lao động có liên quan đến thông tin phát hiện lãng phí tại cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Làm rõ sự việc lãng phí theo thông tin phát hiện;</p> <p>c) Xác định hành vi lãng phí, mức độ lãng phí.</p> <p>3. Căn cứ kết quả xác minh:</p> <p>a) Trường hợp có lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi để xảy ra lãng phí có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn, khắc phục; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và thông báo công khai kết quả xử lý hành vi lãng phí; thực hiện giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí.</p> | | <p>Lược bỏ các quy định về xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí do nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật TK, CLP.</p> |
|----|--|--|---|

| | | |
|--|--|--|
| <p>Thời hạn xử lý không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được thông tin phát hiện lãng phí; trường hợp cần thiết có thể gia hạn xử lý thông tin một lần nhưng không quá 30 ngày, đối với nội dung phức tạp thì không quá 60 ngày.</p> <p>b) Trường hợp chưa có cơ sở để xác định có lãng phí xảy ra hoặc thông tin không đúng sự thật thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí khi có yêu cầu.</p> <p>4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin phát hiện lãng phí không thực hiện, thực hiện không đúng quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Trường hợp do chậm ngăn chặn, khắc phục để tiếp tục xảy ra lãng phí gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức hoặc pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.</p> | | |
|--|--|--|

| | | |
|----|---|---|
| 16 | <p>Điều 23. Nội dung kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Nội dung kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>a) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;</p> <p>b) Việc xử lý thông tin phát hiện lãng phí, hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí;</p> <p>c) Việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân;</p> <p>d) Tình hình tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Nội dung kiểm tra theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 17 Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15.</p> <p>Điều 24. Trách nhiệm kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>a) Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này trong phạm vi cả nước;</p> <p>b) Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ nội dung quy định tại các điểm d và điểm e khoản 2 Điều 17 Luật</p> | <p>Luật TK, CLP đã quy định rõ nội dung kiểm tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc kiểm tra TK, CLP như sau:</p> <p>- Khoản 2, khoản 3 Điều 17 Luật TK, CLP quy định cụ thể từng nội dung kiểm tra TK, CLP và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>- Khoản 5 Điều 26 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính: <i>"5. Thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước"</i>.</p> <p>- Khoản 6 Điều 27 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương: <i>"6. Thực hiện kiểm tra về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý"</i>.</p> <p>- Khoản 4 Điều 29 Luật TK, CLP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp: <i>"4. Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương"</i>.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung, trách nhiệm trong kiểm tra TK, CLP theo hướng phân định rõ giữa kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP và kiểm tra tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Việc phân định như trên nhằm đảm bảo quy định rõ phạm vi kiểm tra TK, CLP, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP với hoạt động kiểm tra chuyên ngành.</p> |
|----|---|---|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15).</p> <p>2. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 25. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Tuân thủ pháp luật, khách quan, minh bạch, kịp thời, chính xác.</p> <p>2. Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>3. Không làm cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra.</p> <p>4. Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.</p> <p>5. Nội dung kiểm tra phải bám sát mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động có nguy cơ lãng phí cao; kết hợp kiểm tra với phòng ngừa và xử lý hành vi gây lãng phí.</p> <p>Điều 26. Mục đích kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí nhằm xem xét, đánh giá việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Kết quả kiểm tra chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện các dấu hiệu vi phạm, kiến</p> | <p>Ngoài ra, các quy định về nội dung, trách nhiệm, nguyên tắc, trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về TK, CLP tại dự thảo Nghị định nhằm tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện một cách toàn diện và bao quát.</p> <p>Trong đó, nội dung kiểm tra bao gồm cả những nội dung mới được quy định tại Luật TK, CLP như tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP; việc bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân; tình hình tổ chức thực hiện Ngày toàn dân TK, CLP,...</p> |
|--|---|--|

| | | |
|--|--|--|
| | <p>nghị cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Điều 27. Quyết định kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra:</p> <p>a) Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định;</p> <p>b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> <p>3. Nội dung quyết định kiểm tra:</p> <p>a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;</p> <p>b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;</p> <p>c) Đối tượng kiểm tra;</p> <p>d) Thành phần Đoàn kiểm tra và Trưởng đoàn kiểm tra;</p> <p>đ) Quyền hạn, trách nhiệm của Đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra;</p> <p>e) Thời hạn kiểm tra.</p> <p>4. Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.</p> <p>Điều 28. Thành phần Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống</p> | |
|--|--|--|

lãng phí được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

Điều 29. Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phải dựa trên lĩnh vực có nguy cơ lãng phí cao; kết quả quản lý, sử dụng nguồn lực; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu quản lý nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Trước ngày 01 tháng 3 hằng năm, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này có trách nhiệm ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm

quyền ban hành kế hoạch kiểm tra có thể điều chỉnh kế hoạch kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra phải được gửi cho cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước và đối tượng kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

Điều 30. Tiến hành kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

Việc công bố quyết định kiểm tra được thực hiện bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi bằng văn bản đến đối tượng kiểm tra; nội dung công bố phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện để đối tượng kiểm tra chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra thực hiện thu thập, xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra.

3. Lập biên bản kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, trong đó nêu rõ: thành phần Đoàn kiểm tra; đối tượng kiểm tra; tổ chức, cá nhân có liên quan; nội dung kiểm tra; kết quả xác minh; đánh giá việc quản lý, sử dụng nguồn lực; ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra phải có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra và đại diện đối tượng kiểm tra. Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản thì biên bản phải ghi rõ lý do và có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi kiểm tra hoặc của ít nhất một người làm chứng xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký.

b) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi gây lãng phí, hành vi vi

phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí thì Đoàn kiểm tra có trách nhiệm xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Trường hợp nội dung kiểm tra vượt quá phạm vi đánh giá hoặc cần làm rõ theo chức năng thanh tra, Trường đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để xem xét yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra theo quy định.

d) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Trường đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật.

4. Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 31. Kết luận kiểm tra

1. Trong thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra, Đoàn kiểm tra dự thảo kết luận kiểm tra và gửi cho đối tượng kiểm tra để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra. Trường hợp dự thảo kết luận kiểm tra phức tạp, có phạm vi rộng thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra.

2. Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ

ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, đối tượng kiểm tra gửi lại Đoàn kiểm tra ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra. Trường hợp dự thảo kết luận kiểm tra phức tạp, có phạm vi rộng thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra và phải thông báo bằng văn bản về việc kéo dài cho Đoàn kiểm tra.

3. Trong thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra hoặc 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà Đoàn kiểm tra không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, thì Trưởng đoàn kiểm tra trình người có thẩm quyền kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền.

4. Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra.

5. Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; xác định rõ sai phạm, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm; kiến nghị xử lý sai phạm và việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm; thời hạn thông báo kết quả việc thực hiện kết luận kiểm

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>tra.</p> <p>Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Chỉ đạo, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí với hoạt động kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí theo từng lĩnh vực, hoạt động thanh tra, kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>3. Kịp thời chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền đối với các kiến nghị của Đoàn kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin đến cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân để xem xét, xử lý theo quy định.</p> <p>5. Trường hợp qua kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phát hiện hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật thì kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;</p> <p>6. Quyết định tạm dừng kiểm tra trong trường hợp bất khả kháng; quyết định đình chỉ kiểm tra trong trường hợp đối tượng kiểm tra không</p> | |
|--|--|---|--|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>còn, nội dung kiểm tra đã được thanh tra, đã có quyết định khởi tố hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.</p> <p>7. Ban hành văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.</p> <p>8. Tổng hợp, báo cáo về hoạt động kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý.</p> <p>Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra; yêu cầu giải trình, làm rõ về các nội dung có liên quan.</p> <p>2. Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan, người có thẩm quyền khác áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích của hoạt động kiểm tra.</p> <p>3. Lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra về kết quả kiểm tra.</p> <p>5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Quyền của đối tượng kiểm tra</p> | |
|--|---|--|

| | | |
|--|--|--|
| | <p>a) Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này;</p> <p>b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra;</p> <p>c) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về hoạt động kiểm tra, quyết định xử lý về kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra</p> <p>a) Chấp hành quyết định kiểm tra; không cản trở, gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp;</p> <p>c) Chấp hành quyết định xử lý về kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | |
|--|--|--|

| | | | |
|----|---|--|---|
| 17 | <p>Điều 8. Trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí của cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp</p> <p>Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin phát hiện lãng phí có trách nhiệm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu, chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có phát hiện đề xảy ra lãng phí: <ol style="list-style-type: none"> a) Tổ chức kiểm tra, xác minh làm rõ thông tin phát hiện lãng phí; b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục hành vi lãng phí; xử lý hành vi lãng phí và báo cáo kết quả xử lý (nếu có); c) Giải trình về việc đề xảy ra lãng phí tại cơ quan, tổ chức; d) Bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo thẩm quyền. 2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi lãng phí. <p>Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí có quyền: <ol style="list-style-type: none"> a) Gửi văn bản hoặc trực tiếp cung cấp thông tin liên quan đến lãng phí tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Được giữ bí mật họ tên, địa chỉ và các thông tin cá nhân khác của mình; | | <p>Lược bỏ các quy định về xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí do nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật TK, CLP.</p> |
|----|---|--|---|

| | | | |
|----|--|---|--|
| 18 | | <p>Điều 12. Trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí</p> <p>1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí để xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được phê duyệt, các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.</p> <p>3. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Mục tiêu, yêu cầu và phạm vi thực hiện phù hợp với Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; lộ trình, thời hạn thực hiện; sản phẩm, kết quả đầu ra dự kiến;</p> <p>c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; cơ chế phối hợp trong tổ chức thực hiện;</p> <p>d) Nguồn lực và phương thức bảo đảm thực hiện;</p> <p>đ) Chế độ theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện.</p> <p>4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ,</p> | <p>Quy định chi tiết nội dung giao Chính phủ tại khoản 3 Điều 12 Luật TK, CLP về trách nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.</p> <p>Quy định theo hướng làm rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương trong việc xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.</p> <p>Các quy định này nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.</p> |
|----|--|---|--|

cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn xây dựng, tổng hợp, theo dõi tình hình ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Việc triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, lộ trình và phân công trách nhiệm trong Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã ban hành;

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan;

c) Phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành,

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>lĩnh vực, địa bàn quản lý.</p> <p>3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về kết quả triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí trong trường hợp cần thiết.</p> <p>4. Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.</p> | |
|--|--|--|--|

| | | | |
|----|--|--|---|
| 19 | <p>Điều 11. Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng hàng năm và dài hạn, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ. 2. Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương. 3. Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 4. Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên, lao động trong khu vực nhà nước. <p>Điều 12. Nội dung Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. 2. Mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. 3. Biện pháp bảo đảm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí đề ra. 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. | | <p>Lược bỏ các quy định về Chương trình tổng thể về thực hiện TK, CLP của Chính phủ theo giai đoạn và hằng năm do Luật TK, CLP hiện nay không còn quy định nội dung này (thay vào đó, Luật TK, CLP quy định Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí do Thủ tướng Chính phủ ban hành với tầm nhìn 10 năm; dự thảo Nghị định đã có quy định giao các Bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí).</p> |
|----|--|--|---|

| | | | |
|----|--|--|--|
| 20 | <p>Điều 13. Trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan, căn cứ theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm được Quốc hội thông qua, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua.</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, căn cứ Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn, nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thông qua.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thông qua.</p> <p>4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có sử</p> | <p>Điều 14. Trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Trước ngày 31 tháng 12, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được Quốc hội thông qua; Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; dự kiến nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của năm sau.</p> <p>2. Trước ngày 31 tháng 12, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và thực tế của địa phương để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của năm sau.</p> <p>3. Căn cứ yêu cầu của công tác tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương quyết định việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí</p> | <p>Điều 13 Luật TK, CLP quy định Chương trình TK, CLP được xây dựng hằng năm, bao gồm:</p> <p>(i) Chương trình TK, CLP hằng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tổ chức khác ở trung ương (sau đây gọi là bộ, cơ quan khác ở trung ương);</p> <p>(ii) Chương trình TK, CLP hằng năm của tỉnh, thành phố;</p> <p>(iii) Chương trình TK, CLP hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.</p> <p>Trên cơ sở quy định trên tại Luật, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai Chương trình TK, CLP. Trong đó, dự thảo Nghị định giao cho bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương tự quyết định việc ban hành Chương trình TK, CLP hằng năm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhằm bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, hạn chế việc phát sinh thủ tục không cần thiết đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã lồng ghép nội dung trong Chương trình TK, CLP của bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.</p> <p>Nội dung giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương xây dựng Chương trình TK, CLP trước ngày 01 tháng 10 hằng năm nhằm tạo thuận lợi, bảo đảm tính thống nhất chung trong việc xây dựng Chương trình, đáp ứng các yêu cầu về nội dung, nhiệm vụ, giải</p> |
|----|--|--|--|

| | | |
|---|---|---|
| <p>dụng ngân sách nhà nước, vốn, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên, lao động trong khu vực nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách theo hướng dẫn của Bộ, ngành, địa phương chủ quản.</p> <p>5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với công chức.</p> <p>Điều 14. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan mình; chỉ đạo cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã xây dựng;</p> <p>b) Bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung vào Chương trình các nội dung, biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đề ra;</p> | <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan mình; chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí đã xây dựng;</p> <p>b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí các nội dung, biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí để bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đề ra;</p> <p>c) Xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</p> <p>a) Ban hành Thông tư hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01 tháng 10 hằng năm;</p> <p>b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</p> <p>a) Ban hành Thông tư hướng dẫn các Bộ,</p> | <p>pháp theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền đối với công tác phòng, chống lãng phí trong từng lĩnh vực, từng thời kỳ, tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh lãng phí cao, các vấn đề nổi lên trong quản lý, điều hành liên quan đến TK, CLP.</p> |
|---|---|---|

| | | |
|--|---|--|
| <p>c) Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất các nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>d) Xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành, thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</p> <p>a) Kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xử lý theo thẩm quyền đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | <p>cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, địa phương xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01 tháng 10 hằng năm;</p> <p>b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | |
|--|---|--|

| | | |
|----|--|--|
| 21 | <p>Điều 35. Yêu cầu trong xây dựng báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí phải được xây dựng đầy đủ, trung thực, khách quan, phản ánh đúng tình hình triển khai công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý, lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Nội dung báo cáo phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được xác định trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hoặc theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Đảm bảo có đánh giá cụ thể về kết quả đạt được và kịp thời phản ánh những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. 4. Số liệu, thông tin trong báo cáo phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với dữ liệu đã cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan. 5. Đảm bảo báo cáo được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, đề cương, biểu mẫu báo cáo theo quy định. 6. Người ký báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của báo cáo. | <p>Về yêu cầu trong xây dựng báo, dự thảo Nghị định quy định các yêu cầu về nội dung, hình thức, thẩm quyền và trách nhiệm của người ký báo cáo, trong đó nội dung báo cáo phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã được xác định trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hoặc theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng.</p> <p>Quy định này nhằm giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp xác định rõ các yêu cầu cần đảm bảo trong xây dựng báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác tổng hợp, đánh giá phục vụ xây dựng báo cáo tổng thể.</p> |
|----|--|--|

| | | | |
|----|--|--|---|
| 22 | <p>Điều 15. Trách nhiệm báo cáo</p> <p>1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gửi Bộ Tài chính.</p> <p>2. Bộ Tài chính tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm sau.</p> | <p>Điều 37. Trách nhiệm xây dựng, tổng hợp báo cáo</p> <p>1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực được phân công phụ trách trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa bàn quản lý.</p> <p>3. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của mình gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đồng thời gửi biểu mẫu báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí về Bộ Tài chính.</p> <p>4. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước, xây dựng báo cáo của Chính phủ để trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội theo quy định.</p> | <p>Dự thảo Nghị định kế thừa các quy định hiện hành về việc Các Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cơ quan, tổ chức, địa bàn mà mình quản lý. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước, xây dựng báo cáo của Chính phủ để trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội theo quy định.</p> <p>Đồng thời, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng quy định cụ thể doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp (bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết) có trách nhiệm thực hiện báo cáo kết quả TK, CLP trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời gửi biểu mẫu báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí về Bộ Tài chính.</p> <p>Quy định này phù hợp với thực tế việc tổng hợp báo cáo kết quả công tác TK, CLP hiện nay, có đầy đủ cơ sở theo dõi, đánh giá tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> |
|----|--|--|---|

| | | | |
|----|--|---|---|
| 23 | <p>Điều 16. Hình thức, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo</p> <p>1. Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện bằng văn bản theo các hình thức sau:</p> <p>a) Báo cáo năm;</p> <p>b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội.</p> <p>2. Kỳ báo cáo:</p> <p>a) Đối với báo cáo năm: Số liệu báo cáo từ 01/01 đến 31/12 hàng năm;</p> <p>b) Đối với báo cáo đột xuất: Số liệu báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Thời hạn gửi báo cáo:</p> <p>a) Báo cáo kết quả năm gửi Bộ Tài chính trước ngày 28/02 năm sau liền kề năm báo cáo;</p> <p>b) Thời hạn gửi báo cáo đột xuất thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.</p> | <p>Điều 38. Hình thức, thời gian chốt số liệu báo cáo, phương thức và thời hạn gửi báo cáo</p> <p>1. Báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo các hình thức sau:</p> <p>a) Báo cáo năm;</p> <p>b) Báo cáo chuyên đề;</p> <p>c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>2. Thời gian chốt số liệu báo cáo:</p> <p>a) Đối với báo cáo năm: Số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm;</p> <p>b) Đối với báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Phương thức và thời hạn gửi báo cáo:</p> <p>a) Báo cáo năm phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 28 tháng 02 năm sau liền kề năm báo cáo;</p> <p>b) Báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính;</p> <p>c) Trường hợp do các nguyên nhân quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này dẫn đến không thể cập nhật báo cáo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể gửi báo cáo dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (có ký số) đến Bộ Tài chính, bảo đảm theo đúng thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> | <p>Về phương thức gửi báo cáo, dự thảo Nghị định sửa đổi từ phương thức gửi báo cáo trực tiếp về Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP sang thực hiện cập nhật báo cáo trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP. Quy định này nhằm bảo đảm tính kịp thời trong công tác tổng hợp báo cáo, giảm thủ tục hành chính cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.</p> <p>Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP gặp sự cố hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến không thể cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, dự thảo Nghị định cho phép gửi, nhận báo cáo bằng bản giấy hoặc bản điện tử (có ký số) để đảm bảo tính kịp thời trong tổng hợp và xây dựng báo cáo chung trình cấp có thẩm quyền.</p> <p>Về thời hạn cập nhật báo cáo năm vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP, dự thảo Nghị định kế thừa quy định về thời hạn tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn cập nhật báo cáo năm là “<i>trước ngày 28/02 năm sau liền kề năm báo cáo</i>”; thời hạn cập nhật báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Trường hợp gửi báo cáo bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử (có ký số) cũng phải đảm bảo thời hạn như cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP.</p> |
|----|--|---|---|

| |
|--|
| |
| |
| |
| |
| |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 24 | <p>Điều 17. Nội dung báo cáo</p> <p>1. Nội dung báo cáo năm bao gồm:</p> <p>a) Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực được giao quản lý theo các lĩnh vực quy định trong Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí đặt ra trong Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Xác định phương hướng, nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm tiếp theo;</p> <p>d) Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Nội dung báo cáo đột xuất thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.</p> | <p>Điều 36. Nội dung báo cáo</p> <p>1. Nội dung báo cáo năm gồm:</p> <p>a) Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó phải nêu rõ mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí theo kế hoạch đã đề ra; kết quả tiết kiệm đạt được theo từng lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán về tiết kiệm, chống lãng phí; tình hình phát hiện, xử lý hành vi gây lãng phí; công tác tiếp nhận, xử lý thông tin lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân (nếu có);</p> <p>c) Đánh giá tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;</p> <p>d) Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong năm tiếp theo.</p> <p>2. Nội dung báo cáo chuyên đề, nội dung báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).</p> <p>3. Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đề cương, biểu mẫu báo cáo năm.</p> | <p>Nội dung báo cáo năm theo hướng cụ thể hoá những nội dung mới được quy định tại Luật TK, CLP như Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân... và giao Bộ Tài chính hướng dẫn đề cương, biểu mẫu báo cáo năm đảm bảo thống nhất chỉ tiêu mẫu biểu và các thông tin báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí của tất cả các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước.</p> |
|----|---|---|--|

| | | | |
|----|--|--|--|
| 25 | <p>Điều 18. Kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo</p> <p>1. Trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo:</p> <p>a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;</p> <p>b) Bộ Tài chính kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Yêu cầu kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo:</p> <p>a) Việc kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm, kế hoạch rõ ràng, đồng thời với việc chấn chỉnh công tác báo cáo tại nơi kiểm tra;</p> <p>b) Kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo phải đồng thời với kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, làm rõ kết quả đạt được, các mặt yếu kém cần khắc phục;</p> <p>c) Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.</p> <p>3. Xử lý kết quả kiểm tra:</p> <p>a) Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra quy định tại Điều a Khoản 1 Điều này có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo thực hành tiết</p> | | <p>Lược bỏ do việc kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo đã là một nội dung trong quy định về kiểm tra việc chấp hành tổ chức, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nói chung.</p> |
|----|--|--|--|

| | | | |
|----|--|--|--|
| | <p>kiệm, chống lãng phí và công khai kết quả xử lý theo quy định;</p> <p>b) Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm và công khai kết quả xử lý theo quy định.</p> | | |
| 26 | <p>Điều 19. Trách nhiệm thực hiện bồi thường trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p> <p>1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có hành vi vi phạm, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định tại các Điều 27, 32, 45, 53 và 58 của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước có hành vi vi phạm, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định tại Điều 61, 62 của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, để xảy ra lãng phí, gây thiệt hại phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại tài sản của cơ quan, tổ chức mà không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này thì có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức hoặc pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.</p> <p>2. Đối với các tổ chức, cá nhân khác vi phạm quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gây thiệt hại phải</p> | | <p>Lược bỏ các quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại trong THPT, CLP do nội dung về bồi thường thiệt hại dự kiến được quy định tại một Nghị định riêng theo Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.</p> |

bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 20. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm bồi thường phải căn cứ vào lỗi, tính chất của hành vi lãng phí gây thiệt hại, mức độ lãng phí, thiệt hại thực tế gây ra để quyết định mức và phương thức bồi thường thiệt hại; bảo đảm khách quan, công bằng và công khai.

2. Trách nhiệm bồi thường được xác định tương ứng với mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người. Trường hợp không xác định được mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người thì trách nhiệm bồi thường được chia đều cho từng người.

3. Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại có trách nhiệm thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại để xem xét, giải quyết việc bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp ngay sau khi phát hiện có hành vi lãng phí, gây thiệt hại phải bồi thường, người có nghĩa vụ bồi thường có đơn xin tự nguyện bồi thường, hoàn trả thiệt hại và được người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại đồng ý bằng văn bản về mức, phương thức và thời hạn bồi thường thì không phải thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường thiệt hại trong trường hợp này không được thấp hơn giá trị thiệt hại sơ bộ được đánh giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 21. Xác định giá trị thiệt hại và số tiền bồi thường thiệt hại

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải tiến hành xác minh sơ bộ đánh giá giá trị thiệt hại và lập biên bản về nội dung vụ việc để làm căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước vi phạm gây lãng phí thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp, cơ quan quản lý trực tiếp có trách nhiệm tổ chức tiến hành xác minh sơ bộ giá trị thiệt hại và lập biên bản về nội dung vụ việc để làm căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

2. Xác định giá trị thiệt hại:

a) Thiệt hại là tài sản thì giá trị tài sản bị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị thực tế của tài sản (tính theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra thiệt hại) trừ đi giá trị còn lại của tài sản (nếu có) tại thời điểm xảy ra thiệt hại;

b) Thiệt hại là tiền, giấy tờ có giá hoặc các tài sản khác dưới dạng tiền tệ, tài chính thì giá trị tài sản bị thiệt hại được xác định bằng số tiền thực tế bị thiệt hại;

c) Các thiệt hại khác xác định trên cơ sở chênh lệch tính thành tiền giữa định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt với thực tế thực hiện và chi phí khắc phục hậu quả (nếu có).

3. Số tiền bồi thường thiệt hại được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam và xác định căn cứ vào:

a) Bản tường trình trách nhiệm của người có hành vi gây lãng phí;

b) Kiến nghị của Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 22. Thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước nơi xảy ra lãng phí có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

3. Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Điều 23. Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Trong vòng 15 ngày, kể từ khi có quyết định xử lý hành vi lãng phí hoặc nhận được kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước nếu rơi vào trường hợp phải thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại (sau

đây gọi là Hội đồng), người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại có trách nhiệm thành lập Hội đồng để xem xét, giải quyết việc bồi thường thiệt hại. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 22 Nghị định này làm Chủ tịch Hội đồng;
- b) Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp làm Ủy viên;
- c) Người phụ trách bộ phận tài chính, kế toán của cơ quan, tổ chức làm Ủy viên;
- d) Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường làm Ủy viên (nếu có);
- đ) Một chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật làm Ủy viên (nếu cần);
- e) Chủ tịch Hội đồng cử một Ủy viên làm nhiệm vụ Thư ký Hội đồng để giúp việc cho Hội đồng.

3. Không bố trí những người có quan hệ gia đình đối với người có hành vi lãng phí, gây thiệt hại vào thành phần Hội đồng. Những người có quan hệ gia đình bao gồm: Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi (bên vợ hoặc bên chồng), vợ (hoặc chồng), con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh, chị, em ruột (bên vợ hoặc bên chồng), cháu nội, cháu ngoại.

4. Hội đồng làm việc theo các nguyên tắc:

- a) Hội đồng họp khi có đủ từ 03 thành viên trở lên tham dự, trong đó bắt buộc có Chủ

| | | |
|--|--|--|
| <p>tịch Hội đồng, đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp, người phụ trách bộ phận tài chính, kế toán của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, khách quan và tuân theo các quy định của pháp luật;</p> <p>c) Kiến nghị của Hội đồng về mức, thời hạn và phương thức bồi thường được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín theo nguyên tắc đa số và hợp lệ; trường hợp số phiếu đồng ý bằng số phiếu không đồng ý thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định;</p> <p>d) Cuộc họp của Hội đồng phải có biên bản ghi ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị mức, thời hạn và phương thức bồi thường;</p> <p>đ) Các cuộc họp của Hội đồng phải có sự tham dự của người có nghĩa vụ bồi thường. Trường hợp người có nghĩa vụ bồi thường vắng mặt sau 02 lần được Hội đồng triệu tập mà không có lý do chính đáng thì đến lần thứ 03, sau khi Hội đồng triệu tập, nếu người đó tiếp tục vắng mặt thì Hội đồng vẫn họp và người gây ra thiệt hại phải thi hành quyết định về bồi thường thiệt hại.</p> <p>5. Chậm nhất sau 07 ngày, kể từ khi Hội đồng được thành lập, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức cuộc họp để xem xét việc bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra. Hội đồng có trách nhiệm xem xét và đưa ra kiến nghị về:</p> <p>a) Xác định hành vi lãng phí;</p> <p>b) Đánh giá mức độ thiệt hại thực tế do</p> | | |
|--|--|--|

hành vi lãng phí gây ra;

c) Xác định trách nhiệm của từng cá nhân có hành vi lãng phí gây ra thiệt hại;

d) Kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại về mức, thời hạn và phương thức bồi thường thiệt hại cụ thể đối với từng cá nhân.

Điều 24. Hồ sơ xử lý

1. Khi xem xét, giải quyết việc bồi thường phải căn cứ vào hồ sơ xử lý trách nhiệm bồi thường của vụ việc, bao gồm:

a) Quyết định xử lý hành vi lãng phí hoặc kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có) về hành vi vi phạm pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Bản tường trình của người có hành vi lãng phí gây thiệt hại;

c) Hồ sơ kinh tế - kỹ thuật (nếu có) của trang bị, thiết bị hoặc tài sản bị mất, hư hỏng hoặc thiệt hại;

d) Biên bản đánh giá sơ bộ giá trị tài sản bị thiệt hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

đ) Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ xử lý trách nhiệm bồi thường phải được gửi các thành viên Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường trước khi họp Hội đồng 05 ngày làm việc.

Điều 25. Trình tự họp Hội đồng

1. Hội đồng họp xem xét giải quyết việc bồi thường theo trình tự sau:

a) Chủ tịch Hội đồng công bố thành phần

| | | |
|---|--|--|
| <p>tham gia;</p> <p>b) Ủy viên được cử làm nhiệm vụ Thư ký Hội đồng báo cáo về hành vi lãng phí gây thiệt hại và mức bồi thường thiệt hại;</p> <p>c) Hội đồng nghe giải trình của người có hành vi lãng phí gây thiệt hại và ý kiến của các thành viên Hội đồng;</p> <p>d) Hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín về mức, thời hạn và phương thức bồi thường;</p> <p>đ) Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp;</p> <p>e) Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên được giao nhiệm vụ làm Thư ký Hội đồng ký biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng bỏ phiếu thông qua mức, thời hạn và phương thức bồi thường, Chủ tịch Hội đồng phải hoàn thành hồ sơ cuộc họp và kiến nghị của Hội đồng gửi tới người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.</p> <p>Điều 26. Ra quyết định về bồi thường thiệt hại</p> <p>1. Trường hợp có thành lập Hội đồng thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại.</p> <p>2. Trường hợp không thành lập Hội đồng thì trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm gây lãng phí, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này phải ra quyết định về bồi thường</p> | | |
|---|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| <p>thiệt hại.</p> <p>3. Trường hợp sau khi đã ra quyết định về bồi thường thiệt hại mà phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi lỗi, mức độ vi phạm và số tiền bồi thường thiệt hại đã kết luận trước đó thì tổng thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện những tình tiết mới, người có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức họp lại Hội đồng để xem xét, quyết định lại số tiền bồi thường hoặc xem xét, quyết định lại số tiền bồi thường thiệt hại theo thẩm quyền.</p> <p>4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về bồi thường thiệt hại, người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại phải gửi cho người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại để thi hành.</p> <p>5. Trường hợp người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại chuyên công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu trước ngày ra quyết định về việc bồi thường thiệt hại thì vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.</p> <p>Điều 27. Thực hiện bồi thường, tạm hoãn thực hiện bồi thường</p> <p>1. Người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại phải thực hiện bồi thường một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định về bồi thường thiệt hại.</p> <p>Trường hợp số tiền bồi thường không thể nộp một lần thì sau khi trừ phần đã nộp ngay, số tiền còn lại được trả dần trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày có quyết định về bồi thường thiệt hại. Nếu người có nghĩa vụ bồi thường không đủ khả năng</p> | | |
|--|--|--|

| | | |
|---|--|--|
| <p>bồi thường thì phải trừ 20% (hai mươi phần trăm) tiền lương hàng tháng cho đến khi bồi thường đủ theo quyết định của người có thẩm quyền.</p> <p>2. Người chưa hoàn thành bồi thường mà chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi ra quyết định bồi thường thiệt hại có trách nhiệm yêu cầu người đó phải bồi thường phần còn thiếu trước khi chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu. Trường hợp người có nghĩa vụ bồi thường chưa có điều kiện trả ngay phần còn thiếu hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh việc thực hiện bồi thường thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi ra quyết định bồi thường thiệt hại có thể phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú để yêu cầu người đó tiếp tục thực hiện bồi thường.</p> <p>3. Các cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú của người có nghĩa vụ bồi thường chưa có điều kiện chi trả hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức nơi người đó trước đây công tác trong việc yêu cầu người đó tiếp tục thực hiện trách nhiệm bồi thường.</p> <p>4. Tạm hoãn thực hiện bồi thường:</p> <p>a) Người có nghĩa vụ thực hiện bồi thường được tạm hoãn thực hiện bồi thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đang điều trị tại các bệnh viện, phụ nữ trong thời kỳ nghỉ thai sản; | | |
|---|--|--|

| | | |
|---|--|--|
| <p>- Gia đình thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận;</p> <p>- Đang bị tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh và kết luận về hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>b) Thời gian tạm hoãn thực hiện bồi thường như sau:</p> <p>- Tối đa không quá 06 tháng đối với trường hợp đang điều trị tại các bệnh viện, phụ nữ trong thời kỳ nghỉ thai sản; gia đình thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận;</p> <p>- Tối đa bằng thời gian tạm giam, tạm giữ đối với trường hợp đang bị tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh và kết luận về hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>c) Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại xem xét quyết định việc tạm hoãn thực hiện bồi thường quy định tại Khoản 4 Điều này.</p> <p>Điều 28. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền, tài sản bồi thường</p> | | |
|---|--|--|

| | | | |
|----|--|--|--|
| | <p>1. Cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại có trách nhiệm thu đủ số tiền bồi thường thiệt hại và xác định việc hoàn trả cho cơ quan, tổ chức trực tiếp chịu thiệt hại hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Tiền bồi thường thiệt hại do người có nghĩa vụ bồi thường nộp phải được thu, theo dõi chi tiết cho từng lần nộp (nếu nộp nhiều lần) và quản lý theo chế độ tài chính hiện hành.</p> <p>3. Tiền bồi thường thiệt hại được sử dụng để chi cho việc xác định số tiền bồi thường, phần còn lại được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức trực tiếp chịu thiệt hại. Trường hợp đã có nguồn kinh phí khác bù đắp thiệt hại hoặc việc bồi thường phát sinh sau khi đã quyết toán ngân sách thì nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước theo quy định.</p> <p>Việc nộp tiền bồi thường thiệt hại vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho cơ quan, tổ chức trực tiếp chịu thiệt hại phải được lập đầy đủ chứng từ theo quy định.</p> | | |
| 27 | <p>Điều 29. Khen thưởng</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 77 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được khen thưởng.</p> <p>2. Hình thức khen thưởng:</p> <p>a) Theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>b) Các hình thức khen thưởng theo quy chế</p> | | |

| | | |
|--|--|--|
| <p>của cơ quan, đơn vị.</p> <p>3. Nguồn khen thưởng:</p> <p>a) Nguồn tiền thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>b) Nguồn kinh phí tiết kiệm do áp dụng giải pháp, sáng kiến, rút ngắn tiến độ mang lại;</p> <p>c) Nguồn kinh phí do ngăn chặn được lãng phí khi được phát hiện và khắc phục kịp thời (nếu có);</p> <p>d) Nguồn kinh phí được giao tự chủ của cơ quan, tổ chức.</p> <p>4. Việc tính toán, xác định khen thưởng từ nguồn khen thưởng theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này được căn cứ vào:</p> <p>a) Thời gian hoàn thành vượt tiến độ;</p> <p>b) Chi phí tiết kiệm được do hoàn thành vượt thời gian, áp dụng giải pháp, sáng kiến, rút ngắn tiến độ.</p> <p>5. Sử dụng nguồn khen thưởng:</p> <p>a) Việc sử dụng nguồn khen thưởng theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>b) Đối với nguồn khen thưởng quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải xây dựng quy chế sử dụng trên nguyên tắc xác định rõ các tiêu chí được khen thưởng để đảm bảo việc khen thưởng đúng người, đúng việc, kịp thời động viên, nêu gương tốt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức.</p> | | |
|--|--|--|

| | | | |
|----|--|---|--|
| 28 | <p>Điều 30. Quản lý, sử dụng số tiền tiết kiệm được từ kinh phí hoạt động để khen thưởng</p> <p>1. Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính được sử dụng một phần kinh phí tiết kiệm từ nguồn kinh phí được giao tự chủ của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 29 Nghị định này để khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức có thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Mức thưởng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.</p> | | |
| 29 | <p>Điều 31. Hiệu lực thi hành</p> <p>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014. Bãi bỏ Nghị định số 68/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bãi bỏ các quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật tại Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> | <p>Điều 39. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.</p> <p>2. Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> | |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 30 | | <p>Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>Trường hợp Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> | <p>Để bảo đảm tính liên tục, ổn định trong tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định cho phép cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đã ban hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Quy định này nhằm tránh khoảng trống pháp lý, bảo đảm không làm gián đoạn việc triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về TK, CLP đã và đang được triển khai thực hiện.</p> |
| 31 | <p>Điều 32. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p> | <p>Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện</p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p> | <p>Kế thừa các quy định hiện hành tại Nghị định 84/2014/NĐ-CP.</p> |